



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THANH TỊNH HÒA HỢP: TIÊU CHÍ CỦA TĂNG ĐOÀN** (HT Thích Minh Tâm), trang 1
- **HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT** (HT Thích Thắng Hoan), trang 2
- **CHÙA THIÊN MINH VÀ NGÀY VỀ NGUỒN V** (ĐNT Tín Nghĩa), tr. 2
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC, tiếp theo** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **TỔ ÁN TRÙNG QUANG, TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM** (HT Thích Ánh Thiệt), trang 5
- **TRƯỜNG TUYỂN NGƯỜI LÀM PHẬT - ĐẠI GIỚI ĐÀN QUẢNG ĐỨC 2011...** (T. Nguyễn Siêu), tr. 6
- **NGƯỜI CƯ SĨ GƯƠNG MẪU** (Thích Đức Trí), trang 7
- **HUẤN TẬP** (thơ Biểu Ý), trang 7
- **TẠI SAO PHẬT GIÁO KHÔNG TÔN THỜ ĐÁNG SÁNG THÉ?** (Thích nữ Tịnh Quang), trang 8
- **NHÌN** (thơ Huệ Giáo), trang 8
- **NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA NI TRONG ĐOÀN THỂ TĂNG-GIÀ** (Khải Tuệ), trang 10
- **MƯỜN** (thơ Võ Quỳnh Uyên), tr. 11
- **VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP** (Thị Giới dịch), trang 12
- **GÓC PHỐ XƯA** (Mã Nhược Mai), trang 13
- **KẸ GÁNH CỎ KHÔ TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ** (Huệ Trân), trang 14
- **LÁ THƯ THỨ 3 KẾT THÚC NGÀY HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ** (HT Thích Minh Tâm), trang 14
- **PHẬT GIÁO LÀ TÔN GIÁO PHÁT TRIỂN NHANH NHẤT...** (Đào Văn Bình), trang 15
- **HÌNH ẢNH LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ - NGÀY VỀ NGUỒN V TẠI PHÁP** (chuathienminh), tr. 16 & 17
- **ĂN MÀY CỬA PHẬT** (Lam Khê), trang 19
- **Ý NGHĨA ĂN CHAY** (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 20
- **THƠ: BÌNH MINH MỞ CỬA** (Kiều Mộng Hà), **DUYÊN NGHIỆP MONG MẠNH** (Chiêu Hoàng), **TÓC XƯA** (Bạch Xuân Phê), tr. 20
- **KHO BÁU - thi kệ của Trần Nhân Tông** (Nguyễn Giác - Phan Tấn Hải), trang 21
- **THOÁNG NHÌN NGỌN LỬA RỪNG...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 21
- **CẢM ƠN, LÁ RỤNG** (thơ Huyền Vũ), trang 21
- **PHÁP UYÊN CHÂU LÂM - Thiên Trụ Trì** (Thích Chúc Hiền dịch), trang 22
- **PHÙ VÂN** (thơ Tịnh Hạnh), tr. 23
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 24

THANH TỊNH HÒA HỢP: TIÊU CHÍ CỦA TĂNG ĐOÀN

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch chư Trưởng lão cùng chư tôn thiên đức Tăng Ni tham dự Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ 5 hôm nay,

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni khắp nơi, vì không gian cách trở, hoặc vì phật sự tại địa phương, đã không thể quang lâm chứng minh, tham dự, Kính thưa toàn thể quý Phật tử,

Chúng ta cần lắng đọng tâm tư trong những giờ phút tự hội trang nghiêm này, trước hết để tri ân Đức Thế Tôn và chư lịch đại Tổ Sư đã chứng ngộ và hoằng hóa suốt hơn 25 thế kỷ qua để đến thời kỳ mạt pháp, chúng ta vẫn còn được phước duyên tiếp nhận Chánh Pháp tối thượng; thứ đến, trong niềm tri ân sâu sắc đối với tiền nhân, những người xuất gia và tại gia chúng ta ngày nay, cũng nên ý thức trách nhiệm của mình trước sự suy vi của đạo pháp trong vận nghiệp chung của dân tộc và nhân loại.

Trách nhiệm ấy, nói đơn giản, là việc gìn giữ cho ngọn đèn Chánh Pháp luôn bùng tỏa, không bị lu mờ hay lụi tắt trước những cơn gió chướng của nghiệp báo và phiền não, của hoàn cảnh và nhân tâm.

Nhiều năm qua, từ trong nước ra đến hải ngoại, Tăng đoàn luôn bị quấy phá, vu hãm, lạm dụng, khiến nảy sinh những tà pháp, tà nhân, ác pháp, làm vấn đục thể diện của hàng ngũ xuất gia, đẩy hàng phật-tử sơ tâm vào lưới

nghe trùng trùng, không thể phân biệt đầu là nẻo chánh để đi, đâu là đường tà để tránh. Lý tưởng mờ mịt, đường đi không thấy, làm sao đạt đến mục đích tối hậu của giải thoát giác ngộ!

Từ khả năng và hoàn cảnh riêng biệt của mỗi cá nhân, chúng ta đã nỗ lực khá nhiều để vực dậy những gì cao đẹp bị đốn ngã, nhẩn nại dọn dẹp những rác rưởi do ngoại đạo ác đảng vùi trên đất lành của chúng ta. Nhưng ngần ấy chưa đủ, và có thể nói rằng không biết đến bao giờ mới gọi là đủ. Bao lâu thế gian này còn phiền não và thống khổ, trách nhiệm của chúng ta vẫn còn. Điều cần làm trước mắt là tất cả chúng ta phải tri nhận con đường mà Đức Phật và lịch đại Tổ Sư đã kinh qua: vận dụng sức mạnh của Tăng đoàn để hóa giải những dị biệt, vượt qua những chướng ngại, đồng tâm đồng lực trong sứ mệnh thắp sáng ngọn đèn tuệ giác mà soi chiếu cho nhân loại và chúng sanh.

Sức mạnh của Tăng đoàn ấy là gì? - Là sự hòa hợp, cảm thông, hiểu biết. Để có sự hòa hợp của đại chúng, mỗi cá thể phải tự đặt mình trên cương vị của một đại tượng phụ ở trong ngôi nhà Đại bi của Như Lai, khoác áo Nhẫn nhục của Như Lai, và ngồi trên tòa "Nhất thiết pháp không" của Như Lai. Một cách vắn tắt, từ nơi vô ngã, vô trụ mà xác định lập cước của mình giữa thế gian, trong mọi thời đại. Đây là con đường duy nhất và tối thượng của hàng đệ tử Phật; và đây cũng chính là lý do, chúng ta cần

thường xuyên hội họp để giảng luận Chánh Pháp, trùng tuyên Luật tạng như Phật huấn thị.

Trong tinh thần đó, chúng ta đã đồng tâm tổ chức Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại hàng năm mà năm nay là lần thứ 5.

Kính thưa quý liệt vị,
"Tăng già hòa hợp" là tiêu chí của tất cả những người con Phật còn ưu tư thao thức với tiền đồ đạo pháp. Tiêu chí này khi được áp dụng vào hành động thực tế, tất nhiên sẽ bị ngoại đạo, ác đảng và những người vong thân, lia cội, ra sức công kích, hủy báng. Nhưng học theo Phật, chúng ta không tranh cãi với thế gian. Chúng ta chỉ cần biểu hiện con đường quang minh của mình. Con đường ấy, nhìn lui về quá khứ, không quên ân đức sâu dày của tiền nhân, hướng về tương lai, không thể lãng quên sứ mệnh dẫn dắt đàn hậu học. Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư, tổ chức Giới Đàn Quảng Đức, chính là biểu hiện tối thiểu mà chúng ta có thể làm được để hướng tâm về việc trang nghiêm bản thể Tăng đoàn.

Vô cùng hoan hỷ trước sự tự hội thanh tịnh hòa hợp của chư tôn thiên đức Tăng Ni xa gần, chúng tôi xin thành kính ngỏ lời cung nghinh, và xin long trọng tuyên bố khai mạc Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ 5 tại đạo tràng Chùa Thiên Minh hôm nay.

Nam mô Thanh tịnh Đại hải Chúng Bồ tát.
Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại

Sa môn Thích Minh Tâm

(Diễn văn Khai mạc Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn V)



Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn 5
tại Chùa Thiên Minh, Pháp quốc

HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT

Sa Môn Thích Thắng Hoan

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiền Đức,
Kính thưa quý quan khách và đồng hương Phật tử,

Từ khi đức Thích Tôn thiết lập Tăng Đoàn Xuất Gia đến nay, đã trên hai mươi lăm thế kỷ, cộng đồng Tăng Già dù ở trong thời đại hay quốc độ nào cũng đều lấy bản thể thanh tịnh và hòa hợp làm nội lực duy trì và phát triển hầu thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp, chuyển mê khai ngộ và giải khổ quần sinh.

Tăng đoàn có thanh tịnh thì mới làm tấm gương sáng soi đường cho thất chúng đệ tử Phật tiếp tục sự nghiệp tự giác, giác tha. Tăng đoàn có hòa hợp thì mới có sức mạnh bền vững và siêu việt để thực hiện các Phật sự trọng đại truyền bá Phật Pháp và cứu khổ nhân sinh. Đánh mất yếu tính thanh tịnh và hòa hợp, Tăng đoàn trở thành một cộng đồng bị tha hóa, biến chất và phân ly là cơ duyên bất thiện đưa tới những đấu tranh nội bộ, hao mòn nội lực và không còn vị thế Chúng Trung Tôn.

Trong Kinh Di Giáo, đức Thế Tôn đã ân cần khuyến tấn rằng, "Các thầy Tỷ kheo, hãy thường nhất tâm, nỗ lực cần cầu tuệ giác giải thoát. Toàn thể vũ trụ, dầu pháp biến động hay pháp bất động, đều là trạng thái bất an và tan rã."

Quả thật vậy, chúng ta đang sống trong thời đại đầy biến động và khủng hoảng, từ lãnh vực kinh tế đến lãnh vực đạo đức tâm linh. Đời sống nhân loại ngày càng bất an vì thiên tai và nhân họa. Trong quan điểm của Đạo Phật, đó là hệ nghiệp tất yếu của những gì do chính con người tự tạo ra trong đời này hay trong đời quá khứ. Phương thức duy nhất để giải thoát khỏi những khổ đau và triền phược cho mình và đồng loại trong đời sống bất an đó, chính là con đường chuyển hóa nghiệp lực, mà trọng điểm then chốt là sự chuyển hóa nội tâm của từng cá nhân. Giải pháp hữu hiệu nhất cho công cuộc chuyển hóa tâm thức không gì sánh bằng thực nghiệm tinh tấn Giáo Pháp Giác Ngộ mà đức Phật đã khai mở.

Trong bối cảnh thời đại và xã hội đó, vai trò của những Sư Giải Như Lai thật vô cùng quan trọng và cần thiết. Đúng vậy, Tăng đoàn phải là lực lượng và sức mạnh đi đầu trong sứ mệnh giải khổ cho cộng đồng xã hội. Từng thành viên của Tăng đoàn phải là những chiến sĩ dũng cảm đi tiên phong trong cuộc chiến đấu-tranh quyết liệt với vô minh, cuồng vọng, cuồng tín, bất an, khủng hoảng, đói khát lầm than, và vô vàn thống khổ khác. Muốn làm được như vậy, Tăng đoàn, trước hết phải là cộng đồng thanh tịnh và hòa hợp, để từ đó hoạch định những Phật sự cần thiết đáp ứng nhu cầu của xã hội và thời đại. Song song với sứ mệnh đó là việc nỗ lực không ngừng đối với công cuộc đào tạo Tăng Ni tài đức để nối tiếp trọng trách hoằng dương Đạo Pháp, thừa đương Phật sự cho thế hệ Thầy Tổ. Đây chính là nội dung và mục tiêu của Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn mà mỗi năm cộng đồng Tăng Già Việt Nam Hải Ngoại đều tổ chức trong suốt năm năm qua.

Trong ý nghĩa đó, hôm nay, trong ngày khai hội Ngày Về Nguồn Lần Thứ 5 và Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, với sự quang lâm và câu hội đông đủ của chư Tôn Thiền Đức từ khắp năm châu bốn biển về đạo tràng Chùa Thiện Minh, Pháp Quốc này, tôi cảm nhận được hương vị thanh tịnh, hòa hợp mà cộng đồng Tăng Già Việt Nam hải ngoại mang đến.

Trong niềm hỷ lạc vô biên ấy, tôi xin nhất tâm đánh lễ Đại Tăng và cầu nguyện bản thể thanh tịnh, hòa hợp của Tăng Già Việt Nam hải ngoại luôn luôn tỏa sáng.

Trân trọng cảm ơn và kính chào chư tôn Thiền Đức cùng liệt quý vị.

Sa Môn Thích Thắng Hoan

(Đạo từ của Trưởng lão Tỷ-kheo đại diện Tăng đoàn trong Lễ Khai Mạc Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 5 tại Chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc - từ ngày 09 đến 11.9.2011)

CHÙA THIỆN MINH VÀ NGÀY VỀ NGUỒN V

Điều ngự tử TÍN NGHĨA

Ngày Về Nguồn V, được trang trọng tổ chức và có tầm cỡ quan trọng là giữ gìn phong cách và phẩm chất của hàng Tăng sĩ từ ngày 08 đến 11 tháng 09 năm 2011, tại chùa Thiện Minh, thành phố Lyon, Pháp Quốc thành công viên mãn.

Ngôi chùa Thiện Minh được tái tạo hai lần.

*.- Lần thứ nhất, khi Hòa thượng Tánh Thiết định cư tại Pháp, về cộng tác với Hòa thượng Thích Minh Tâm; đồng thời, bắt đầu hòa nhập công tác Phật sự theo tinh thần mới của xứ trời Tây. Ban đầu, chỉ mượn nhà của đạo hữu Cao Văn Trường ở số 44 Blvd., Lenine, 69200 - Rhône tạm thời làm nơi sinh hoạt; kể từ cũng nhờ sự hướng dẫn của ngài Minh Tâm, Cổ vẫn chỉ đạo và tạm thời kiếm một chỗ như là cái gia vị tự, với danh xưng Hội Phật Giáo và Niệm Phật Đường Thiện Minh, địa chỉ 37 Fontanière - 69100 Villeurban-nai. Sau đó, với uy tín và tâm đạo nhiệt thành, đã tìm một cơ sở mới cũng cái gia vị tự, rồi lần lần tìm phương thức hữu hiệu hòa đồng với quần chúng và chính quyền sở tại để có một ngôi phạm vũ đưa văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt Nam lồng vào văn hóa mới tây phương hòa điệu một cách nhịp nhàng, qua địa chỉ chính thức 51 Rue Cuzieu - 69100 Sainte Foy Les Lyon, và cũng chính thức mang tên là Chùa Thiện Minh. Ngôi tân gia lam này được trang trọng cử hành Đại lễ Khánh thành, đồng thời, một Đại giới đàn Liễu Quán cũng được mở ra cùng một lúc vào các ngày 04, 05 và 06 tháng 5 năm 1990 (nhằm các ngày 11, 12 và 13 tháng Tư Canh Ngọ).

*.- Lần thứ hai, ngôi chùa đang sinh hoạt nhịp nhàng; vào lúc 1giờ30, sáng Chủ nhật, ngày 18 tháng 06 năm 2006, ngọn lửa vô thường đã thiêu rụi ngôi phạm vũ này thành đồng tro tàn. (đặc biệt, phòng kinh sách cháy không còn chút gì, không hiểu phước duyên nào, khi lửa tàn, tro lạnh, Hòa thượng Tánh Thiết vào bươi đồng tro tàn ấy, thì thấy tấm ảnh hai huynh đệ chúng tôi chụp chung, bị cháy chung quanh mà hình ảnh thì còn nguyên, như ảnh dính kèm).

Hòa thượng Tánh thiết thấy lửa cháy ngùn ngụt ở chánh điện, liền chạy ra hành lang, nhảy xuống sân và kêu đồ chúng mau chạy ra để thoát thân trong làn khói đen ngịt. Mở mắt sáng tinh sương ở Lyon, Hòa thượng gọi báo cho chúng tôi, chúng tôi tưởng là mơ. Hòa thượng vừa thở, vừa nói mếu máo:

- Thầy Tín Nghĩa ơi! Chùa Thiện Minh bị cháy. Già rồi, sáu chục tuổi hơn, làm sao mà xây dựng lại được đây. Công trình mấy chục năm trời nay trở thành mây khói, tro tàn.

Chúng tôi an ủi:

- Thôi, bây giờ thầy cứ im lặng và nghỉ ngơi cho khỏe. Sáng mai, tôi ngủ dậy sẽ gọi phone lại cho thầy

sau.

Chúng tôi ngủ dậy, thì đồng hồ ở Paris cũng đã 12 giờ trưa. Chúng tôi điện thoại qua Hòa thượng Thích Minh Tâm để hỏi tự sự tường tận hơn.

Hòa thượng bảo:

- Tôi nghe thầy Tánh Thiết gọi báo chùa cháy, tôi tưởng thầy nói giỡn. Tôi vừa cười vừa nói qua phone là khuya rồi, ngủ đi có chi sáng mai hãy hay. Thế nhưng, chốc chốc thầy lại gọi nữa, lúc ấy tôi mới tin là chùa Thiện Minh bị cháy. Tôi vẫn chưa rõ nguyên nhân...

Câu chuyện trao đổi qua lại với Hòa thượng Minh Tâm, với Thượng tọa Tâm Minh, chùa Trúc Lâm ở Úc cũng không mấy rõ chi tiết gì cho lắm.

Thời gian thắm thoát trôi qua, vừa được bảo hiểm đền bù, vừa vận động. Chư Tôn đức khắp đó đây nghe tin cũng hoan hỷ ủng hộ. Có những hội Phật giáo, những Phật tử xa gần chưa một lần quen biết thầy cũng nhiệt tình ủng hộ. Lễ đặt đá lần thứ hai cho ngôi chùa Thiện Minh được diễn ra vào lúc 10 giờ 30 sáng Chủ nhật, ngày 29 tháng 10 năm 2006.

Ngày 12 tháng 11 năm 2001, thầy chính thức ký hợp đồng với nhà thầu và xây cất mái chùa trong vòng sáu tháng để tạm thời có nơi lễ bái.

Đại lễ Khánh thành lần thứ hai được diễn ra từ thứ Sáu, ngày 03 đến ngày 09 tháng 3 năm 2011. Trong Đại lễ này gồm có vừa Đại lễ Phật đản 2554, vừa Khánh thành và Chấn tế Bạt độ Cô hồn. Hai lần đại lễ này, chính bản thân chúng tôi cũng là vừa Sám chủ vừa chứng minh.

Điều đáng thán phục ở Hòa thượng Tánh Thiết là: Cho dù hoàn cảnh chùa chiến đàng trong công tác tái tạo; vừa vận động vừa trông coi xây cất, vừa tế với nhà thầu, bốn đạo thập phương; nhưng những công tác Phật sự chung từ Ngày Về Nguồn đầu tiên ở chùa Pháp Vân, Canada do Thượng tọa Thích Tâm Hòa làm Trưởng ban đến Ngày Về Nguồn II và III ở Hoa Kỳ, Ngày Về Nguồn IV ở Tu viện Viên Đức, Đức Quốc đều không bỏ sót, cho dù Giáo chỉ Số 9 đến với Bốn Giáo Hội các châu lục ra sao; ngày thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tại chùa Bát Nhã, Hòa thượng vẫn tham gia và tham dự rất nồng nhiệt. Hòa thượng đã hành xử cái Dũng trong Phật giáo đúng mức, ứng dụng tâm nguyện lúc ban đầu phát tâm xuất gia là hoài bội đạo cố, thượng cầu hạ hóa.

Đặc biệt hơn nữa là: Trong tinh thần chung, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại định cung thỉnh Bình bát thừa truyền Ngày Về Nguồn V qua Úc châu; nhưng, vì lúc ấy đại diện chỉ một mình Hòa thượng Thích Bảo Lạc, Phó hội chủ tham dự không thể vắng mặt và tự chuyên được, vì Hòa thượng Hội chủ Thích Như Huệ chuẩn bị lên máy bay phó hội thì phải vào nhà thương, Thượng tọa Phó hội chủ Thích Quảng Ba trên đường từ Ấn Độ về dự thì bị mất giấy thông hành. Giấy phút có phần hơi khó xử, không khí hình như hơi nặng nề tràn vào phòng hội, chư



tôn Giáo phẩm Hoa Kỳ nhìn nhau; thì Phật Tổ gia hộ, trong đầu óc tôi (*Thích Tín Nghĩa*), nảy ra một tia sáng, chúng tôi liền đến với Hòa thượng Tánh Thiệt, hai huynh đệ lùi vào hậu tố, kéo theo Hòa thượng Nguyễn Siêu và đồng đề nghị Hòa thượng can đảm đứng ra nhận. Sau thời gian ba huynh đệ thảo luận, Hòa thượng Tánh Thiệt hoan hỷ và đồng đến trước Đại chúng đứng ra lãnh trọng trách tổ chức Ngày Về Nguồn V và Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư tại chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc. Đại chúng thở phào nhẹ nhõm, một tràng pháo tay nồng nhiệt, tán dương hạnh huyện vì đạo quên mình của Hòa thượng.

***.- Ngày Về Nguồn V - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư**

Sau khi nhận lãnh trọng trách, việc đầu tiên là xin thỉnh vấn ý kiến của Hòa thượng Minh Tâm và chư Tôn đức trong Giáo Hội Âu Châu để thành lập Ban tổ chức, kết quả khả quan làm tăng phần khởi và nỗ lực cho Hòa thượng Tánh Thiệt.

Ngoài Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, Ngày Về Nguồn V tại Chùa Thiện Minh còn tổ chức Đại Giới Đàn Quảng Đức vào ngày 08.9.2011 với danh sách chư tôn đức Tăng Ni và các tiết mục chính như sau:

a.- Danh sách Chư Tăng Ni tham dự :

*.- **Hoa Kỳ:** HT Thích Thăng Hoan, HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Trí Tuệ, HT Thích Nguyên An, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Thông Hải, TT Thích Minh Dung, TT Thích Tâm Tường, TT Thích Minh Hậu, TT Thích Đồng Trí, TT Thích Đức Niệm, Đại Đức Thích Minh Trọng, Sư Cô Thích Nữ Tịnh Phước, Sư Cô Thích Nữ Nguyên Giác và Sư Cô Thích Nữ Chung Hạnh. - *.- **Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan:** HT Thích Như Huệ, HT Thích Bảo Lạc, TT Thích Quảng Ba, TT Thích Trường Sanh, TT Thích Thiện Hiền, TT Thích Phổ Hương, Đại đức Thích Giác Thuận, Sư Cô Thích Nữ Đạo Hương, Sư cô Thích Nữ Giác Niệm. - *.- **Canada:** HT Thích Bốn Đạt, TT Thích Tâm Hòa, TT Thích Viên Diệu, TT Thích Trường Phước, Sư Cô Thích Nữ Từ Diệu, Sư Cô Phước Toàn, Thích Xoa Ma na Nguyên Diệp. - *.- **Pháp:** HT Thích Minh Tâm, HT Thích Tánh Thiệt, HT Thích Giác Huệ, TT Thích Quảng Đạo, TT Thích Nguyên Lộc, TT Thích Tịnh Quang, TT Thích Minh Phú, TT Thích Thiện Niệm, Đại Đức Thích Quảng Viên, Đại Đức Thích Quảng Giới, Đại Đức Thích Minh Đăng, Sư bà Thích Nữ Như Tuấn, Ni Sư Thích Nữ Như Tường, Ni Sư Thích Diệu

Trạm, Sư Cô Thích Nữ Diệu Hoàng, Sư Cô Thích Nữ Thông Ngân, Sư Cô Thích Nữ Thông Nghĩa, Thích Xoa Diệu Hòa, Thích Xoa Pháp Lạc, Sư Cô Thích Nữ Nhất Nguyên, Sư Cô Thích Nữ Chân Mẫn, Sư Cô Thích Nữ Tâm Nghĩa, Sư cô Anila Kunchog Dolma, Sư Cô Thích Nữ Như Quang, Sư Cô Thích Nữ Nhuận Lương, Sư Cô Thích Nữ Tịnh Hiền, Thích Xoa Diệu Hòa, Thích Xoa Pháp Lạc và Sa Di Ni Huệ Phước. - *.- **Áo:** Sư cô Thích Nữ Diệu Giới, - *.- **Na Uy:** Đại Đức Thích Viên Tịnh, Đại Đức Thích Viên Giác, Đại Đức Thích Vạn Tấn, Sư Cô Thích Nữ Diệu Thảo. - *.- **Thụy Điển:** Đại Đức Thích Nhuận Hỷ và Đại Đức Thích Tịnh Phước. - *.- **Đức:** HT Thích Như Điển, HT Thích Quảng Bình, TT Thích Đồng Văn, TT Thích Thiện Sơn, Đại Đức Thích Giác Trí, Đại Đức Thích Từ Trí, Đại Đức Thích Thông Trạm, Đại Đức Thích Pháp Nhẫn, Đại Đức Thích Từ Nhơn, Đại Đức Thích Trung Lưu, Đại Đức Thích Tâm Nhật, Đại Đức Thích Thông Trì, Đại Đức Thích Thông Tánh, Đại Đức Thích Huệ Chuyển, Đại Đức Thích Huệ Ngộ, Đại Đức Thích Huệ Lộc, Đại Đức Thích Giác Bảo, Sa Di Thích Thiện Hải, Sa Di Thích Thiện Pháp, Ni Sư Thích Nữ Minh Hiếu, Ni Sư Thích Nữ Như Thủy, Sư cô Thích Nữ Thông Chu, Sư Cô Thích Nữ Như Huệ, Sư Cô Thích Nữ Thiên Châu, Sư cô Thích Huệ Nghiêm, Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Châu, Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm, Sư cô Thích Nữ Giác Tịnh, Sư cô Thích Nữ Huệ Thơ, Thích Xoa Thích Nữ Thông Chương, Thích Xoa Thích Nữ Huệ Triều, và Sa di Ni Thích Nữ Đồng Hương. - *.- **Dan Mạch:** Đại Đức Thích Pháp Quang và Sư Cô Thích Nữ Tuệ Âm. - *.- **Bỉ:** Sư cô Thích Nữ Tịnh Ấn. - *.- **Hòa Lan:** TT Thích Minh Giác và TT Thích Thông Trí. *.- **Thụy Sĩ:** TT Thích Quảng Hiền, một vị Đại đức người Ba Lan, Ni Sư Thích Nữ Như Minh, Sư Cô Thích Nữ Đàm Thuận, Sư Cô Thích Nữ Tịnh Hóa và Sư Cô Thích Nữ Đàm Thịnh.

b.- Cung an chú sự :

Trong mục này, khởi đầu Hòa thượng Trưởng ban khai thỉnh, như sau :

"... Đạo do nhơn tạo, đạo tại Tăng hoẵng, Tam bảo hưng long, Như Lai thành đạo, Lộc giả uyển, khai truyền Tăng bảo. Tam thừa thánh giáo, phổ nhuận từng nguyên, Nam Bắc hưng dương, y truyền hiển mật.

Song lâm thị tịch, di chúc giáo ngôn:

"Nhữ đẳng tỳ kheo, Như Lai diệt độ hậu, nhữ đẳng y Ba la đề mộc xoa, Như Lai tại thế bất dị dã."

..... Tư thời, Pháp Quốc, Thiện Minh tự, y luật sở giáo, y luật tuyên dương, y Tăng tác pháp, nhi đặc tục Phật huệ mạng, diễn giáo chánh tôn, thượng sùng hạ dẫn." Kính cung thỉnh: Chư giới sư trong Đoàn tràng :

Đàn đầu Hòa thượng: HT Thích Thăng Hoan,
Yết ma A xà lê sư: HT Thích Như Huệ,
Giáo thọ A xà lê sư: HT Thích Minh Tâm, HT Thích Bảo Lạc.
Đệ I Tôn chúng sư: HT Thích Trí Tuệ,
Đệ II Tôn chúng sư: HT Thích Tín Nghĩa,
Đệ III Tôn chúng sư: HT Thích Nguyên An,
Đệ IV Tôn chúng sư: HT Thích Quảng Bình,
Đệ V Tôn chúng sư: HT

Thích Nguyên Tri,
Đệ VI Tôn chúng sư: TT Thích Quảng Ba,
Đệ VII Tôn chúng sư: TT Thích Minh Giác.

Ban khảo hạch:

TT Thích Trường Sanh và TT Thích Tâm Hòa.
TT Thích Quảng Ba (đặc trách phần ngoại quốc).

Tôn chúng ni:

Ni trưởng Thích Nữ Như Tuấn, Ni trưởng Thích Nữ Diệu Tâm, Ni sư Thích Nữ Như Thủy, Ni sư Thích Nữ Như Tường và Ni sư Thích Nữ Minh Hiếu.

Dẫn thỉnh sư:

TT Thích Tịnh Quang và TT Thích Trường Phước.

Tà, hữu giám đàn:

TT Thích Đồng Văn và TT Thích Phổ Hương.

Sám chú: HT Thích Tín Nghĩa.

c.- Giới tử được tấn đàn:

*.- **Tỳ kheo gồm:**

1.- Huỳnh Hải, Pháp danh Chúc lang, tự Giác Thuần,
2.- Nguyễn Hải Triều, Pháp danh Vạn Tấn,
3.- Nguyễn Cam Bích, Pháp danh Đồng Đức, tự Thống Trách,
4.- Phạm Cao Tuấn, Pháp danh Đồng Tú, tự Thống Trì,
5.- Nguyễn Văn Ngộ, Pháp danh Đồng Lý, tự Thông Trạm,
6.- Phan Xuân tấn, Pháp danh Nguyên Từ, tự Phước Toàn,
7.- Đặng Ngọc Trân, Pháp danh Thiện Châu, tự Giác Bảo,
8.- Samuel Matheis, Pháp danh Huệ Lộc, tự Trung Liễu,
9.- Wolf Schacht, Pháp danh Huệ Ngộ, tự Trung Kiên,
10.- Seth Krentcil, Pháp danh Huệ Chuyên, tự Trung Thành.

*.- **Tỳ kheo ni:**

1.- Từ Lang Phương, Pháp danh Tịnh Ấn,
2.- Nguyễn Ngọc Sương, Pháp danh Diệu Mai, tự Giác Tịnh,
3.- Nguyễn Thị Tiểu, Pháp danh Chúc Nhận, tự Giác Niệm,
4.- Đỗ thị Bé, Pháp danh Diệu Giới,
5.- Nguyễn Thu Hương, Pháp danh Diệu Liên, tự Pháp Thiện.

*.- **Thích Xoa Ma Na:**

1.- Dương Ngọc Bích, Pháp danh Đồng Thụy, tự Thông Chu,
2.- Tôn Nữ Hương Thảo, Pháp danh Nguyên Diệp, tự Tánh Hiền,
3.- Martina Glaubite, Pháp danh Huệ Nghiêm, tự Trung Hạnh,
4.- Johanna Basch, Pháp danh Huệ Thơ, tự Trung Quang,
5.- Maya Oelke, Pháp danh Huệ Triều, tự Trung Chánh,
6.- Sens-Olive Isabelle, Pháp danh Kunchog Dolma.

*.- **Sa Di :**

1.- Nguyễn Tuấn An, Pháp danh Thiện Phát,
2.- Bùi Văn Thiện, Pháp danh Thiện Pháp, tự Trung Đạo,
3.- Phạm Thanh Đông, Pháp danh Thiện Hải, tự Trung Tín.

*.- **Sa di ni :**

1.- Phan Thị Hường, Pháp danh Đồng Hương.

Kỳ Đại giới đàn Liễu Quán 126 vị tất cả và thuần là Việt tộc, có đến 108 vị phát tâm thọ Tại gia Bồ tát giới, có nhiên hương cúng dường và có 97 vị thọ Thập thiện giới. Đại giới đàn Quảng Đức chỉ có 25 vị tất cả, nhưng có đến 07 vị ngoại quốc, gồm cả Đức, Pháp và Tây tạng; 80 vị phát tâm thọ Tại gia Bồ tát giới, nhưng không có lễ nhiên hương cúng dường, không có đàn truyền Thập thiện giới.

Tuy thế, cả hai Đại giới đàn đều quy tụ giới tử từ khắp các châu lục về cầu giới pháp.

d.- **Thuyết trình:**

Trong Ngày Về Nguồn V, đề tài tham luận được thuyết trình:

d.1. Hạnh nguyện của Bồ tát Thích Quảng Đức, do Hòa thượng Thích Bảo Lạc đảm trách.

d.2. Cuộc đời và Hạnh nguyện của Hòa thượng Thích Thiện Minh, Hòa thượng Thích Tín Nghĩa khởi dòng và Hòa thượng Thích Nguyên Siêu thuyết trình.

Cả hai đề tài phù hợp với Ngày Về Nguồn V - **thứ nhất**, là Giới đàn mang tên Bồ tát Thích Quảng Đức, **thứ hai**, tổ chức tại ngôi chùa mang tên Thiện Minh. Cả hai Ngài đều đem thân vô úy mà cúng dường, phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

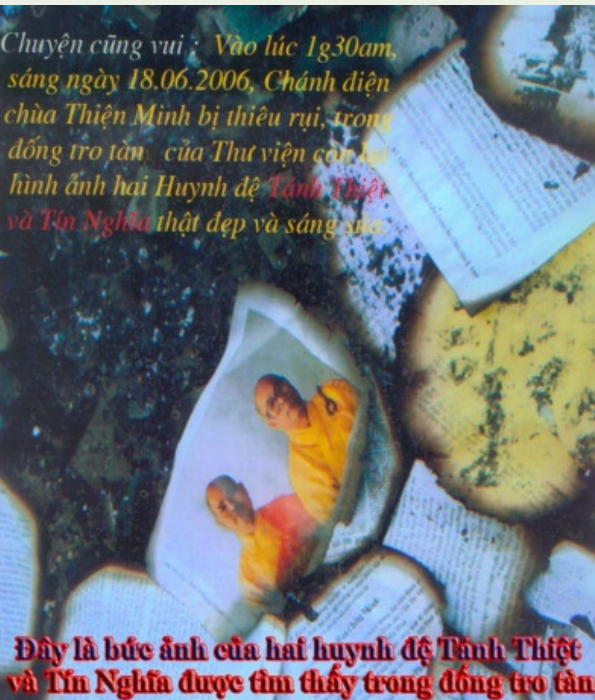
Những vị thuyết trình viên đã xử dụng hai bài tham luận vừa đầy đủ ý nghĩa, vừa hướng dẫn cho hậu bối xuất gia và tại gia hiểu rõ tường tận Pháp nạn 1963 và sự phát nguyện tự thiêu thân của Bồ tát Thích Quảng Đức, cúng dường để bảo vệ Chánh pháp, xóa tan bất bình đẳng tôn giáo; hiểu rõ hơn về Hòa thượng Thích Thiện Minh đã xem nhẹ bản thân, chấp nhận lao tù, chấp nhận một cái chết trong ngục thất tại Hàm Tân, để đổi lấy tự do, an bình cho quê hương, cho dân tộc.

e.- **Đại lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư:**

Vào khoảng 9 giờ 30 sáng, Chủ nhật, trên 120 vị Tăng ni và trên một ngàn đồng hương Phật tử từ khắp các châu lục về tham dự.

Đoàn rước đầy đủ nghi trượng như ở quê nhà. Đi đầu là đoàn dâng hoa đăng, kể là biểu tượng huy hiệu của Ngày Về Nguồn V, kể đến thứ tự, Hòa thượng Trưởng ban hai tay nâng bình bát Ngày Về Nguồn, kiệu rước Long vị Lịch Đại Tổ Sư, kiệu rước di ảnh Bồ tát Quảng Đức, kiệu rước di ảnh Hòa thượng Thiện Minh, do bốn em Phật tử ngoại quốc cung nghinh; tùy tùng là chư tôn đức Tăng Ni; hai bên Phật tử sắp thành hàng dài từ chùa đồ xuống dốc đến lễ đài chính thức.

Buổi lễ kéo dài hai tiếng rưỡi đồng hồ. Sau phần nghi lễ cộng đồng, đến lễ chính thức Hiệp kỳ, có phần Sám chủ cung đọc văn Truy tán khi trầm, khi bổng theo giọng ai rất cảm động. Trước khi kết thúc, Hòa thượng Trưởng ban cùng chư tôn đức trong Hội đồng Giáo phẩm Úc Châu và Tân tây Lan đứng ra nhận Bình bát lưu truyền để thừa hành Phật sự do Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại ủy phó trách nhiệm tổ chức Ngày Về Nguồn VI. Lễ tất, Chư tôn đức Tăng ni và Phật tử, đồng hương chụp hình lưu niệm và Ban tổ chức cúng dường trai tăng.



Chuyện cũng vui : Vào lúc 1g30am, sáng ngày 18.06.2006, Chánh điện chùa Thiện Minh bị thiêu rụi, trong đồng tro tàn của Thư viện còn lại hình ảnh hai Huynh đệ Tánh Thiệt và Tín Nghĩa thật đẹp và sáng sủa

Đây là bức ảnh của hai huynh đệ Tánh Thiệt và Tín Nghĩa được tìm thấy trong đồng tro tàn



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

H.- DUY THỨC HỌC VÀ TAM LUẬN TÔNG:

Tam Luận Tông cũng gọi là Tứ Luận Tông hoặc gọi là Pháp Tướng Tông. Chữ Tướng ở đây là chỉ cho Pháp Tướng. Pháp Tướng nghĩa là phá trừ sự chấp trước đối với các Pháp Tướng. Pháp Tướng còn có nghĩa khác nữa là đối với chỗ không liễu nghĩa nơi giáo lý của Pháp Tướng Duy Thức thêm ý tứ phê phán vào. Tam Luận là căn cứ nơi "Vô Sở Đắc" và "Duyên Khởi Tánh Không" của các bộ Kinh Bát Nhã để thành lập tông phái. Tông Tam Luận không lập ột pháp nào cả, nhằm mục đích phá toàn bộ quan niệm Có và KHÔNG để hiển bày chân lý TRUNG ĐẠO DUYỆN KHÔI. Nguyên do, Tông này thuyết minh ý nghĩa Duyên Khởi tức là Tánh Không, Tánh Không tức là Trung Đạo và Trung Đạo cũng tức là nghĩa Bát Nhã. Bát Nhã là Huệ Vô Phân Biệt và cũng gọi là Trí Vô Sở Đắc. Hành giả một khi quán sát cần phải sử dụng Huệ Vô Phân Biệt để nhận thức tánh không phân biệt hiện tiền của các pháp. Cho nên Đại Sư Thái Hư gọi Tông này là Pháp Tánh Không Huệ Tông. Giáo lý của Tông Tam Luận chủ trương so với học thuyết của Duy Thức, cả hai lập trường không giống nhau và quan điểm cũng khác nhau. Cho nên trong hai Tông này, mỗi học phái có chỗ sai biệt nhau của nó. Như học thuyết Trung Đạo Nhị Đế, vì lập trường không giống nhau, cho nên mỗi mỗi kỳ thị nhau và mỗi mỗi phủ nhận nhau. Điều đặc biệt, nghĩa Trung Đạo của Duyên Khởi tức là Tánh Không nơi Tông Tam Luận cùng với nghĩa Trung Đạo của Viên Ly Nhị Biên nơi Duy Thức mặc dù sai biệt nhau, nhưng cũng có chỗ dung thông với nhau. Vấn đề trên đây sau này sẽ thuật lại, hôm nay trước hết xin trình bày giáo nghĩa của Tông Tam Luận:

1.- Giáo Nghĩa Tam Luận Tông:

a)- Phán Nhiếp Phật Pháp (Phê phán về Phật Pháp)

Phật Pháp của Tông Tam Luận có thể chia làm ba điểm:

* Bánh xe pháp căn bản của Tông này là hướng về Kinh Hoa Nghiêm.

* Bánh xe pháp chi nhánh của Tông này là giảng Kinh A Hàm và Kinh Bát Nhã.

* Bánh xe pháp thay thế chi nhánh quy về căn bản của Tông này là giảng Kinh Pháp Hoa.(1)

Duy Thức và Bát Nhã đều thuộc về bánh xe pháp chi nhánh, nhằm phát huy giáo nghĩa thâm mật của

Kinh Lăng Già và Bát Nhã.

b)- Phá Tà Hiền Chánh (Đả phá tà pháp để hiển bày chánh pháp)

Tông chỉ căn bản của Tông Tam Luận là "Phá Tà hiền chánh". Về phương diện phá tà, Tông này chủ trương: một là đả phá quan niệm chấp trước của ngoại đạo cho rằng có ngã thật và pháp thật. Như Bách Luận chính là bộ luận đả phá sự chấp trước của ngoại đạo cho rằng có Thiên Thần, v.v... và cũng đả phá sự chấp trước một bên của Tiểu Thừa. Hai là đả phá quan niệm chấp trước của Tiểu Thừa cho rằng có ngã pháp thật sự, đặc biệt đối với sự chấp trước về thật pháp của Hữu Bộ và của Đại Thừa Duy Thức. Như Trung Luận chính là bộ luận đả phá sự chấp trước một bên của Tiểu Thừa và của ngoại đạo. Ba là đả phá quan niệm chấp trước về Thiên Không của Thành Thật Luận. Cái Không của Thành Thật Luận quan niệm không giống như cái Không tròn đầy và biến khắp pháp giới của Tam Luận chủ trương. Cho nên cái Không của Thành Thật Luận được gọi là Thiên Không. Phá tà pháp để hiển bày chánh pháp là yếu chỉ của Tông Tam Luận. Về phương diện hiển bày chánh pháp, giáo nghĩa của Tông này cũng phân làm ba loại:

1>- Nghĩa Vô Sở Đắc: (ý nghĩa không có chỗ chứng đắc)

Nghĩa lý toàn bộ Kinh Bát Nhã từ xưa đến nay đều nằm trong phương pháp quy nạp cho nên mang ý nghĩa Vô Sở Đắc. "Vô Sở Đắc" tức là yếu chỉ nói rằng không có một pháp nào được thiết lập cả. Đặc biệt nơi pháp Huệ Học Tánh Không của Phật Pháp nếu như có chỗ chứng đắc thì không phải cứu cánh. Vì lý do đó, Kinh Bát Nhã nói: Vô Đắc Chánh Quán. Chữ Quán nghĩa là quán sát hoặc là nhận thức. Trí Bát Nhã sử dụng để quán chiếu pháp không thì pháp không không có tự tánh để chứng đắc. Trí Bát Nhã hiểu biết chính xác như thế gọi là Vô Đắc Chánh Quán. Nhờ Chánh Quán của Trí Vô Đắc, sự kiến chấp đối với Phật Pháp và Phi Phật Pháp thì mới có khả năng phê bình và phán đoán thêm nữa. Và lại Chánh Quán của Trí Vô Đắc là thuộc về loại Trí căn bản, cho nên có thể chứng trực tiếp được Nhị Không Chân Như. Nhị Không Chân Như nghĩa là cảnh giới năng và sở, cả hai đều không còn nữa. Cũng nhờ Chánh Quán của Trí Vô Sở Đắc, Đạo Bồ Đề mới có thể chứng đắc và Chân Như Thật Tướng mới có thể hiển bày. Cho nên Tâm Kinh nói rằng: "Vì không có chỗ chứng đắc, các vị Bồ Tát nhờ nương theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho nên Tâm không bị chướng ngại. Tâm vì không bị chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi mộng tưởng điên đảo, đạt đến Niết Bàn tuyệt đối. Các đức Phật trong ba đời cũng do nương nhờ Bát Nhã Ba La Mật Đa đều được chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác". Ý nghĩa đây đã được Kinh Bát Nhã giải thích rất sâu rộng.

2>- Nghĩa Duyên Khởi Tánh Không: (ý nghĩa tánh duyên khởi đều không)

Kinh Bát Nhã đặc biệt thuyết minh nghĩa "Vô Sở Đắc" là mục đích chỉ cho những gì không có chỗ chứng đắc? Theo Kinh Bát Nhã, Duyên Khởi Tánh Không đích thực là một loại chú thích cho vấn đề không có chỗ chứng đắc. Đại ý Tam Luận của ngài Long Thọ đặc biệt là thuyết minh Tánh Không, cho nên sử dụng ý nghĩa "Vô Sở Đắc" trong Bát Nhã để giải thích vấn đề Duyên Khởi Tánh Không. Như bài Tụng của Trung Luận nói rằng: "Các pháp đều do nhân duyên sanh, ta nói tức là không". Ý nghĩa chữ "Không" là không có chỗ chứng đắc. Còn ý nghĩa của hai chữ "Nhân Duyên" là điều kiện hoặc quan hệ. Chẳng hạn, một giống nào đó đã quan hệ thì sau này có thể sanh ra phẩm vật của giống đó. Vạn hữu vũ trụ, Chúng sanh và Phật pháp, tất cả đều do nhân duyên sanh, cho nên nói đến duyên sanh cũng là nói đến hiện tượng giới. Hiện tượng giới đã là duyên sanh thì không có tự tánh và không có tự tánh nên gọi là không, đã là không thì không có chỗ chứng đắc. Không có chỗ chứng đắc tức là duyên sanh, duyên sanh tức là tánh không, tánh không tức là trung đạo, trung đạo tức là bát nhã chánh quán, bát nhã chánh quán tức là duyên khởi của không tự tánh. Đây là ý nghĩa thâm sâu về cái Không của Bát Nhã Tam Luận (2) và cũng là đặc điểm của Tam Luận thuyết minh.

3>- Nghĩa Tục Hữu Chân Không: (ý nghĩa Tục Đế thì có và Chân Đế thì không)

Thuyết Nhị Đế giải thích: Thế Tục Đế thì chủ trương rằng Có và Thắng Nghĩa Đế thì chủ trương rằng Không. Thế Tục Đế và Thắng Nghĩa Đế, cả hai đều nương nhau để hiển bày. Như Trung Luận nói rằng: "Chư Phật nương nơi Nhị Đế vì chúng sanh mà thuyết pháp: một là dùng Thế Tục Đế và hai là dùng Đế Nhất Nghĩa Đế. Người nào nếu như không thấu hiểu, lại phân biệt nơi Nhị Đế thì đối với chỗ thâm sâu của Phật Pháp hoàn toàn không biết được nghĩa chân thật". Trung Luận lại nói tiếp: "Nếu như không nương nơi Tục Đế thì không thể ngộ được Đế Nhất Nghĩa Đế và nếu như không ngộ được Đế Nhất Nghĩa Đế thì không chứng được Niết Bàn". Tông Tam Luận thuyết minh vấn đề Không nhằm mục đích đối trị sự chấp Có của thế gian mà ở đây không phải quan niệm phủ định. Có người nói: Phật Pháp chủ trương Không là hoàn toàn phủ nhận tất cả. Đúng ra, đây là một sự ngộ nhận. Phải biết rằng tất cả pháp trong thế gian theo sự hiểu biết thông thường đều cho là tồn tại. Tất cả pháp đã tồn tại thì nhất định phải sự thật. Tam Luận Bát Nhã cũng không phủ nhận sự thật. Sự thật nếu như vượt ra ngoài đạo lý thường thức hoặc tìm cầu nơi lý Chân Như (Đệ Nhất Nghĩa Đế) đã nói ở trên để thật chứng thì không thể phủ định cho rằng tất cả đều không hoàn toàn. Theo quan niệm triết học, vấn đề Có là thuộc về Hình Nhi Hạ của thế tục và vấn đề Không là thuộc về Hình Nhi Thượng của thắng nghĩa, cả hai hoàn toàn khác nhau về quan điểm. Nếu căn cứ nơi bản thân của sự vật mà nói, Duyên Khởi Tánh Không là nghĩa hoạt động, là nghĩa chuyển biến, không phải quan niệm cái Không chết cứng. Cho nên bài Tụng trong Tam Luận nói rằng: "Do có nghĩa Không cho nên tất cả pháp đều được thành lập". Nghĩa Không nếu như chẳng có thì tất cả pháp không thể thành lập. Bài Tụng trong Tam Luận lại nói tiếp: "Các pháp đều do nhân duyên sanh, cho nên ta mới nói là không; các

pháp cũng là giả danh và cũng là nghĩa trung đạo. Chưa từng có một pháp nào không từ nhân duyên sanh, cho nên tất cả pháp thay đều là không". Vấn đề Trung Không và Trung Đạo trong bài Tụng nói trên đều thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Đế và cũng thuộc về Lý Tánh. Còn các pháp do nhân duyên sanh và giả danh đều thuộc về Thế Tục Đế và cũng thuộc về Hiện Thật.

Thứ hai, hai mặt của một pháp không thể phân ly nên gọi là "Sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc". Vạn pháp không thể thiên chấp một mặt. Ý nghĩa "Không" của Tông Tam Luận được thiết lập trên các pháp Có và Nhân Duyên. Nếu như hoàn toàn ly khai vấn đề Có và Nhân Duyên, ý nghĩa Không của Tông Tam Luận không biết căn cứ vào đâu để thiết lập. Vấn đề này được trình bày rất rõ ràng trong các bài Tụng của Tam Luận.

2.- Tam Luận và Duy Thức

Căn cứ nơi nguyên lý không có chỗ chứng đắc (vô sở đắc) của Bát Nhã để bàn về Duy Thức, hai lập trường Duy Thức và Tam Luận đều có chỗ dung thông với nhau. Đối tượng của Duy Thức đả phá là không có chỗ chứng đắc về Năng và Sở của hai chấp thủ, nghĩa là không có Ngã (năng thủ) của chủ quan và không có Pháp (sở thủ) của khách quan để chứng đắc. Còn Tam Luận thì cũng đả phá hai lối chấp thủ này để hiển bày về nguyên lý Không của học thuyết không có chỗ chứng đắc (vô sở đắc). Duy Thức và Tam Luận, cả hai đều cùng đả phá duy nhất chỉ có một mục tiêu mà thôi. Chẳng qua điểm sai biệt của hai Tông là: Duy Thức thì đả phá tận cùng quan niệm Có của những sự vật có thể chỉ bày được, nghĩa là đả phá hư vọng phân biệt Thức Thể (Y Tha Khởi Tánh) cho là có của Nhị Thủ Sở Y; nơi Tam Luận thì đả phá tận cùng cho rằng không có sự vật nào tồn tại cả, nghĩa là đả phá luôn cả tánh y tha khởi cũng cho là không. Điểm tranh luận của hai tông phái, Duy Thức và Tam Luận là ở chỗ đó.

Còn vấn đề "Chánh Trí và Như Như": Chánh Trí tức là trí không phân biệt. Trí này theo quan niệm Duy Thức cho là Có (khi thân chứng chân như, Trí này thì hiện tiền); Như Như tức là chân như (và lại Chân Như thì không phân biệt và Chánh Trí có khả năng chứng đắc thì cũng không phân biệt, chứng đều bình đẳng không có hai, nên gọi là



Đại lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan,
Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Hoa Kỳ.



Như Như). Chánh Trí và Như Như, cả hai lia ngôn ngữ và chúng đều thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Đệ. Duy Thức và Như Như là thật có, là diệu hữu; còn Tam Luận lại cho là Không. Tam Luận mặc dù quan niệm Đệ Nhất Nghĩa Đệ là không, nhưng xét cho cùng khi kiến lập Đệ Nhất Nghĩa Đệ cũng có thể cho rằng Chánh Trí và Như Như không ngăn ngại cái Có của duyên khởi. Sự lý luận của chúng ta ở trước có những khái niệm được liệt kê như sau:

1)- Nơi Thuyết Quan Hệ Tương Phản: Tánh và Tướng, Không và Có đều đối lập nhau. Do đó Duy Thức và Tam Luận nhân đây trở thành hai lập trường đối nghịch với nhau.

2)- Nơi Thuyết Quan Hệ Tương Thành: Chỗ đá phá của Tam Luận cũng là chỗ đá phá của Duy Thức. Chân Đệ Tánh Không của Tam Luận hiển bày cũng là chỗ chứng đắc của Trí không phân biệt nơi Duy Thức, cả hai đều thể hiện nguyên lý Nhị Không.

3)- Kinh Bát Nhã nói rộng Pháp Tướng là để hiển bày Pháp Tánh; còn các học giả Pháp Tướng thuộc hệ phái Di Lặc thì cũng giải thích Bát Nhã. Do đó, chủ trương của hai phái có thể phối hợp với nhau (tương thành), chẳng qua quan điểm của hai bên thì không giống nhau mà thôi.

Chúng ta xem ra từ nơi đạo lý tương phản và tương thành có thể nhận định: Tông Tam Luận chỉ nhằm đá phá sự chấp trước cho nên chú trọng phương pháp lý luận; bên Duy Thức thì cũng giống như Tông Tam Luận, cho nên đa phần đều sử dụng Nhân Minh Luận. Như Duy Thức Tụng nói: "Do có chỗ chứng đắc, cho nên không phải thật sự an trú vào Duy Thức". Còn Tam Luận nói: "Nếu chấp thật có Duy Thức Tánh cũng là chấp trước". Trong tâm giả như còn có chỗ chứng đắc, đó cũng là một thứ chấp trước. Tâm không phân biệt có thể chứng được Chân Như thì Thật Tánh Duy Thức cũng có thể chứng được. Nhưng Thật Tánh Duy Thức nếu là giả danh thì Đệ Nhất Nghĩa Đệ của Tam Luận cũng không khác. Tự Tánh Y Tha Khởi đối với Tục Đế của Tam Luận thì thuộc về loại Có. Cho nên Nhị Không của Duy Thức tức là Tánh Không của Tam Luận. Duy Thức mặc dù nói Nhị Không, nhưng không ngoài mục đích hiển bày cái Có của Chân Như (cùng với Tánh Không chẳng giống nhau). Đây chính là cứu cánh của lý tánh vậy.

Theo thuyết Đạo Lý của Duyên Khởi Tánh Không, Kinh Kim Cang trình bày: "Không chấp lấy nơi tướng, ở trạng thái như như không động. Tại sao thế? Tất cả pháp hữu vi như giấc mộng, như bọt nước, như sương móc, như điện chớp, phải nên quán như thế". Bồ Tát khi tu hạnh bát nhã cốt yếu ở chỗ "Không nên chấp lấy pháp tướng và cũng không nên chấp lấy không phải pháp tướng", đó là thể hiện pháp quán Chân Đệ. Tất cả cảnh giới duyên sanh đều là có như huyễn; câu "Phải nên quán như thế" là thuyết minh nguyên lý không nên quán Tục Đế (Y tha khởi) cũng là không. Còn câu Pháp Tướng và Không Phải Pháp Tướng cũng là giải thích vấn đề Nhị Đệ. Không chấp lấy có Nhị Đệ thì mới có thể chứng đắc một cách triệt để cảnh giới Chân và Tục không hai. Vấn đề này Duy Thức và Tam Luận, hai tông phái đều giống nhau. Nhờ có Tục nên mới chứng được Chân cũng là điểm dung thông với nhau của các tông phái tu hành.

Thành Duy Thức Luận giải thích: "Trí không phân biệt đã chứng được Chân Như thì Trí Hậu Đắc mới có thể liễu ngộ được các pháp thuộc tánh Y Tha Khởi đều là như huyễn, v.v... Nếu chúng biết như thật rằng, các chúng duyên phát khởi là do tự Tâm và các Tâm Sở hư vọng phân biệt biến hiện; sự biến hiện chúng duyên của tự Tâm và các Tâm Sở khác nào sự việc như huyễn, như ngọn lửa dâng cao, như cảnh trí trong mộng, như hiện tượng trong gương, như màu sắc lộng lẫy, tiếng vang trong động, mặt trăng dưới nước, tất cả do biến hóa kết thành, chúng tự như có, nhưng thực sự không phải có". Vấn đề này của Thành Duy Thức Luận giải thích so với Kinh Kim Cang đã nói ở trước: "Tất cả pháp hữu vi cũng như cảnh giả trong mộng, cũng như bọt nước trên sông" đều là giống nhau. Chân Đệ là một phương diện và Tục Đế là một phương diện: "không nên chấp lấy nơi tướng, phải ở trạng thái như như bất động" phải là Trí không phân biệt thì mới chứng được cảnh giới Chân Như. Ở nơi Tục Đế, Duy Thức và Tam Luận, hai tông phái này lại giống nhau ở chỗ là quán các pháp hữu vi duyên sanh đều như huyễn. Còn ở nơi Chân Đệ, chỗ chứng đắc của hai tông phái nói trên thì cũng không khác nhau quan điểm. Nhưng chỗ bất đồng là do các luận sư sau này giải thích nghĩa tướng đều hoàn toàn đi thật quá xa. Chúng ta hãy xem lý luận của hai Luận Sư thuộc hai tông phái nói trên như sau:

a>- Chương Trần Luận của ngài Thanh Biện giải thích: "Chân Tánh của hữu vi là không, vì do nhân duyên sanh cho nên đều như huyễn. Còn vô vi thì đã tiêu diệt vì không còn sanh khởi và nó không thật thể giống như hoa đóm giữa hư không". (3)

b>- Đại Thừa Quảng Bách Luận của ngài Hộ Pháp giải thích: "Các pháp hữu vi đều do nhân duyên sanh, cho nên không khác các sự việc như huyễn, vì không có thật thể. Còn các pháp vô vi cũng không thật có, vì chúng không có sanh ra, thí dụ như lông rùa".(4)

Hai đoạn văn đây, trừ lập trường Không của ngài Thanh Biện và ngoài hai chữ "Chân Tánh" ra, thì lý luận của hai người đều giống nhau. Và lại, Tam Luận cũng thuyết minh lý Duy Tâm và Duy Thức, như: "Nguyên vì tư tưởng của Bát Nhã đến rất rảo cũng trình bày rõ về Nhứt Tâm, tức là chỉ cho Tự Tánh Thanh Tịnh Tâm. Về sau, tư tưởng Đại Thừa của Pháp Hoa, của Hoa Nghiêm, v.v... phần nhiều đều nói rõ ý này. Đại Trí Độ Luận, quyển 29 nói rằng: "Ba cõi đều do Tâm tạo ra". Đại Thừa Nhị Thập Tụng nói rằng: "Tâm như người thợ vẽ, tự vẽ hình tượng Dạ Xoa, vẽ rồi lại sợ hãi". Tâm như người thợ vẽ này so với thí dụ Tâm như người thợ vẽ của Hoa Nghiêm thì cũng đồng minh với lý giải của Duy Thức.

CHÚ THÍCH:

- 1) Phật Giáo Các Tông Phái Nguyên Lưu.
- 2) Thập Nhị Môn Luận Tự nói rằng: "Thâm nghĩa phần lớn đều gọi là Không"
- 3) "Chương Trần Luận", quyển 1, trang 1.
- 4) "Quảng Bách Luận Thích".

(còn tiếp)

TỔ ẨM TRỪNG QUANG, TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Trưởng lão cùng chư tôn thiên đức Tăng Ni tham dự Lễ Bế Mạc Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ V hôm nay,

Kính thưa quý thiện nam tín nữ gần xa,
Kính thưa quý liệt vị,

Thấm thoát, 3 ngày tương ngộ đã trôi qua. Trong những ngày ấy, những gì chúng ta nghĩ, nói và làm, đều tập chú vào mục tiêu duy nhất là làm thế nào để biểu hiện sự hòa kính, tương thuận trong sinh hoạt Tăng đoàn; và qua sinh hoạt với Tăng đoàn, mỗi cá thể Tăng Ni sẽ tri cảm và tiếp nhận được gì có thể làm chất liệu mang theo khi rời khỏi trụ xứ này.

3 ngày chỉ là một giai đoạn thật ngắn trong chuỗi thời gian 365 ngày của một năm, và cũng thật là nhỏ nhiệm đối với lũy kiếp luân tu mà chúng ta đã, đang và sẽ kinh qua để thành tựu mục tiêu giải thoát tối hậu của mình. Sẽ có người cho rằng vô ích hoặc bất cập khi đại chúng vân tập nơi đây chỉ để nhìn nhau và nói với nhau những điều xưa cũ. Sẽ có người cho rằng 3 ngày là khá dài, cần phải rút ngắn lại để còn lo phận sự khác tại địa phương và tại trú xứ riêng. Nghĩ như vậy là vô tình quên rằng, theo lời dạy của Đức Thế Tôn, các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cần phải vân tập thành hội chúng, tổ chức lễ bố-tát mỗi nửa tháng để tụng giới và sám hối. Đây là qui định, là nguyên tắc mà mỗi tỳ-kheo phải nghiêm túc tuân thủ để giữ gìn sinh mạng của Phật Pháp. Phật Pháp còn tồn tại là nhờ ở sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn. Có bố-tát tụng giới, có sự hội họp thường xuyên để bàn luận Chánh Pháp, thì mới có cơ hội để mỗi cá nhân tỳ-kheo đặt mình trong dòng sống thanh tịnh hòa hợp của tập thể, của Tăng-già.

Suốt hơn 30 năm qua, từ ngày có hình bóng tăng sĩ Phật giáo Việt Nam lưu cư và trụ tích hành đạo tại hải ngoại, chúng ta có được bao nhiêu lần bố-tát tụng giới, bao nhiêu lần an cư kiết hạ, bao nhiêu lần hội chúng tỳ-kheo vân tập trong thanh tịnh hòa hợp? Chúng ta đã phải chia tay nhau, sống rải rác trên địa bàn rộng lớn của bốn châu và nhiều quốc gia. Không gian đã xa cách mà thời gian tương ngộ cũng thưa thớt. Như vậy, nếu không tự ý thức và cùng nhau bồi đắp đạo nghiệp chung, các nguyên tắc sinh hoạt truyền thống của Tăng đoàn sẽ dần dần bị mai một, quên lãng theo năm tháng.

Kính thưa liệt quý vị,

Từ ý thức ấy, Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại được chư vị đại diện Tăng đoàn của nhiều quốc gia, đã hội họp và quyết định luân phiên tổ chức từ năm năm qua; và năm nay là năm chúng tôi được Tăng đoàn ủy nhiệm đứng ra tổ chức tại Chùa Thiện Minh này.

Xin trở lại vấn đề then chốt đã nêu ra ban đầu: chúng ta sẽ mang theo được gì khi kết thúc 3 ngày tụ hội nơi trú xứ này? - Trong cương vị của Trưởng Ban Tổ Chức, chúng tôi chỉ có một cảm nhận đơn sơ nhưng thật sâu sắc.

Một cách đơn sơ, chúng tôi thật hoan hỷ trước sự biểu hiện tương kính, tương thuận và hòa hợp của chư tôn đức Tăng Ni trong những ngày hội họp vừa qua, và xem đây chính là sự vinh quang của Tăng đoàn.

Một cách sâu sắc, chúng tôi xin lay tạ ân Phật, ân chư Tổ, đã soi sáng con đường cao đẹp của những kẻ xuất trần chúng ta; chính từ nơi đạo tràng được chọn làm trụ xứ của Tăng đoàn hải ngoại năm nay, chúng tôi có thể cảm nhận được ánh sáng của chư Tổ được thắp lại một cách rực rỡ qua sự hiện diện trang nghiêm của Tăng đoàn; đây gọi là **"Tổ ẨM TRỪNG QUANG."** Không những thế, chúng tôi cũng đồng thời có niềm tin vững chắc đối với các thế hệ Tăng Ni trẻ kế thừa. Qua những cuộc hội thảo, tụng niệm, giảng pháp, tụng giới, chúc tán thù ân, và đặc biệt là một giới đàn được thiết lập để truyền trao giới pháp, quý vị đã biểu lộ những hoài bão và thao thức sâu xa đối với việc hoằng dương Phật Pháp, cũng như đã chứng tỏ khả năng và bản lãnh gánh vác các trọng nhiệm của Tăng đoàn trong tương lai; đây là dấu hiệu khả quan của **"Truyền đăng tục diệm."**

Với cảm nhận như thế, chúng tôi xin mạn phép cô đọng ý nghĩa của Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ 5 tại Chùa Thiện Minh năm nay, chính là **"tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức."**

Trong ý nghĩa này, chúng ta sẽ không cần phải nói rằng có một sự kết thúc nào đó, như là bế mạc, hoàn tất, chia tay, v.v... Bởi vì, sứ mệnh hoằng dương Phật Pháp của hàng Tăng Ni chúng ta là sứ mệnh trường kỳ, dài lâu, không phải chỉ trong một năm, một đời, mà là vô lượng kiếp. Không có sự kết thúc hay bế mạc nào ở đây cả; nhưng có thể nói, như trong Bài Pháp Bất Thối đã nói: **"tu hội trong hòa hợp, giải tán trong hòa hợp."** Trong hòa hợp thanh tịnh, bản thể của Tăng đoàn đã được thắp sáng trong những ngày qua. Đó là nền tảng để xây dựng ngôi nhà Phật Pháp thật vững chắc trên xứ người. Mục đích của chúng ta, chỉ có ngần ấy.

Với niềm tri ân và cung kính, xin nghiêng mình đánh lễ hiện tiền thanh tịnh Tăng-già.

Nam mô Thành tựu Trang nghiêm Công đức Phật

Sa Môn Thích Tánh Thiệt

(Diễn văn Bế Mạc Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 5 tại Chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc, ngày 11.9.2011)



TRƯỜNG TUYỂN NGƯỜI LÀM PHẬT: ĐẠI GIỚI ĐÀN QUẢNG ĐỨC – 2011 CHÙA THIỆN MINH, LYON - PHÁP QUỐC (Ngày Về Nguồn Lần Thứ V – Hiệp Kỳ Chư Vị Tổ Sư)

Thích Nguyên Siêu

Trời đầu thu Lyon, Pháp quốc, nắng vàng ấm, gió nhẹ lay qua cành cây kẽ lá trên đồi xanh cỏ thắm. Mặc dù trời đã vào thu, nhưng đặc biệt thời tiết nơi đây không lạnh, lá cây không vàng, cỏ vẫn xanh và mây trời vẫn trắng, trôi bồng bồng thơ mộng.

Chùa Thiện Minh tọa lạc trên ngọn đồi cao, từ trên nhìn xuống thấy được gần như toàn cảnh thành phố Lyon – thành phố lớn thứ nhì của Pháp quốc. Một ngôi chùa mang tên một vị tôn túc bậc cao tăng của PGVN thời cận đại. Chùa Thiện Minh sáng nay 07-9-2011 bỗng mang một màu sắc mới, màu sắc hoàng y, màu của chốn nhà thiền Việt Nam muôn thuở. Ngày mà 120 chư Tăng Ni câu hội về đây, từ các châu lục, quốc gia trên thế giới. Ngày về nguồn lần thứ V – Hiệp Kỳ Chư Vị Tổ Sư. Ngày tổ chức Đại Giới Đàn Quảng Đức cho các giới tử phát nguyện thọ giới tỳ kheo, tỳ kheo ni, ... ngày mà Đại Tăng trên thế giới vẫn tập về đạo tràng chùa Thiện Minh thể hiện tinh thần hòa hiệp như nước với sữa làm phát khởi tánh đức từ bi, lòng khoan dung và niềm hy lạc.

Bước lên tam cấp – 108 bậc, trước chánh điện, khách thập phương nhìn thấy mái chùa cong cong, mang sắc thái văn hóa Á Châu Phật giáo. Nền văn hóa cổ kính Phật giáo muốn đời của dân tộc. Từ đó, khách hành hương người tham dự Ngày Về Nguồn – Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ V thấy ba tấm bảng lớn bố cáo hội đồng thập sư và chương trình, nhân sự của ban tổ chức:

Hội Đồng Chứng Minh:

HT Thích Tâm Châu, HT Thích Chơn Điền, HT Thích Nguyên Lai, HT Thích Tịnh Hạnh, HT Thích Chơn Thành.

Hội Đồng Thập Sư

Đàn đầu: HT Thích Thăng Hoan
Yết ma: HT Thích Như Huệ
Đệ nhất giáo thọ: HT Thích Minh Tâm
Đệ nhị giáo thọ: HT Thích Bảo Lạc
Tuyên luật sư: HT Thích Như Điển
Đệ nhất tôn chứng: HT Thích Trí Tuệ
Đệ nhị tôn chứng: HT Thích Tín Nghĩa
Đệ tam tôn chứng: HT Thích Nguyên An
Đệ tứ tôn chứng: HT Thích Quảng Bình
Đệ ngũ tôn chứng: HT Thích Nguyên Trí
Đệ lục tôn chứng: TT Thích Quảng Ba
Đệ thất tôn chứng: TT Thích Minh Giác

Ban giám khảo: TT Thích Trường Sanh, TT Thích Tâm Hòa, TT Thích Quảng Ba (đặc trách giới tử ngoại quốc)

Tôn chứng giới đàn Ni: Ni Trưởng Như Tuấn, Ni Trưởng Diệu Tâm, Ni Sư Như Thủy, Ni Sư Như Tường, Ni Sư Minh Hiểu.

Dẫn thỉnh sư: TT Thích Tịnh Quang, TT Thích Trường Phước.

Ban Giám Đàn: TT Thích Quảng Hiền, TT Thích Thiện Hiền

Ban quản giới tử: TT Thích Đồng Văn, TT Thích Phổ Hương

Ban kiến đàn: HT Thích Tánh Thiệt

Đại Giới Đàn Quảng Đức hôm nay là thừa tiếp con đường mà chư vị Lịch Đại Tổ Sư hơn hai ngàn năm qua của dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam đã thể hiện. Là truyền thừa tinh thần tổ ấn trùng quang, truyền đăng tục diệm. Đây chính là niềm hoài bão muôn đời của các bậc Thầy Tổ, Ấn Sư, Giáo Thọ Sư... mà hôm nay quang cảnh, không khí của chùa Thiện Minh làm rực sáng con đường hoằng pháp lợi sanh nơi hải ngoại. con đường hoằng pháp đã nuôi lớn hạt giống Phật, hạt giống giải thoát, giác ngộ cho mọi loài chúng sanh.

Chiều hôm nay ngày 08/9/2011, đúng 14 giờ là lễ cung an chức sự cho giới đàn và cũng là Khai Mạc Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn Lần Thứ V tại chánh điện chùa Thiện Minh.

Trên 120 Chư tôn đức tăng ni được cung thỉnh về chánh điện. ban thỉnh sư trang nghiêm Bê, Tích, Lộng, hương trầm, khay lễ chỉnh tề trong tiếng trống Bát Nhã vang lên từng hồi trầm hùng, kiền thỉnh chúng tăng đăng lâm pháp hội, ấy là chương trình lễ khai mạc.

Đại tăng trang nghiêm, đại hùng bảo điện, hương trầm quyện tỏa, quả hoa sắc thắm làm tươi nhuận lòng người chứng minh và tham dự buổi lễ. Sau thời niêm hương bạch Phật, dành lễ Tam bảo của chư tôn Hòa Thượng là lời chào mừng của Hòa Thượng trưởng ban – Thích Tánh Thiệt.

Hòa Thượng nói: "đạo tràng chùa Thiện Minh trong mấy ngày nay bỗng chốc trở thành chốn tông lâm phạm vũ huy hoàng bởi sự hiện diện của tứ chúng khắp năm châu, trong tinh thần hòa hiệp và thanh tịnh... Nhìn khung cảnh thiền môn nghiêm tịnh như mây ngày hôm nay, chúng con cũng thật sự xúc cảm, tâm tư tràn ngập niềm pháp hỷ, khi thấy rằng chánh pháp của Như Lai còn tồn tại và chúng con còn được thấm nhuần trong biển chúng thanh tịnh này." Đây là lời nói chân tình của HT. trụ trì sau bao năm thành lập ngôi Tam bảo trên ngọn đồi của thành phố Lyon - Pháp quốc. Suốt chiều dài thời gian đó, ngôi chùa Thiện Minh đã có được bao nhiêu lần chúng Tăng câu hội một cách đông đảo như ngày hôm nay? Đông đảo chúng Tăng đã làm rung động lòng người Phật tử, làm sự ngạc nhiên và chăm chú của người dân bản xứ. Rõ thật đức chúng như hải, làm nô nức lòng người Phật tử bốn phương, khách hành hương chiêm bái thành kính dâng lên lòng thành cũng như tứ sự cúng dường hiện tiền Tăng – những bậc chúng trung tôn, tự giác, giác tha, giải thoát. Giải thoát như lời diễn văn khai mạc của HT Thích Minh Tâm trước biển thanh tịnh của chúng Tăng hiện hữu: "Từ khả năng và hoàn cảnh riêng biệt của mỗi cá nhân, chúng ta đã nỗ lực khá nhiều để vực dậy những gì cao đẹp bị đốn ngã, nhấn nạy dọn dẹp những rác rưởi dơ ngoại đạo, ác đảng vung vãi trên đất lành của chúng ta.

Nhưng ngân ấy chưa đủ, và có thể nói rằng không biết nói đến bao mới gọi là đủ. Bao lâu thế gian này còn phiền não và thống khổ thì trách nhiệm của chúng ta vẫn còn. Điều cần làm trước mắt là tất cả chúng ta phải tri nhận con đường mà đức Phật và Lịch Đại Tổ Sư đã kinh qua: vận dụng sức mạnh của Tăng đoàn để hóa giải những dị biệt, vượt qua những chướng ngại, đồng tâm đồng lực trong sứ mạng thắp sáng ngọn đèn tuệ giác mà soi chiếu cho nhân loại và chúng sinh."

Lắng lòng để nghe lời diễn văn của bậc Trưởng thượng gửi gắm mọi tâm tình, mọi ý thức thời đại của thế hệ trẻ Tăng Ni hôm nay, cho một tương lai của PGVN nơi hải ngoại này. Hàng trăm ý thức lắng lòng, hàng ngàn đôi tay chấp cao ngưỡng vọng lên đấng Từ Bi, Đại Hùng xốt thương gia hộ.

Năm thứ nhất của Ngày Về Nguồn – Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư được tổ chức tại chùa Pháp Vân – trung tâm văn hóa PGVN tại Mississauga – Canada cho đến năm nay lần thứ V tại chùa Thiện Minh tổ chức vô cùng trang nghiêm, trọng thể. Trọng thể như một nội dung chứa nhiều ý nghĩa thâm trầm, của giá trị thực hữu Tăng bảo được thể hiện chân thật như buổi lễ hôm nay: "Tăng già hòa hợp" là tiêu chí của tất cả những người con Phật còn ưu tư thao thức với tiền đồ đạo pháp. Tiêu chí này khi được áp dụng vào hành động thực tế, tất nhiên sẽ bị ngoại đạo, ác đảng và những người vong thân, lìa cội, ra sức công kích, hủy báng. Nhưng học theo Phật, chúng ta không tranh cãi với thế gian. Chúng ta chỉ cần biểu hiện con đường quang minh của mình. Con đường ấy, nhìn lui về quá khứ, không quên ân đức sâu dày của tiền nhân, hướng về tương lai, không thể lãng quên sứ mạng dẫn dắt đàn hậu học. Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, tổ chức giới đàn Quảng Đức, chính là biểu hiện tối thiểu mà chúng ta có thể làm được để hướng tâm về việc trang nghiêm bản thể Tăng đoàn".

Từ nhiều thập kỷ về trước, con đường hoằng pháp được khởi sáng, được lan rộng, tất cả đều nhờ vào bản thể Tăng già trang nghiêm, tịnh khiết. Sự trang nghiêm bản thể Tăng già như lời đạo từ của Trưởng lão tỳ kheo đại diện Tăng đoàn: "Từ khi đức Thế Tôn thiết lập Tăng đoàn xuất gia đến nay, đã trên hai mươi lăm thế kỷ, cộng đồng Tăng già dù ở trong thời đại hay quốc độ nào cũng đều lấy bản thể thanh tịnh và hòa hợp làm nội lực duy trì và phát triển, hầu thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh pháp, chuyển mê khai ngộ và giải khổ quần sanh". Có ai trong chúng ta thường du hành để hoằng dương, để hóa độ cùng với chư bậc Tôn túc rày đây mai đó, thì mới thấy được hình ảnh thân thương, quý kính của quý Ôn, mới thấy được tấm lòng tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức của quý Ôn. Nhìn vào thân tướng

của quý Ngài thì thấy già nua nhưng tâm thể chẳng lung lay trước sự biến thiên, vô thường của nhân thế. Dù đời có thăng, có trầm nhưng sứ mệnh độ sanh của chư Tăng chẳng mòn mỏi, chẳng lãng quên như ý nghĩa "song song với sứ mệnh đó là việc nỗ lực không ngừng, đối với công cuộc đào tạo Tăng Ni tài đức, để nối tiếp trọng trách hoằng dương đạo pháp, thừa đường Phật sự, cho thế hệ Thầy Tổ. Đây chính là nội dung và mục tiêu của Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn mà mỗi năm cộng đồng Tăng già Việt Nam hải ngoại đều tổ chức năm năm qua".

Tất cả những ý niệm, tâm thành, đạo lực đã tạo thành sức mạnh của Tăng già, của sức sống truyền trì mạng mạch Phật pháp suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ qua bao nhiêu giới đàn tuyển người làm Phật mà sáng nay hội đồng thập sư đã đăng đàn truyền trao giới pháp cho 10 giới tử thọ Tỳ kheo, 5 Tỳ kheo ni, 3 Sa di, 1 Sa di ni, 6 Thức xoa ma na, có đông đủ y, bát... pháp khí của người học làm Phật. Giới trường thọ giới được tổ chức trong chánh điện, trên là chư Phật chứng minh, dưới là hội đồng thập sư cùng chư vị kiến đàn truyền trao giới pháp cho các giới tử.

Núi rừng trầm mặc của sáng hôm nay như lắng đọng tâm tư đồng hòa tan nhíp thờ, cúi đầu đón nhận từ giọt sương mai còn đọng trên lá hoa. Những giọt sương của đất trời mù khơi khói sóng đã hòa quyện vào từng bước chân, từng tâm thức của mỗi giới tử đang học hạnh tu trì giữa cuộc vô thường, phiêu bồng, sanh tử.

Học hạnh Phật, để làm Phật. Hạnh Phật đó chính là lời Phật dạy ở trong giới luật mà hàng đệ tử của Phật lấy đó làm thầy để tu trì tịnh giới, tăng tiến phẩm hạnh.

Từ trong giàng đường cho đến lễ đài Hiệp Kỳ Tổ Sư, khách thập phương dừng chân đứng lại, trang nghiêm, lắng lòng để đọc:

"Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, Giới luật còn thì Phật pháp còn"

Hay:

"Phật pháp bình đẳng giáo hóa, Tăng già phát nguyện độ sinh".

Bao nhiêu thập niên trôi qua nơi núi đồi phố thị Lyon – Pháp quốc, ngôi chùa Thiện Minh nếp mình dưới những rừng thông già, lũy tre xanh và lặng lẽ với thời gian, theo lời kinh chiều, tiếng kệ sớm đưa người vào con đường thánh đạo, chân tâm. Nơi đây đã đánh dấu một chặng đường lịch sử hoằng pháp và in vết tích đạo vàng của chư Phật, chư Tổ từ ngàn xưa.

Hiện tiền Tăng bào thành kính chấp tay nguyện cầu cho đạo pháp trường tồn, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Lyon, Pháp Quốc 09-9-2011
Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu



NGƯỜI CƯ SĨ GƯƠNG MẪU

Thích Đức Trí

Chúng đệ tử của Phật gồm hai thành phần chính yếu là người xuất gia và người cư sĩ Phật tử. Không riêng gì người xuất gia, người cư sĩ Phật tử cũng đóng góp một vai trò quan trọng trong đời sống tu học và hộ trì chánh pháp. Một thời đại Phật pháp hưng thịnh thì số lượng người cư sĩ Phật tử phát triển đồng đảo. Một quốc gia được gọi là quốc giáo thì dân số theo đạo Phật quyết định tiêu chuẩn đó. Đạo Phật là con đường tu học theo hệ thống mở, đối tượng đạo Phật là con người. Mọi người có quyền trở thành một người Phật tử theo tinh thần tự nguyện trở về nương tựa chánh pháp và thăng hoa đời sống của mình. Vị cư sĩ là người quy y Tam Bảo, thành tựu về giới, thành tựu chánh tín, thực hành bổ thí và Phước Tuệ song tu chứng quả giải thoát, thì đó là người cư sĩ gương mẫu trong đạo Phật.

Vì muốn nhận thức rõ vai trò và mục đích của người cư sĩ, vị cư sĩ tên là Mahànàma, đã mạnh dạn hỏi trực tiếp đến Đức Phật về vấn đề liên quan người cư sĩ như sau:

"Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí? Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?"

Phật dạy:

"Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: 'Đây là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế

Tôn'. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia xẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), cho đến chân chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ."⁽ⁱ⁾

Quy y Tam Bảo là khởi đầu cho lộ trình tu học và tiếp nhận khả năng chuyển hóa vận mệnh của cả đời người. Vì khi quy y Tam Bảo, người cư sĩ có nhiều cơ hội thực hành phương pháp tu dưỡng có hiệu quả. Từ đó, họ cảm nhận sự an lạc và lợi ích lớn trong đời sống bản thân. Nương tựa Phật, Pháp và Tăng là thừa hưởng sức mạnh đạo đức của đại chúng và vận dụng được kinh nghiệm quý báu trong việc tu học. Người cư sĩ đã quy y Tam Bảo thực sự là con của Phật, là thành viên trong căn nhà Phật Pháp. Do vậy mà một người khi quy y thường có cái tên mới, gọi là Pháp danh. Lâu nay sống ở nhà, tên mình do cha mẹ đặt. Nay trở về với đạo, vị thầy hướng dẫn đặt Pháp danh. Pháp danh cũng là tên gọi kể từ khi sinh ra trong giáo pháp của Phật, làm mới đời sống của mình bằng cách thực tập theo lời Phật dạy.

Thành tựu về giới, người cư sĩ phải thành tựu về giới, tức thực hành ngũ giới nghiêm túc. Ai không như pháp thọ trì giới thì chướng ngại kết quả tu học. Thọ giới, giữ giới và đặc giới là điển tiến quá trình tu học tích cực. Giới là khuôn vàng thước ngọc để chúng ta rèn luyện đạo đức cá nhân, gia đình, và xã hội. Ai giữ giới trong sạch thì có đời sống lành mạnh và trí tuệ sáng suốt, mạng chung tâm không sợ hãi, sanh vào cõi lành. Thành tựu giới để thành tựu Định và Tuệ giải thoát.

Thành tựu chánh tín, một yếu tố quan trọng trong phụng sự Tam Bảo của

người cư sĩ Phật tử là niềm tin. Niềm tin là sự tịnh tín với Phật, Pháp và Tăng. Niềm tin phát khởi thì có sự tu học tinh tấn. Phật tử luôn tư duy ân đức của Tam Bảo mà khởi tâm gìn giữ căn nhà Phật Pháp. Vì lý do nào đó mà có người làm tổn hại đến Tam Bảo, người cư sĩ tịnh tín cảm nhận được sự đau xót giống như trăm ngàn mũi

kim đâm vào thân mình. Đó là nỗi đau của người biết tôn trọng chân lý và lợi ích đời sống ta nhân. Phát tâm đạo Phật cần có những người Phật tử tịnh tín như vậy. Phật dạy: "Ví như, này các Tỷ kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, các thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cho nam và nữ cư sĩ."⁽ⁱⁱ⁾ Người cư sĩ Phật tử phải khẳng định mình là chỗ nương tựa cho những đệ tử Phật hành đạo, ví như cây bàng cho các loài chim nương tựa và sinh sống. Đạo Phật từ bao đời nay tồn tại và phát triển tốt đẹp trong xã hội là nhờ lòng tịnh tín của người cư sĩ Phật tử.

Thực hành bố thí, bố thí có nghĩa là cho ra bằng tình thương, bằng trí tuệ. Bố thí không chỉ dựa trên giá trị vật chất mà còn nhiều giá trị khác. Tục ngữ có câu: "Cách cho hơn đem của cho". Người cho với tấm lòng vui vẻ, dù của cải (vật bố thí) ít nhưng người thọ nhận cảm thấy an lạc. Kinh Phật dạy: Bố thí có ba phương diện, đó là: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Tài thí là dùng tiền tài, phẩm vật bố thí, như cúng dường Tam Bảo, cúng dường cha mẹ, giúp đỡ người nghèo khó và tham gia làm từ thiện. Khi cúng dường hay bố thí quan trọng với tâm rộng mở, không bị trói buộc. Không dùng tiền của bố thí mà sanh lòng tự cao, ý lại hay khoe khoang theo thói hư danh. Dù tài vật nhiều hay ít nhưng cho ra với tâm giải thoát. Phật dạy: "Nhưng ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí không với ý nghĩ 'ta sẽ hưởng thọ cái này ở đời sau', chỉ bố thí với ý nghĩ 'lành thay sự bố thí'. Vì ấy bố thí để trang nghiêm tâm. Do bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Phạm Chúng. Khi nghiệp lực đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui lại trạng thái này."⁽ⁱⁱⁱ⁾ Bố thí để trang nghiêm tâm, dù người nghèo hay giàu bố thí với tấm lòng vô ngã vị tha thì có phước báo to lớn.

Bố thí pháp là học giáo lý từ bi trí tuệ của Phật để chia sẻ cho mọi người biết vận dụng tu học và sống có ý nghĩa. Đạo Phật là đạo chung cho người đã đến tu học, chung cho những ai sẽ đến tu học. Đức Phật vì chúng sanh và nhân loại mà truyền bá giáo lý giải thoát. Do vậy, dù tu sĩ hay cư sĩ đều có trách nhiệm chung về việc hoằng dương Phật Pháp. Người cư sĩ Phật tử tùy duyên bố thí Pháp, như cúng dường ấn tống kinh sách, báo chí Phật giáo để mong mọi người hiểu rõ giáo lý của Phật thì đó là một cách bố thí Pháp.



Vô úy thí là giúp người vượt qua sợ hãi. Người con Phật, luôn kiên trì nhẫn nại truyền bá chánh pháp vào dòng đời khổ đau thì cần có đức Vô Úy. Chúng ta đang thực hành chân lý tự do và giải thoát trên đời, những người đau khổ cần sự giúp đỡ thì chúng ta sẵn lòng. Chúng ta dùng lời ái ngữ an ủi mọi người lúc tai ương hoạn nạn, giúp người vượt qua sự khó khăn và bế tắc trong đời sống bằng tình thương và sự hiểu biết.

Đức Phật thường khuyên các đệ tử cư sĩ không những nỗ lực tu các thiện pháp mà còn khích lệ tu tuệ giải thoát. Pháp thực hành cụ thể là thiền quán trên mọi hiện tượng để thấu đạt lý sanh diệt. Sanh diệt là ý nghĩa của giáo lý duyên khởi, pháp mà Đức Phật đã thực hành và chứng đắc quả vị giải thoát. Phật dạy rằng: "Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Ta (Phật)".^(iv) Quán các pháp tùy duyên sanh, tùy duyên diệt thì tâm chấp thủ và phiền não sẽ đoạn trừ. Từ đó tâm ly dục, ly bất thiện pháp xuất hiện, an trú vào trạng thái thanh tịnh của bậc Thánh. Mọi hành động tu tập đều chỉ đạo bằng trí tuệ, làm phước thiện với tâm không chấp thủ đều là yếu tố đưa đến chứng ngộ quả vị giải thoát.

Phẩm hạnh của cư sĩ Phật tử được đức Phật thuyết trong các bản Kinh thuộc hệ Nikaya rất chi tiết và dễ hiểu. Từ khởi đầu quy y, tu tập năm giới, giữ lòng tịnh tín với Tam Bảo, thực hành bố thí và thành tựu trí tuệ chứng ngộ Thánh quả liên quan trong sự tu học của người cư sĩ mà nhiều kinh điển khác thường nhắc đến. Chúng ta thấy bốn phận và trách nhiệm to lớn của người cư sĩ trong việc tu học và truyền bá chánh pháp trong đời sống nhân gian. Thiết nghĩ rằng, nếu mọi người đều đón nhận và thực hành đúng theo tôn chỉ của Phật dạy thì đạo Phật sẽ phát triển vô cùng mạnh mẽ trong mọi hoàn cảnh, mọi thời đại, và cũng đem đến hạnh phúc an lạc cho tất cả mọi người.

- i. Kinh Tương Ưng V.55.37, bản dịch của HT Thích Minh Châu
- ii. ĐTKVN, Tăng Chi Bộ II, chương 5, phẩm Sumana, phần Sự lợi ích của lòng tin, VNCPHVN, ấn hành 1996, tr.369
- iii. ĐTKVN, Tăng Chi Bộ III, chương 7, phẩm Tế đàn, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.355
- iv. ĐTKVN, Tiểu Bộ kinh I, tr. 48, bản dịch của Hòa thượng Minh Châu.



Huân tập

*Chốn thâm sơn hoang dã
Chú tiểu quét lá đa
Khát thì uống nước lã
Đói một chén cơm rau
Ngày gánh nước tưới hoa
Tối "Hồng chung sơ khấu"
Cất "bảo kê cao ngâm"
Ngân vang vào Địa Phủ
Vọng thấu đến Thiên Đường
Chú tiểu quét lá đa
Và gánh nước tưới hoa
Mãi khi buông nắm lá!*

BIỂU Ý



TAI SAO PHẬT GIÁO KHÔNG TỒN THỜ ĐẲNG SÁNG THỂ?

Thích nữ Tịnh Quang

Quan điểm phủ nhận về một đấng Toàn năng và Vĩnh cửu đã được thể hiện trong kinh tạng Phật giáo Pali cũng như kinh tạng Phật giáo Mahayana. Thái độ của Phật giáo đối với các khái niệm và ý tưởng về đấng sáng thể và các vị thần được cho là ý niệm hão huyền, không mang lại hạnh phúc thực sự cho con người, không phù hợp với giáo lý của Đức Phật vốn lấy con người làm đối tượng cao nhất trong việc giải quyết những nỗi khổ đau đang hiện hữu.

Trong văn học Phật giáo, xuyên qua giáo lý Vô ngã, không có một thực thể cố định (unsubstantiality) thì hẳn nhiên niềm tin vào một vị thần sáng tạo luôn luôn bị phân bác và từ chối, bởi vì Phật giáo là sự phủ định về sự vĩnh hằng và bất biến đối với việc giải thích nguồn gốc của thế giới như vũ trụ, linh hồn, thời gian v.v... Niềm tin về một đấng Sáng thể được đặt trong cùng thể loại như những quan điểm sai lầm về mặt đạo đức, đặt thân phận con người dưới sự an bài của đấng vô hình như là định mệnh tuyệt đối và không thể thay đổi, và dẫn đến sự nguy hại lâu dài cho nền móng xã hội do tác động đến những giá trị nhân bản của đạo đức.

Vì tin tưởng vào một đấng Sáng thể Brahma mà hằng nghìn năm xã hội Ấn Độ đã duy trì sự phân chia bốn giai cấp, gây nên sự chia rẽ trầm trọng, mỗi giai cấp đều tùy thuộc vào ý chí của đấng Phạm thiên, cố định vị trí nơi thân của Phạm Thiên: giai cấp Bà-la Môn (Brahman) được cho là con chính thống của Phạm thiên, sinh ra từ miệng Phạm thiên là chủng tánh tối thượng an hưởng cuộc đời sung sướng; giai cấp Sát Đế Lý (Kshatriya) sinh ra từ cánh tay Phạm thiên là giai cấp hoàng tộc, thay mặt cho Phạm thiên nắm giữ quyền hành thống trị; giai cấp Vệ Xá (Vaishya) được cho là sinh ra từ bắp vế Phạm thiên, là giai cấp thương gia, nông phu và thợ thuyền phụ trách về kinh tế; giai cấp Thủ Đà La (Sudra) được cho là sinh ra từ gót chân của Phạm thiên được cho là hạng bần cùng hạ tiện, và chỉ làm nô lệ suốt đời cho các giai cấp trên.

Sự thị hiện của Đức Phật đã làm đảo lộn mọi giá trị cố hữu, thay vào đó Ngài mở ra cánh cửa mới của sự nhận thức khi Ngài chối từ về sự tồn tại của Brahma; điều này được bàn bạc trong nhiều kinh văn Phật giáo. Đoạn kinh Tevijja sau đây là cuộc đối thoại giữa Đức Phật và Bà-la-môn Vasettha về đấng Phạm thiên:

"... Này Vasettha, như vậy người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của ác Bà-la-môn tinh thông ba tập và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bây giờ đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh

thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trị tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trị tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trị tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vamaka... không có một vị nào đã nói: 'Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu'. Như vậy các bà Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: 'Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo'. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý..."

Với sự tin tưởng hão huyền này đã gây nên sự cuồng tín, không khoan dung, nâng cao tự ngã; thông thường hay gây ra sự căm thù và những bạo lực khi người khác không có cùng niềm tin và quan điểm với mình.

Xuyên qua nhiều thế kỷ, triết học Phật giáo đã trình bày các lý luận chi tiết bác bỏ học thuyết của một vị thần sáng thể. Nó sẽ được quan tâm để so sánh những việc này với những cách mà các triết gia phương Tây đã bác bỏ các thông tin chứng minh thần học về sự tồn tại của Đấng Sáng tạo..

Đối với một vài người tin tưởng một cách nghiêm túc hơn thì ý tưởng về một đấng tạo hóa chỉ là một lập trường chỉ để giải thích các sự kiện bên ngoài như nguồn gốc của thế giới mà họ không thể hiểu thấu. Đối với y, nó là một đối tượng của đức tin có thể tạo ra cho một cảm giác mạnh mẽ bên cạnh sự hiện diện an ủi của đấng tạo hóa và sự gần gũi với chính mình, chẳng hạn như ấn tượng thời thơ ấu, hình ảnh huyền thoại như những ông Bụt và cô Tiên đi vào truyền thống, học đường, và môi trường xã hội đã tác động vào bề mặt của vỏ não và tạo nên những những hình ảnh của tư tưởng mà tín đồ của các tôn giáo đã có một lẽ lối khái niệm chân thành nhất; một phân tích phát hiện gần đây đã hiển thị rằng "kinh nghiệm về Đấng sáng thể" đã không có nội dung cụ thể hơn điều này.

Tuy nhiên cuộc sống và tác phẩm của các nhà thần bí của tất cả các tôn giáo lớn đã chứng minh cho kinh nghiệm của họ có ảnh hưởng lớn, trong đó việc thay đổi đáng kể được thực hiện ở chất lượng của ý thức, sự cảm thụ sâu xa trong lời cầu nguyện hay thiền định có thể đánh động đến chiều sâu và ảnh hưởng trên mặt rộng ý thức xuyên qua cảm hứng truyền trao của sự hân hoan và hạnh phúc đi từ họ. Với cảm thụ tuyệt vời như vậy, các nhà thần bí tin rằng kinh nghiệm của mình là biểu hiện của thần thánh,

là hiệp thông với đấng tạo hóa, nhiệm vụ của họ là trung gian giữa thượng đế và con người... với những ấn tượng sâu sắc được xem như là thần bí và họ đã gõ cửa thần học để xác định sự "hiệp thông" đặc biệt của mình. Giả định này là khá dễ hiểu, kinh nghiệm huyền bí cũng chỉ là những đặc trưng tăng, giảm hoặc loại trừ tạm thời, biểu hiện làn sóng đa phương trình của ý thức, nhận thức và suy nghĩ không ngừng nghỉ trong những tầng số rung động của tâm. Thật là thú vị cần lưu ý, tuy nhiên, các nỗ lực của hầu hết các nhà thần bí lớn phương Tây liên quan đến kinh nghiệm thần bí của mình để các tín đồ chính thức của các nhà thờ công nhận kết quả của họ trong giáo lý thường được xem xét và nghi ngờ đối với chính thống, nếu không được coi là hết sức dị giáo.

Xuyên qua Phật giáo, những hành giả khi đã thâm sâu trong thiền định họ nhận diện các yếu tố thể chất và tinh thần cấu thành kinh nghiệm của mình trong ánh sáng của mọi hiện hữu qua ba đặc điểm, đó là vô thường, đau khổ, và sự vắng mặt của một cái tôi (vô ngã); điều này được thực hiện chủ yếu để sử dụng độ tinh khiết thiền định và sức mạnh của ý thức cho mục đích cao nhất: giải phóng bản ngã từ cái thấy sâu sắc; việc này giúp hành giả thoát khỏi sự tràn ngập ảo giác bởi bất kỳ những cảm xúc và ý nghĩ không kiểm soát được đi từ bởi kinh nghiệm của họ, và do đó sẽ có thể tránh đi sự lừa dối của kinh nghiệm ý thức.

Một thiền giả tốt trong Phật giáo, thông qua những trải nghiệm thiền định mà những gì y có là cái thấy không tùy thuộc, không có vị trí cố định để xác lập, như thác nước trôi chảy không ngừng, không có đối tượng hoặc chủ thể định vị, do đó trạng thái thần bí cao nhất của thiền giả không cung cấp cho sự tồn tại của một đấng tạo hóa duy nhất hay một vị thần khách quan điều động và chi phối cá nhân.

Do vậy, Phật giáo được xem như là "chủ nghĩa vô thần" đối với những người có tư tưởng độc lập hay những nhà Hữu thần, chỉ vì Phật giáo không tin tưởng vào một đấng sáng tạo, toàn năng và vĩnh cửu, đúng hơn đó là sự sáng tạo từ ý tưởng con người. Tuy nhiên quan niệm về "vô thần" trong Phật giáo không đồng với "vô thần" của những nhà thuần túy Duy vật hay Duy vật biện chứng. Học

thuyết Phật giáo là sự hòa hợp giữa tâm và vật. Phật giáo không tán thành triết lý vật chất hủy diệt thuần túy (annihilationism-ucchedavata), đúng hơn nó là một lý thuyết sai lầm. Sáu cõi luân hồi và các cảnh giới Thánh hiền thanh tịnh đủ để chứng minh rằng quan điểm của Phật giáo không phải là sự hủy diệt hoàn toàn sau khi chết, mà là sự thay đổi không ngừng. Mỗi chúng sinh là một đấng sáng tạo muốn về cho chính mình xuyên qua sự vô hạn của kiếp luân hồi. Học thuyết về "nghiệp" (karma) là chu kỳ của sự tạo tác và hình thành của tâm và vật đặt căn bản trên giáo lý nhân quả, tác động và chi phối sự hiện hữu của chúng sinh. Đức Phật không cung cấp một chủ nghĩa Hư vô, đồng nghĩa với đau khổ và không còn có con đường hy vọng. Chủ thuyết "không" (empty) trong đạo Phật chỉ là sự từ chối của bản ngã bất biến đã gây nên đau khổ cho con người. Ngược lại, nó là một giáo lý cứu rỗi (Niyyanika-Dhamma), giải thoát (vimutti), hoặc Niết bàn (Nirvana), là trạng thái hủy diệt hoàn toàn của tham, sân, si, những khổ đau của ngọn lửa dục vọng điên cuồng đang thiêu đốt chúng sinh. Tuy nhiên Niết bàn không phải là cảnh giới có chủ thể và đối tượng, vì vậy nó không đồng với hình thức và ý tưởng tạo lập của một đấng vĩnh hằng.

Phật giáo là không phải là một kẻ thù của tôn giáo như là chủ nghĩa vô thần được thấy. Phật giáo, thực sự là kẻ thù của "không" (sự hủy diệt hoàn toàn). Người Phật tử là những người đại diện cho kiểu mẫu về các giá trị đạo đức, tinh thần và văn hóa trong các quốc gia châu Á. Tuy nhiên, chúng ta không thể nhắm kín đôi mắt của mình với các khái niệm về đấng sáng tạo-đã sử dụng quá thường xuyên thông qua với những con người quyền lực, tàn nhẫn... nhân danh tình yêu của đấng toàn năng đã gây nên sự chia rẽ, hận thù và tiêu hủy văn hóa bản địa. Những nghiên cứu và thể hiện quan điểm bất đồng chính kiến đã bị cản trở và dập tắt trong danh xưng và tham vọng điên rồ cho sự phục vụ đấng tối cao đã và đang gây đau thương không ngừng cho nền hòa bình thế giới.

Không cần sự thưởng phạt của một đấng tối cao, giá trị đạo đức của Phật giáo trên căn bản năm giới cấm và mười điều thiện đã cung ứng cho quốc gia và xã hội một nền tảng đạo đức viên mãn.

Nhìn

1
*Một đám cỏ xanh
nở đầy hoa tím
Em nhất bên rừng
phút chốc vàng rơi.*

2
*Giữa rừng thông vắng lặng
Chẳng động tiếng gió reo
Cảnh sương đậu trên cỏ
Đình đời khẽ tiếng chim.*

3
*Sương tàn trong nắng chiếu
Ve kêu một tiếng sầu
Cả tam thiên chợt tỉnh
Mây xanh chẳng nhuộm màu.*



HUỆ GIÁO



Không mù quáng và ảo tưởng trong niềm tin, dựa trên triết thuyết hợp lý sâu sắc và thí nghiệm từ sự thực hành mang tính khoa học, Phật tử tôn thờ đức Phật là bậc thầy (Bổn sư) giác ngộ, một vị Thượng đế của lòng tử bi và trí tuệ. Họ nhìn nhận đức Phật như bản chất tiềm ẩn trong chính mình, đó là điểm khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác.

Mặc dù Phật giáo được xem như là một tôn giáo, tuy nhiên lý thuyết, triết học và sự thực hành của nó vượt ra ngoài phạm vi tôn giáo; Phật giáo đặt con người làm mục tiêu thể nghiệm sự khổ đau và sự giải thoát khổ đau ngay trong đời sống thay vì khái niệm hão huyền về một đấng Sáng thế toàn năng và vĩnh cửu. Vì vậy, Phật giáo có thể dung nhiếp với các tôn giáo khác, tuy nhiên các tôn giáo khác không thể hợp nhất với Phật giáo; đó là một thực tế không thể tranh cãi.

split; each class depended on the Brahma will, and placed position in the body of Brahma: The class of Brahma is said to be the orthodox son of Brahma, born from the mouth of Brahma, is given the highest class, so they were enjoyed the life happily. The class of Kshatriya had born from Brahma arms, and was the royal caste that on behalf of Brahma to hold dominant power. The class of Vaisya is said to born from Brahma thigh and that was the class of merchant, farmer and mechanic in charge of economy. Finally, the class of Sudra was given to come from the heel foot of Brahma, is said to be impoverished lower-class, and the people in this class were slaves throughout their life for the three of class above.

When the Buddha appeared, he upset all the inherent value through he opened the new door of idea as he denied the existence of Brahma; this is

discussed in many texts of Buddhism. The paragraph of Tevijja sutra following was the dialogue between the Buddha and Brahman Vasettha:

"... Vasettha, you said no any patriarchal Brahman who understood thoroughly to the three Vedà had seen Brahma - does not have a Brahman teacher who knew by heart to the three Vedà had seen the Brahma, not a great religion master Brahman who knew by heart to the three Vedà had seen Brahma, and not a

certain Brahman until seven generation of patriarchal Brahmans, and the patriarch of Brahmans who knew by heart the three Vedà had seen the Brahma. In the ancient monks, some of Brahmans who knew thoroughly the three vedà, and there were some one composed the incantations, someone read the incantations which were sung, chanted, recited, and now these Brahmans also sung, chanted, and taught as the Brahman Atthaka, Vamaka ... But no one of them said, 'We know, we see where the Brahma lived, and where the Brahma came from, and where the Brahma would go'. Thus the Brahmans who knew thoroughly the three vedà said: 'we did not know, we did not find out the path to union with Brahma, but we teach theory that: This is a direct way; this is the right path towards to union with the Brahma for those who practice'. Vasettha, what do you think? The fact is that, so the Brahman words who knew by heart the three vedà are not correct, reasonable ..."

The unrealistic trust has caused fanaticism, intolerance, and improved self; normally, it causes hatred and violence when others do not have the same beliefs and views to the believers. Through the centuries, Buddhist philosophers have view points of detailed arguments to reject the doctrine of a divine creation. It will be of interest to compare these with the way that Western philosophers have rejected the theological information to prove the existence of the Creator.

For some people who have seriously believe than others, so the idea of a

creator is a stand only for the interpretation of external events such as the origin of the world they cannot comprehend, to him, it is an object of faith, and can create a strong sense besides the presence and comfort of the creator, and closeness to himself, such as childhood impressions, legendary image as deities and fairies who put into the tradition, school, environment, and society that impacts on the surface of the cortex and formed the images of thought that believers of different religions have a conceptual style sincerely; an analysis of recent findings have shown that the "experience of the Creator" has no specific content than this.

However, the mystics' live and works of all great religions have proven their experiences those that have large influence, including the significant changes displayed in the quality of consciousness; the deep absorbability in prayer or meditation can touch to the depth and impact on the broad of sense, and passed on through the inspiration of joy and happiness from them. With such great enjoyment, the mystics believe that their experience is a manifestation of divinity, is in communion with the creator; their mission is the intermediary between God and man ... in the deep impression is considered as mystique, and they knocked theology door to determine the special "communion" of themselves. This assumption is quite understandable, mystical experiences are only characteristic increase, decrease or temporary elimination that express multi-equation wave of consciousness, perception, and thinking non-stop on the nervous system of vibrations of the mind. It is interesting to note; however, the efforts of most major Western mysticism associated with their mystical experience in order that church's official believers to recognize of their results in doctrine is often considered and suspected in the orthodoxy, instead of considering very heretical.

In Buddhism, when the practitioners come in deep meditation, they identify the physical and mental elements which are component of their experience in light of all existences through three characteristics: that is impermanent, suffering, and the absence of self (no self). This is practiced mainly to use the pure power of meditation and awareness for the highest goal: freeing the ego from the profound perceive; this helps the practitioners to escape the illusion filled by any of the feelings and thoughts come from their experience but cannot controlled, and thus can get off the deception of sense experiences.

A good Buddhist meditator, through the experience of meditation to what he gains, that is, he attain the understanding to everything in the connection; it is not a fixed position to establish, as the waterfall flows continuously, without an object or subject position, so the highest mystical state of the meditator does not provide for the existence of a unique creator or an external god to place and dominate the individual.

Therefore, Buddhism is seen as "atheist" for those who have independent ideas or theists because Buddhism does not believe in a creator, omnipotent, and eternity; exactly, that's creative ideas from people. However, the notion of "atheism" in Buddhism does not deal with "atheists" of the pure materialism or dialectical materialism. The

doctrine of Buddhism is the harmony between mind and matter. Buddhist philosophy does not agree to the absolute materialism (annihilationism-ucchedavata); rather it is a false theory. The six realms of rebirth and the country of nirvana of Buddhas and Bodhisattvas are enough to prove that the point of Buddhism without the complete destruction after death but that is constantly changing. Every sentient being is a creator in several forms by oneself through the infinite reincarnations. The doctrine of "karma" is the reasons and effects/cycle of mind and subject matter which based on principle of teaching of causality, impact and dominate the existence of living beings. The Buddha never taught the nihilism in meaning suffering and without the path of hope. The doctrine "no" (empty) in Buddhism is the negative answers of sticking at the invariant self that caused suffering for human. Conversely, it is a doctrine of salvation (Niyyanika-Dharmma), liberation (vimutti), or freedom (Nirvana), is the complete destruction of greed, hatred and delusion, the suffering of the desirous and crazy fire that is consuming people. But the Nirvana is not state of subject and object, so it does not deal with forms and ideas of eternal creator.

Buddhism is not a religion's enemy as atheism is found. Buddhism is actually the enemy of "empty" (the complete destruction). Buddhists are the behalf of the model of moral values, spirituality, and culture in countries of East. However, we can not close our eyes with the concepts of creator-has been used too often by people who possessed of power, and ruthless... in the name of almighty love in order to cause division, hatred, and destruction of indigenous cultures. Studies and representations the views of dissidents have been hampered and extinguished for the name and crazy ambition for supreme service; this is continue to cause suffering has for the world peace.

The Buddhism's ethical values based on five precepts and ten good deeds to provide the nation and society a platform of moral perfection, so the idea of creator's reward and punish is needless. Not blind and vision in the belief but basing on the profound philosophy and practice tests from the scientific, Buddhists worship the Buddha as a master (teacher) of enlightenment, and the God of compassion and wisdom. They recognize the Buddha nature in their own potential, which is the difference between Buddhism and other religions.

Although Buddhism is considered as a religion; however, its theory, philosophy, and practice are beyond the religion's territories. Buddhism aims at human to object for the experience to the suffering and going out of the suffering in the life instead of illusive concept of an omnipotent and eternal creator. Therefore, Buddhism can accept to other religions but other religions cannot merge with Buddhism; this is also an indisputable fact.

Thich nu Tinh Quang



Why Does Buddhism Not Believe In Creator?

Standpoint of denying the Almighty and Eternity has shown in Pali Buddhist canon as well as Mahayana Buddhist canon. The Buddhism's attitude to the concept and the idea of a creator and god is said to be illusory notion, not to bring real happiness for man, and not in accordance with the Buddha's teachings which is toward human as the highest object in order to solve current suffering.

In Buddhist literature, through doctrine of selflessness that is not a fixed entity (unsubstantiality); certainly, the belief in a divine creation has always been rejected and refused because Buddhism is the negation of the permanence and changelessness for explaining the origin of the world as the universe, souls, time etc. Belief in a creator is placed in the same category as the misguided moral, put the human condition under the arrangements of the invisible god as absolute fate and cannot be changed, and lead to long-term harm to the social foundations by affecting the human values of morality.

Because believing in a creator Brahma, so several thousand years in Indian society has maintained the four of class division, and caused a serious



NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA NI TRONG ĐOÀN THỂ TĂNG-GIÀ

Khải Tuệ

1. Bát kính pháp và vấn đề thời đại:

Có thể nói Đức Thế Tôn là một nhà cách mạng tuyệt vời, vấn đề mà đến thế kỷ 20 thế giới mới bắt đầu nhận ra và kêu gọi giải phóng phụ nữ thì ngài đã làm từ cách nay hai mươi lăm thế kỷ. Với con mắt tuệ giác của mình, Đức Thế Tôn đã thấy được vai trò và khả năng của người phụ nữ. Bằng nhiều cách khác nhau, người ta có thể đi đến cùng một mục đích. Nam giới bằng năng lực và cá tính mạnh mẽ của mình để hướng đến mục đích thì nữ giới cũng bằng năng lực và bản chất dẻo dai họ đạt được mục đích như vậy. Bỏ qua phương cách, con đường mà nhìn về mục đích thì họ bình đẳng như nhau. Cái nhìn trí tuệ của đức Như Lai thấy được điều đó. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khắt khe của xã hội Ấn độ thời bấy giờ cũng như xu hướng của các thời đại nói chung đã tạo cho ngài một sức ép khi quyết định cho đoàn thể nữ giới xuất gia vào đạo giải thoát. Ba lần đức A nan thỉnh cầu ngài từ chối mà không có lý do chính đáng, vì lẽ dĩ nhiên ngài từng dạy rằng giáo lý giải thoát, giác ngộ của ngài không giới hạn cho bất cứ thành phần nào, tất cả đều có thể tu tập và giác ngộ, điều làm cho ngài e ngại đó là lực cản thành kiến của quần chúng xã hội. Trong khi người ta xem nữ giới chỉ như là một sản phẩm cung cấp con người, chỉ có năng lực sinh sản và phục tùng mà bỗng nhiên trở thành một thành phần cao cả trong xã hội, là học trò nổi gót Đức Đạo sư, có thể chứng thánh đắc quả thì thật là khó chấp nhận được. Thành kiến xã hội là một hàng rào vô cùng khắt khe. Vì vậy, dù thấy được năng lực tâm linh của phụ nữ đức Thế Tôn cũng không thể làm ngơ trước thành kiến này. Với vai trò của bậc đạo sư, ngài phải phương tiện dùng thể gian pháp đưa ra tám pháp cung kính trọn đời Tỳ kheo ni phải tuân thủ như là một điều kiện để thách thức Bồ đề tâm của quý bà.

1. Tỳ kheo ni 100 tuổi hạ thấy Tỳ kheo mới thọ giới phải đứng dậy xá chào, hỏi han, mời ngồi.
2. Không được mắng nhiếc Tỳ kheo
3. Không được nêu tội Tỳ kheo, Tỳ kheo được nêu tội Tỳ kheo ni
4. Thọ đại giới phải cầu đủ đại tăng
5. Nếu phạm Tăng tàn phải hành sám Ma-na-đóa giữa hai bộ đại Tăng
6. Mỗi nửa tháng đến trong tăng cầu giáo thọ
7. Không được ở chỗ không có Tỳ kheo mà an cư
8. An cư xong phải đến trong Tăng cầu ba việc thấy, nghe, nghi.

Sau khi cung kính lãnh thọ tám kính pháp này, bà Mahapajapati và năm trăm cung nữ xuất gia thành đệ tử Phật và giáo hội Phật giáo Tỳ kheo ni bắt đầu từ đó.

Nhìn chung, tám pháp này thể hiện lên tinh thần đoàn kết hòa hợp của đạo Phật, Ni tăng là một bộ phận trong hàng ngũ Tăng già, là một cá thể trong cùng một thực thể chung. Điều thứ nhất trong tám pháp cung kính nói lên tinh thần

khien hạ mà mọi thành viên trong Tăng cần phải có, bởi lẽ nói đến Tăng già của Phật giáo là nói đến đoàn thể sống vô ngã, một vị Tỳ kheo ni 100 tuổi hạ xá chào và mời Tỳ kheo một hạ ngồi là một nét đẹp đặc sắc để tất cả ai nhìn vào cũng cảm động và dễ dàng được cảm hóa bởi hành động này. Và dĩ nhiên thói thường, một người trẻ tuổi không thể không kính người lớn hơn mình, nói gì đến bậc ni trưởng, cả hai đều cung kính nhau, nhường nhịn nhau, một sự giao tiếp mang đậm màu sắc khiêm hạ, nhún mình, đó là bản sắc văn hóa giao tiếp đặc trưng của nhà Phật.

Kính pháp thứ hai và thứ ba là tinh thần, là bản thể thanh tịnh, hòa hợp của tăng. Một đoàn thể hòa hợp gọi là tăng thì dù ở trong trường hợp nào cũng không được lên tiếng mắng nhiếc, nêu lỗi của người hưởng gì là đối với Tăng, với bạn hữu, đại huynh, sư trưởng của mình.

Từ kính pháp thứ tư đến kính pháp thứ tám là thủ tục tác thành Ni tăng sự. Tỳ kheo ni phải tỏ ra đúng vai trò khất sỹ, cầu pháp của mình, để dẹp bỏ lòng kiêu mạn, để bào mòn cái tự ngã vốn dĩ rất ngồng nghênh. Hơn nữa, vào thời đó, giáo đoàn ni tăng thành lập sau khi đạo Phật hình thành năm năm, mà khi đạo Phật có mặt cũng chính là khi giáo đoàn đại tăng có mặt. Bởi sự non trẻ của giáo hội Ni tăng nên dĩ nhiên là phải đến đại Tăng cầu Ni tăng sự.

Xét về lịch sử hình thành Bát kính pháp, đức Thế tôn đã nhìn thấu suốt được vấn đề, bên cạnh lí do một bối cảnh xã hội trọng nam khinh nữ, thân phận của bà Di mẫu, Da du, các công chúa, tiểu thư hoàng tộc, cung phi mỹ nữ thân thích của Phật cũng là một lý do, họ là những người con vua cháu chúa, xuất thân từ dòng hào kiệt trâm anh, họ đã từng là mẹ, là dì, là vợ của thái tử, họ đã từng đóng vai trò chỉ dạy, bảo ban, có công với thái tử Sid-dhatta, thì họ không lý gì không làm vậy với đệ tử của Phật, cả đến những vị đã đắc thánh quả. Nhưng "tứ chúng xuất gia đồng quy thích thị", đạo của đức Thế tôn không phân biệt thân sơ, giáo đoàn của ngài có đầy đủ bốn giai cấp từ Bà la môn, Sát đế lợi, Câu xá, Thủ đà la tất cả khi đến với đạo của ngài đều trở nên bình đẳng. Bát kính pháp này là giới luật, là hàng rào để quý bà tiến tu, giữ mình đúng mức một dòng Thích nữ tìm cầu đạo giải thoát, bỏ lại ngoài cổng tam quan của ni viện những thói quen mang tính thiên chức trước đây. Bên cạnh đó, bậc thầy vĩ đại của chúng ta đã tinh tế nhận ra một vấn đề thuộc về tâm lý học, ngài muốn có sự cách biệt trong hòa khí giữa Tăng bộ và Ni bộ, nữ giới hay thiên về sự quá đà, thân quá sinh lời, ý lại và sơ quá sinh kiêu ngạo, tự phụ, tự tung tự tác, coi ta đây độc lập không cần ai dắt dẫn. Tăng già là một đoàn thể hòa hợp, các thành viên trong tăng là thành viên của gia đình lớn, cần phải khích lệ, hỗ trợ, bổ túc cho nhau, nếp sống dù ở môi trường nào cũng không ngoài quy luật duyên sinh của thế đế. Một lý do khác nữa là, dẫu thế nào đi nữa về mặt xã hội, phụ nữ ở thời đại nào cũng chịu sự chi phối của thành kiến, vì là "phái yếu" nên việc sinh hoạt độc lập một mình trong một xã hội

luôn xem phái yếu là món hàng, là trò chơi của đàn ông thì thật là bất tiện. Cho nên, để duy trì nếp sống phạm hạnh, Ni tăng cần có sự ngoại hộ của đại tăng, đó cũng là một lý do mà Phật đưa ra pháp bát kính này.

Nói tóm lại, đành rằng theo lời di huấn của đức Đạo sư, nếu sau khi ngài diệt độ những pháp và luật nào không còn phù hợp với căn cơ, phong tục tập quán của địa phương, làm phương hại đến mục đích truyền trì chánh pháp thì chúng đệ tử có thể ngồi lại hội ý mà bỏ đi, một giá trị cần phải thay đổi khi và chỉ khi nó không còn tác dụng nữa và thay bằng một cái khác có giá trị hơn, nếu không được như vậy thì không có lý do gì để từ bỏ nó. Với những lý do và ý nghĩa đã bàn ở trên, dẫu ở thời đại nào, hoàn cảnh nào, bát kính pháp và giáo hội ni tăng vẫn luôn đồng hành. Nói đúng hơn, Bát kính pháp không thể, chưa thể, và sẽ không bao giờ có thể là bất hợp lý, lỗi thời đối với hàng đệ tử sống đúng con đường của đạo Phật, sống đúng với tinh thần vô ngã, vị tha, hòa hợp hiểu kính. Tự thân của Bát kính pháp không hề có khiếm khuyết, tỳ vết gì cho nên việc đòi bỏ bát kính pháp không thể và không bao giờ có thể thành công được.

Tuy nhiên, một số vị Tỳ kheo ni đẩy lên phong trào đòi bỏ bát kính pháp tại nước ngoài là một tiếng chuông cảnh tỉnh trong tăng già. Thứ nhất, đó là do chưa thấu hiểu hết được nội dung và ý nghĩa của bát kính pháp, chưa nhận chân được ý hướng của đức Phật về các pháp này. Thứ hai, đó là dấu hiệu cho thấy nếp sống của một số thành viên trong tăng già có vấn đề, vấn đề đó là sự thiếu tôn trọng lẫn nhau, không muốn tôn trọng người mà chỉ muốn người tôn trọng mình, không thấy được đức tính khiêm cung nhũn nhặn là một nét đẹp, một pháp tu. Thêm vào đó, một số cá nhân các vị Tỳ kheo tỏ ra thiếu tôn trọng Tỳ kheo ni, tự xem mình là đối tượng mà các tỳ kheo ni tất nhiên phải cung kính, mà quên rằng bản thân mình cũng phải tự dẹp bỏ cái tự ngã chật hẹp, ích kỷ của mình, quên đi một quy luật tất yếu rằng nếu muốn được người khác tôn kính thì trước tiên cần phải biết tôn trọng người. Là thành viên trong một tổ chức, là anh em trong một gia đình mà chưa đã thông được cho nhau, chưa tôn trọng, hòa ái với nhau thì làm sao dám tin đó là một đoàn thể hòa hợp, làm sao dám tin người đó có thể ứng xử tốt được với người ngoài,

làm sao thấy được cuộc sống trong tăng, thấy đoàn thể tăng là từ hòa hiểu kính theo đúng phương châm của đạo Phật. Một gia đình trên không yêu thương dưới, không tôn trọng dưới, dưới không yêu kính trên thì đó là dấu hiệu của sự tan rã, là kém gia phong, và dĩ nhiên không có lý do gì mà thắng được các thế lực ngoại đạo khi họ rắp tâm xen vào quấy phá.

Trở lại vấn đề nam, nữ giới và việc bình đẳng, bất bình đẳng. Chúng ta từng biết, đứng về phương diện vật chất cũng như tinh thần, trong sự phân biệt tương đối của thế gian, hẳn có một người no tất nhiên phải có người khác đói, có kẻ được gọi là giàu ắt có kẻ được gọi là nghèo, một người tài giỏi thông minh ắt có người khác vụng về dốt nát, có sự chiến thắng vinh quang ắt có sự thất bại ê chề, có cái gọi là vui thì tất nhiên có cái buồn ngược lại. Nói chung, đó là những cặp phạm trù tất yếu đối lập của thế gian. Tuy nhiên, đứng về phương diện tâm linh, người viết muốn nói đến địa hạt chứng ngộ, thì không có sự tương đối, không có những mặt trái thuộc thế gian, niềm vui hạnh phúc thuộc phương diện tâm linh không biết lập, không dựa trên nỗi thống khổ của người khác, đó là niềm vui tuyệt đối cả cho mình và cho kẻ chung quanh. Vàng, chỉ có ở địa hạt tâm linh con người mới có được sự tuyệt đối. Đạo Phật là tôn giáo đưa người đến địa hạt tâm linh, ở đó không có luật thay thế, luật bù trừ, không phải một đoàn thể này mạnh lên để lấn lướt, đè bẹp đoàn thể khác lại tàn mà mỗi thành viên của thực thể đều phải biết tự nỗ lực để bước vào địa hạt tâm linh, phải tự hoàn thiện để cùng nhau gánh vác công việc cho ngôi nhà chung, làm cho đạo pháp ngày một trở nên hưng thịnh, đoàn thể ni tăng hưng thịnh điều đó không có nghĩa là đại tăng do vậy mà yếu đi, lu mờ, cũng như đại tăng vững mạnh không có nghĩa là ni tăng phải bị lu mờ, mà đó là tín hiệu vui, là dấu hiệu báo cho biết rằng đạo pháp vững mạnh.

2. Khả tính tâm linh của phụ nữ và vị trí của ni tăng trong giáo hội tăng già:

Cũng như khoa học phát minh rằng, chỉ số IQ của phụ nữ bằng nam giới, cách đây hai mươi lăm thế kỷ, đức Thế tôn cũng đã từng thấy được rằng, đạo mà ngài đã chứng được dưới gốc cây bồ đề thì phụ nữ cũng có thể chứng đắc được, những vần thơ sau đây được trích ra từ Trưởng





lão ni kệ của nữ tôn giả Somà thốt lên khi bà hàng phục được ác ma và chứng đắc thánh quả là những minh chứng rành rành về điều này:

*Nữ tánh chướng ngại gì
Khi tâm khéo thiền định
Khi trí tuệ triển khai
Chánh quán pháp vi diệu
Ở tất cả mọi nơi
Hỷ lạc được đoàn tậ
Khối tối tăm mù mịt
Đã bị làm tan nát
Hỡi này kẻ ác ma
Người đã bị bại trận.*

Hãy như văn kệ của nữ tôn giả Vimalà:

*Mọi khổ ách đoạn tận
Cả cõi trời cõi người
Quảng bỏ mọi lậu hoặc
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

Còn có rất nhiều, rất nhiều những văn thơ khí phách, hùng hồn, chiến thắng vinh hiển các ác ma để bước vào thánh quả được ghi chép rất nhiều trong Trường Lão Ni Kệ thuộc Tiểu bộ kinh để nói lên sự thật rằng giáo lý giác ngộ giải thoát của đức Phật không ngoại trừ bất cứ chúng sanh nào, tất cả đều tùy theo căn cơ mà lãnh hội, và cũng để thể hiện rõ ra bản chất rằng giáo lý ấy là một giáo lý khế lý khế cơ. Một kỹ nữ, một bà quả phụ mất chồng mất con... hay một hoàng hậu hoàng phi, công chúa, tiểu thư... đến với Phật giáo cũng nhận được nguồn pháp tâm linh cao quý. Giáo đoàn ni chúng không phải là những phụ nữ mong muốn thoát ly gánh nặng gia đình và đời sống phục vụ cam go mà vì họ nhận được nơi đạo Phật dòng chảy tâm linh gần gũi với bản chất họ. Họ là những phụ nữ dám bỏ cái bình thường của nhi nữ để đến với cái phi thường của đại tượng phụ, bỏ đi cái yếu tính ủy mị, nặng tình để đồng hành một con đường chí khí cô thân, và duy chỉ có mục đích tâm linh tối thượng mới thôi thúc họ dám từ bỏ tất cả và nuôi dưỡng họ sống trọn đời mình trong nếp sống phạm hạnh thanh bần. Lịch sử đã chứng minh cho thấy được điều đó: không phải đoàn thể ni tăng là gồm những người đau khổ tuyệt vọng, hay trắc trở tình duyên như cô Lan, nàng Kiều... tìm đến một niềm an ủi của đoàn thể, mà ở đó là có những phụ nữ rất có khả năng về mặt tâm linh, như Bhaddha Kundalakerin trước kia là môn đệ của Kỳ na giáo, luôn đi khắp nơi để tranh biện ủng hộ cho giáo phái này, bà đã gặp Xá lợi phất và sau đó gặp Phật, với nhân cách chói sáng của ngài, Phật đã độ cho bà đắc A la hán quả khi bà vẫn còn là một nữ cư sĩ, đức Thế tôn đã trực tiếp làm phép nhập đạo cho bà như phép truyền thống cho một vị Tỳ kheo: "thiện lai, Tỳ kheo ni". Trường hợp bà Bhaddha kápilani, một phụ nữ dám từ bỏ đời sống gia đình đang hạnh phúc, dám xoay mỗi tình chồng vợ thành tình pháp lữ, nàng đã cùng chồng là Kassapa xuất gia để cả hai cùng xả bỏ nhau, xả bỏ tất cả để

hướng mình vào đời sống chánh đạo. Một trường hợp khác nữa là bà Dhammadinnà vợ của Visakha, một Ưu bà tắc đệ tử Phật, cũng là một bằng chứng về một bậc ni lưu với ý chí hùng lực kiên định, đầy khả năng tâm linh và năng lực hoằng hóa. Sau khi được chồng đưa đến ni viện để xuất gia theo chân Phật, bà đã nỗ lực tu tập ngày đêm và đã chứng đắc A la hán quả. Về sau, bà đã trở về thuyết pháp, tranh biện với chồng về những vấn đề Phật học, nội dung cuộc tranh biện này đến tai đức Phật, Thế tôn bảo với Vissakha rằng nếu vấn đề đó ông đem hỏi ngài thì ngài cũng trả lời như bà đã. Lời của tỳ kheo ni Dhammadinna được xem như chính lời đức Phật, và được liệt vào Phật ngôn (Bhuddhavacana), sự kiện rất thường xảy ra khi một trường lão đệ tử Phật nào đó thuyết pháp mà lời ấy được đức Phật tán thán và chuẩn duyệt. Đây không phải là trường hợp duy nhất lời nói của một sư ni được xem là Phật ngôn.

Quay lại vấn đề khả năng tâm linh của người phụ nữ được đặt ra ở trước, không ai không công nhận và chính kim khẩu đức Thế tôn thừa nhận rằng phụ nữ có đầy đủ khả năng về mặt tâm linh có thể chứng đắc thánh quả mà các ví dụ trên là những gương sáng làm minh chứng hùng hồn cho điều này, bởi một chân lý bất di bất dịch là "Phật tánh không phân chia Nam Bắc" nói như cách nói của Lục tổ Huệ Năng, hay: tất cả chúng sanh đều có thể làm Phật như tinh thần của kinh điển đại thừa.

Về những trọng nghiệp làm chướng ngại thánh đạo, đã là con người trong chốn bụi hồng ai chẳng có những tính xấu chẳng hạn như tham, sân, si, nếu nam giới có vẻ nặng về tham sân thì nữ giới thay sân của nam bằng si vậy. Và những thiện nghiệp để đến gần thánh đạo thì hai giới cũng sở hữu các yếu tính tương ứng khác hẳn nhau. Nếu trí tuệ, từ bi luôn song hành trong đạo Phật, trí tuệ được đề cao ở nam giới thì bên cạnh yếu tố trí tuệ đó, đức tính từ bi hướng về nữ giới, bởi vậy mà về mặt lấy tình thương nhiếp hóa chúng sanh của đạo Phật, hình tượng bồ tát Quán Thế Âm biểu hiện đức tính từ bi tượng trưng là hình phụ nữ. Và bên cạnh yếu tính can đảm, ý chí dũng lực của nam giới thì phụ nữ được quyền sở hữu đức tính nhân ái, nhu hòa, bao dung, tha thứ. Bên cạnh đức uy nghiêm khí phách của nam giới thì nữ giới lấy tính nhu nhận khiêm cung làm yếu tính cho mình... Nói chung, bởi vì vũ trụ vạn vật bắt đầu bằng lưỡng nghi, đã có nam ắt phải có nữ, không có thể giới duy có nam hay duy có nữ (mà có chẳng là một thể giới không có sự phân biệt nam nữ), mỗi giới có lĩnh vực riêng, phận sự riêng, và cả hai cùng có những mặt trái như nhau tương ứng. Bởi vậy, mặt trái của lòng từ bi là phụ nữ phải sở hữu

tính si ái ủy mị; ngược với sự nhẫn nhục nhu hòa là phiền não chấp trước, cố chấp khư khư; mặt trái của sự khiêm tốn là thái độ nhút nhát ỷ lại, cố xem mình là phải cần lệ thuộc dựa dẫm vào một người nào khác mới sống nổi... chính những điểm này đã nhốt phụ nữ vào một góc riêng của cuộc sống trong mọi thời đại, nó đã kéo phụ nữ trì trệ, hạ đẳng như những thành kiến mà lịch sử xã hội đã từng dành cho, và cũng chính những tính yếu này mà tôn giáo nghi ngờ khả năng tâm linh của họ (nam giới cũng có những mặt trái dành riêng cho nam giới). Tuy nhiên, chỉ cần một chữ xả của đạo Phật sẽ đoạn tận các nhược điểm trên của phụ nữ và thay vào đó là những khả năng đầy hứa hẹn về tâm linh.

Vâng, bậc thầy tâm linh của chúng ta đã thấy rõ được điều này, và bên cạnh đó, đạo của ngài, tôn giáo của ngài, được thiết lập ra trực tiếp cho và vì bốn chúng đệ tử, thuộc cả hai giới xuất gia và tại gia, bốn chúng này là sứ mệnh, là rường cột để gánh vác trọng trách trong việc giữ gìn ngôi nhà chung, truyền trì chánh pháp luân lưu trong thế gian. Vai trò trực tiếp của ni tăng trong vấn đề này là tận dụng hết những chức năng thiện barm của mình để góp sức vào cho mục đích chung bên cạnh phần tu tự lợi.

Phàm đã là người xuất gia lìa bỏ gia đình để cất bước đến chân trời cao rộng, thay gấm vóc lụa là bằng mảnh áo nâu sồng, thay niềm hạnh phúc cá nhân, gia đình bằng ý hướng tìm cầu trí tuệ giải thoát, tâm ý và hình nghi khác người thế tục và mục đích phận sự duy nhất là "thiệu long Phật

chúng". Ni tăng là một thành phần trong giáo hội tăng già dĩ nhiên cũng có một phận sự không ngoài phận sự chung của người xuất gia.

Bàn về vấn đề Ni tăng không phải chỉ hạn hẹp trong vài dòng như trên là đủ, trong phạm vi bài viết này người viết chỉ xin đưa ra hai điều trên, tuy không phải là vấn đề cần bàn nhưng là đề tài rất đáng chú ý gần đây, đặc biệt là vấn đề bất kính pháp. Đức Thế tôn đã từng dạy, tất cả chúng sanh đều là chủ nhân của chính mình, chúng sanh nào tự gieo nhân thì chúng sanh ấy tự hưởng quả, không có một quyền lực nào có thể ban phước giáng họa, không ai có thể sắp đặt số phận cho mình. Tất cả chúng sanh đều phải tự quyết định lấy đời mình, là phàm hay là thánh, là cao thượng hay là hạ liệt... tất cả đều cần phải bắt đầu từ những hành động, những nghiệp nhân của chính họ. Vị Tỳ kheo ni trong giáo đoàn Ni tăng Phật giáo cũng vậy, không cần phải lên tiếng để kêu gọi bình đẳng đến với mình, mà cần phải bắt đầu từ những hành động, những nghiệp nhân của chính mình, chấm dứt tất cả những tệ đoan của một nhi nữ thường tình để vươn lên, chứng minh cho xã hội thấy được năng lực của mình, hiến trọn đời mình vào sự nghiệp giải thoát tâm linh và hoằng dương chánh pháp. Một khi đã hoàn toàn là những đại tượng phu xứng đáng giữa trời người thì ngàn ấy vị trí tự đến một cách tương ứng.

Khải Tuệ

(Nguồn: Tập san Pháp Luân)

Mượn

*Ta mượn những giọt sương
Mong manh trên phiến lá
Soi một lẽ vô thường
Thấy rộng cả thiên thu*

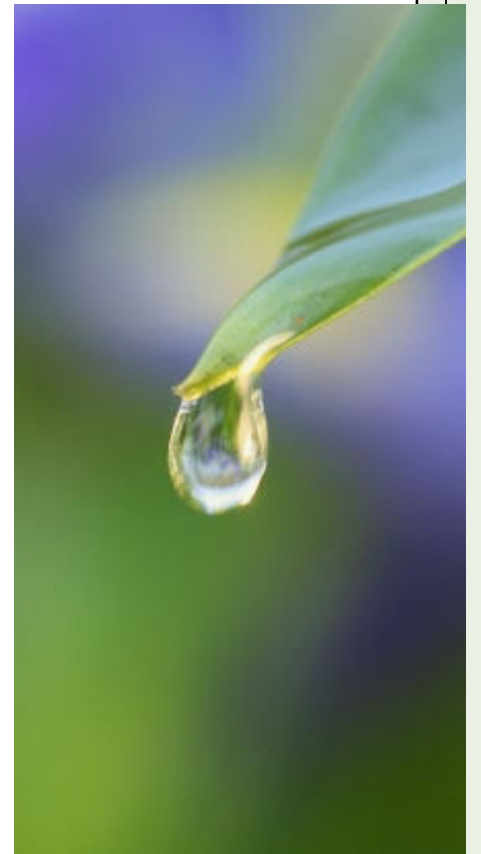
*Xin mượn một lời ru
Vây ta thời hoang dã
Theo dòng thơ cội đá
Bồng bềnh trên phím ngà*

*Mượn người một làn da
Cấy vào xương thịt đỏ
Nghe tim người ú ớ
Trên bờ môi tử thi*

*Ta dành một làn hơi
Thổi xuân xanh lên tóc
Giăng rồi đời ô trọc
Giọng cười ngả nghiêng thêm*

*Mượn đây không gian êm
Thềm trắng ai bỏ ngõ
Dấu chân xưa còn đó
Mênh mang một cõi thiên*

*Mượn người một mặt trời
Đem về đời gột rửa
Để ta làm hạt muối
Suốt nghìn năm rong chơi.*



VÕ QUỲNH UYÊN



VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP

John Daido Loori

Thị Giới dịch

John Daido Loori là vị hướng dẫn tâm linh và là tu viện trưởng tu viện Zen Mountain Monastery ở New York, cũng là người sáng lập dòng Thiền Mountain and River. Ngài là tác giả của nhiều tác phẩm về Thiền và bài sau đây được trích dịch từ tác phẩm Teachings of the Earth của ngài.

Chúng ta đang ở vào một giai đoạn đặc biệt của lịch sử nhân loại. Lần đầu tiên, những mối đe dọa chính không phải là những tai họa từ thiên nhiên đã từng là những nỗi sợ hãi lớn nhất của tổ tiên chúng ta ngàn năm về trước, nhưng là những hiểm họa do chính con người tạo ra. Chúng ta đang ở vào một thời điểm nguy ngập trong sự phát triển, một thời điểm quyết định cho cả số phận của con người cũng như hành tinh của chúng ta. Chúng ta đang đối diện với một nghịch lý thúc ép nhất: Một mặt, chúng ta sở hữu được một mức độ hiểu biết và khả năng kỹ thuật mà chỉ những thập niên trước cũng khó tưởng tượng được. Chúng ta hiểu những số liệu phức tạp về những tầm xa nhất của không gian và những hoạt động tế vi nhất của những mảnh thời gian nhỏ của các nguyên tử. Mặt khác, hàng triệu con người trên quả địa cầu này đã và đang chết đói. Mỗi trường của chúng ta bị ô nhiễm. Tài nguyên thiên nhiên của địa cầu đang bị tước đoạt đến mức báo động. Nỗi ám ảnh về thảm họa môi sinh toàn cầu có khả năng tiêu diệt các chủng loại và mọi sự sống đề nghị lên chúng ta. Mặc dù chúng ta hiểu biết quá nhiều về vũ trụ và hoạt động của nó, chúng ta chỉ hiểu biết một cách hời hợt về chúng ta, đời sống của chúng ta, và mối liên hệ giữa chúng ta với vạn vật.

Cách chúng ta nhận thức về chúng ta và về vũ trụ vẫn còn nhị nguyên và hầu như không thay đổi trong suốt sự phát triển của lịch sử nhân loại. Nó là một cái nhìn chấp nhận sự phân ly giữa mình và kẻ khác. Kết quả của cái nhìn phân ly đó là chúng ta đã tạo ra những môn triết học, nghệ thuật, khoa học, y học, sinh thái học, thần học, tâm lý học, chính trị học, xã hội học, đạo đức học... biệt lập nhau. Hậu quả là tạo ra cái thế giới mà ngày nay chúng ta sống trong đó. Những vấn đề như chiến tranh nguyên tử, ô nhiễm tài nguyên thiên nhiên, SIDA, ma túy, nghèo đói, đói bại trong tôn giáo, chính trị và kinh doanh, tất cả đều liên hệ với cách chúng ta hiểu về cái ngã. Cách chúng ta hiểu về ngã cũng là cách chúng ta hiểu về vũ trụ, và cách chúng ta hiểu về vũ trụ quyết định cách chúng ta liên hệ với nó, điều chúng ta làm đối với nó, và cách chúng ta sống trong đó.

Gần đây, chúng ta thấy xuất hiện ở Tây phương một cách hiểu về thực tại hoàn toàn mới. Nguồn gốc của cách hiểu đó là một tác phẩm mà trước đó chỉ các Phật tử biết đến. Đó là Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm trình bày một vũ trụ mà trong đó tất cả mọi sự vật và những sự vật khác tương nhập với nhau trong sự đồng nhất và quan hệ duyên khởi; trong đó mỗi sự vật đều cần đến mỗi sự vật khác và không có một hạt bụi nhỏ nào không ảnh hưởng

đến toàn thể. Một ẩn dụ trong kinh, Lưới Trời Để Thích, vẽ ra một thế giới trong đó mọi hiện hữu được nhìn như một tấm lưới kim cương lớn rộng khắp vũ trụ, không chỉ ba chiều không gian mà còn bao gồm chiều thứ tư là thời gian. Mỗi điểm của tấm lưới vĩ đại này là một hạt kim cương nhiều mặt phản chiếu mỗi viên kim cương khác, và như vậy, chứa đựng mọi viên kim cương trong tấm lưới. Những viên kim cương tiêu biểu cho toàn thể vũ trụ quá khứ, hiện tại và tương lai. Điều mà ẩn dụ đó muốn mô tả là mỗi và mọi sự vật trong vũ trụ đều chứa đựng mỗi sự vật khác trong mọi lúc.

Lưới Trời Để Thích không chỉ là nguyên lý triết học; nó là một sự trình bày về thực tại được chứng nghiệm. Nó là kinh nghiệm trực tiếp của hàng ngàn nam nữ Phật tử qua trên hai ngàn năm. Có thể nói rằng, giáo lý này chỉ được người Tây phương tiếp nhận một cách nghiêm túc vào thế kỷ thứ hai mươi, khi họ nhận thấy một trong những ứng dụng của tia sáng laser đã minh chứng cho sự xác thực của cái thấy cổ xưa này. Sử dụng ánh sáng laser, chúng ta có thể tạo một hình chụp trên một tấm bảng kẽm; khi ánh sáng laser được cho xuyên qua tấm kẽm, một hình ảnh ba chiều được phóng ra. Đó là hình ảnh rất đẹp, một hình ảnh holographic mà chúng ta có thể bước đi trong đó, cho phép chúng ta ngồi ở giữa những đồ vật trong bức tranh đó. Điều đáng chú ý hơn, và làm thay đổi tận gốc cách chúng ta nhìn sự vật là khi cắt tấm kẽm chụp hình đó làm đôi và chiếu ánh sáng laser qua chỉ nửa tấm kẽm đó nó vẫn phóng chiếu toàn thể hình ảnh, cắt phần tư làm hai, cắt phần tám làm hai và cứ như thế cho đến một phần nhỏ nhất của tấm kẽm. Khi chiếu ánh sáng laser qua nó, toàn bộ bức tranh được phóng chiếu, không có phần nào bị mất. Điều này chứng tỏ một việc: mỗi phần của tấm kẽm chứa đựng tất cả mọi chi tiết của cái toàn thể, giống như những viên kim cương trong Lưới Trời Để Thích.

Kết quả của sự khám phá này là các nhà sinh vật bắt đầu khảo sát sinh vật học theo mô hình holographic. Lý thuyết mới về não bộ cũng được dùng mô hình holographic, và các nhà vật lý bắt đầu nhìn vào vũ trụ bằng "con mắt" theo mẫu holographic. Ngày nay, trong thế kỷ thứ hai mươi mốt, các nhà khoa học đã bắt đầu chứng minh được sự xác thực của những điều được nói ra từ sự chứng nghiệm Lưới Trời Để Thích truyền đạt bởi các hành giả Phật giáo qua 2500 năm.

Nhận ra vũ trụ holographic là điều tôi muốn gọi là tâm thức thế kỷ hai mươi mốt. Chỉ với việc hiểu bản chất của vũ trụ như là một toàn thể, chúng ta có thể làm điều gì đó cho những vấn đề mà chúng ta đang đối diện. Tâm thức thế kỷ hai mươi mốt là tâm thức của những vị Cổ Phật; đó là Tâm Phật, cũng là tâm của tất cả chúng sanh. Tâm đó chúng ta đã có sẵn đủ, nhưng chúng ta chôn vùi nó trong một quầng đời bị điều kiện hóa - điều kiện hóa do cha mẹ, thầy giáo, văn hóa, tổ quốc, học vấn... Khi chúng ta nhận ra vũ trụ tương quan phụ thuộc, không thể nào chúng ta từ bỏ trách nhiệm đối với nó. Rõ ràng rằng điều

chúng ta làm và điều xảy ra cho chúng ta chỉ là một. Khi nhận thức điều này một cách sâu xa, chúng ta sẽ không thể nào còn trì hoãn và đổ lỗi. Chúng ta tạo ra thế giới của chúng ta - đó là điều ai cũng thấy rõ. Đó là kết quả đến từ nhận thức. Khi chúng ta nghe về những vấn đề của thế giới, chúng ta cảm thấy thất vọng. Chúng ta có thể làm được điều gì? Tình trạng có vẻ vô vọng. Tuy nhiên, bên cạnh nỗi vô vọng đó, chúng ta vẫn có cách để giải quyết tình trạng của chúng ta, với điều kiện là chúng ta phải hiểu được chúng ta thật sự là ai ở bên ngoài chiếc bị da, bên ngoài ngôn ngữ và ý niệm. Đầu là sự thật, thực tại của cuộc sống? Ý nghĩa của hiện hữu là gì?

Vào thời nhà Đường ở Trung hoa, Thiền sư Động Sơn lúc còn rất trẻ đã đặt những câu hỏi tương tự. Khi nghe một câu trong Tâm Kinh, "Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý," ngài rờ lên mặt nói: "Tôi có mắt, tai, mũi, lưỡi. Tại sao kinh nói rằng chúng không hiện hữu?" Những hành giả đã tụng Tâm Kinh ở ngôi chùa đó xấp xỉ hai mươi năm, và hàng ngàn người khác nhau đã ngồi trong thiền đường và tụng "Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không có thế giới của sắc, không có thế giới của ý." Nhưng có lẽ ít người đã hỏi câu hỏi mà một chú tiểu mười tuổi hỏi thầy mình: "Tại sao kinh lại nói như vậy? Con thấy con có đủ." Thầy của Động Sơn không thể trả lời và gửi Động Sơn đến một vị Thiền sư mà Động Sơn về sau vào năm hai mươi một tuổi được cho thế giới Tỳ kheo.

Sau khi thọ giới Tỳ kheo, ngài Động Sơn đi du phương đến tham bái ngài Nam Tuyên. Trong lúc sửa soạn cho ngày giỗ ngài Mã Tổ, thầy của Nam Tuyên, ngài Nam Tuyên hỏi chúng: "Ngày mai giỗ ngài Mã Tổ, các ông có nghĩ rằng ngài sẽ đến hay không?" Không có ai trả lời. Khi đó, vị tăng trẻ Động Sơn bước ra nói: "Có bạn thì ngài sẽ đến." Nam Tuyên nói: "Mặc dầu là một kẻ hậu sanh, người này có thể được mài dũa." Động Sơn nói: "Hòa thượng đừng ép tốt thành xấu!" rồi đi ra.

Sau đó, Động Sơn đến tham bái ngài Qui Sơn hỏi, "Mới đây con nghe nói Nam Dương Trung Quốc Sư có cuộc pháp thoại về vô tình thuyết pháp, con không hiểu được ý nghĩa vi tế." Qui Sơn nói: "Con có nhớ pháp thoại đó không?" - "Có nhớ." Qui Sơn nói: "Hãy nói ra xem." Động Sơn nói: "Một vị tăng hỏi: 'Tâm của Cổ Phật là gì?' Quốc sư trả lời: 'Rào, tường, ngói, đá.' Vị tăng hỏi: 'Rào, tường, ngói, đá có phải là loài vô tình không?' Quốc sư nói: 'Phải.' Tăng hỏi: 'Có biết thuyết pháp không?' Quốc sư nói: 'Thuyết pháp không dùng nghĩ.' Vị tăng hỏi: 'Sao con không nghe?' Quốc sư nói: 'Ông không nghe nhưng không thể cản trở người khác nghe.' Tăng hỏi: 'Ai nghe được?' Quốc sư nói: 'Các bậc Thánh nghe được.' Vị tăng hỏi: 'Hòa thượng có nghe không?' Quốc sư nói: 'Ta không nghe.' Vị tăng hỏi: 'Hòa thượng không nghe làm sao biết là vô tình có thể thuyết pháp?' Quốc sư nói: 'Nhờ ta không nghe, nếu ta nghe thì đồng với các bậc Thánh, ông sẽ không được nghe ta dạy.' Vị tăng hỏi: 'Như vậy chúng sanh không dự phần trong đó sao?' Quốc sư nói: 'Ta thuyết pháp vì lợi ích của chúng sanh, không phải cho các vị thánh.' Vị tăng nói: 'Sau khi chúng sanh nghe rồi thì thế nào?' Quốc sư: 'Tức không phải là chúng sanh.' Vị

tăng nói: 'Kinh nào làm căn cứ cho việc thuyết pháp của loài vô tình?' Quốc sư nói: 'Những lời không hợp với kinh điển thì không phải là lời của người học đạo. Ông có đọc kinh Hoa Nghiêm chưa? Kinh nói rằng đất thuyết pháp, chúng sanh thuyết pháp, mọi vật trong ba thời quá khứ hiện tại tương lai thuyết pháp.'

Sau khi Động Sơn kể lại câu chuyện, Qui Sơn nói: "Ta trong đó cũng có, chỉ khó gặp người thích hợp." Động Sơn nói: "Con chưa hiểu, xin Sư chỉ dạy." Ngài Qui Sơn đưa phất trần lên và hỏi: "Hiểu không?" Động Sơn nói: "Không hiểu, xin Hòa thượng dạy." Qui Sơn nói: "Miệng cha mẹ sinh ta rồi cuộc không thể nói được." Động Sơn hỏi: "Có vị nào có thể giúp chăng?" Qui Sơn gửi ngài đến Thiền sư Vân Nham.

Động Sơn rời Qui Sơn đến tham bái ngài Vân Nham. Động Sơn hỏi: "Vô tình thuyết pháp ai có thể nghe được?" Ngài Vân Nham trả lời: "Vô tình nghe được." Động Sơn hỏi: "Hòa thượng nghe không?" Vân Nham nói: "Nếu ta nghe, ông không nghe ta thuyết pháp." Động Sơn nói: "Sao con không nghe?" Ngài Vân Nham đưa phất trần lên, hỏi: "Nghe không?" Động Sơn nói: "Không." Vân Nham nói: "Ta thuyết pháp ông không nghe, làm sao nghe được loài vô tình thuyết pháp?" Động Sơn nói: "Vô tình thuyết pháp căn cứ vào kinh nào?" Vân Nham nói: "Ông có đọc Kinh Di Đà chưa, trong đó nói rằng nước, chim, cây, rừng tất cả đều niệm Phật, niệm Pháp." Động Sơn nhân đó được lãnh hội.

Ngài Động Sơn đã lãnh hội được điều gì? Hai vị Thầy khác nhau, hai giọng phải khác nhau; cùng một mục đích, cùng một giáo lý. Đưa phất trần lên có nghĩa là gì? Phất trần là thanh cây nhỏ gắn lông ngựa ở đầu dùng để đuổi ruồi mà không làm chết chúng. Nó trở thành một biểu tượng cho việc dạy pháp, một trong những thứ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhưng việc đó không quan trọng. Vấn đề là việc đưa phất trần lên để hiển lộ sự thuyết pháp của loài vô tình. Đưa phất trần, nháy mắt, đưa một cành hoa, gọi và đáp - tất cả những điều đó liên quan đến sự tương dung. Tương dung là "thấy sắc với toàn thể thân và tâm, nghe tiếng với toàn thể thân và tâm." Khi làm được điều đó, chúng ta có thể hiểu được sự vật một cách sâu xa. Đó là điều mà Động Sơn kinh nghiệm, giáo pháp được trao truyền từ vạn pháp.

Khi chúng ta nói rằng "không phân ly, không bám víu," đó là tương dung. "Nhân và quả là một" đó là tương dung. "Trách nhiệm" đó là tương dung. "Quên bản ngã" đó là



tương dung. "Thật sự là chính mình" đó là tương dung. Tất cả những điều này chỉ là những cách nói khác nhau về một sự việc. Bao lâu mà chúng ta còn nhốt mình trong chiếc bị da, chúng ta khóa kín phần còn lại của thể giới và khi đó sẽ không có tương dung.

Sau khi bày tỏ sự lãnh hội, Động Sơn nói với ngài Vân Nham: "Con vẫn còn tập khí chưa trừ hết." Vân Nham nói: "Ông đã làm gì?" Động Sơn nói: "Cho đến Thánh đế (Phật pháp) con cũng không làm." Nói cách khác là không cố gắng, không dụng công, cũng không không dụng công. Vân Nham nói: "Có hoan hỉ không?" Động Sơn nói: "Hoan hỉ không phải là không. Giống như trong phần tìm thấy ngọc quý." Rồi Động Sơn hỏi: "Làm thế nào để thấy được con người chân thật của con?" Vân Nham nói: "Hỏi người đưa tin ở bên trong." Động Sơn nói: "Con hỏi đây." Vân Nham nói: "Người ấy nói gì?" Vị sư già muốn nói với Động Sơn rằng hãy tin vào chính bản thân. Toàn thể sự việc đang xảy ra ngay ở đây và bây giờ. Khi sắp từ giả, Động Sơn hỏi: "Khi ngài qua đời, có người hỏi chân dung của ngài, con sẽ trả lời sao?" "Chân dung" có nghĩa là giáo pháp. Vân Nham lặng yên một lúc rồi nói: "Là cái đó." Động Sơn trầm ngâm một lúc. Vân Nham nói: "Thiện xà lê, đảm đương việc này, hãy suy xét cho kỹ."

Động Sơn vẫn còn chút nghi ngờ. Về sau, khi đi ngang qua một con sông, nhìn thấy bóng mình phản chiếu dưới nước, ngài đại ngộ. Ngài đọc bài kệ:

Đừng tìm kiếm bên ngoài,
Xa lạ với chính mình.
Ta nay đi một mình,
Nơi nơi đều gặp nó.
Nó giờ chính là ta,
Ta giờ không phải nó.
Thấu hiểu được việc đó,
Mới khế hợp chân như. (*)

Lời của Động Sơn "Nó giờ chính là ta, ta giờ không phải nó" cũng cùng ý nghĩa như câu: "Anh và tôi là một, nhưng tôi không phải là anh và anh không phải là tôi." Hai mặt cùng hiện hữu đồng thời; không phải một nửa cái này, một nửa cái kia. Nó không phải là một sự hòa trộn. Đó là một cái duy nhất vượt ngoài cả hai mặt đối đãi. Cái đó không phải là tuyệt đối cũng không phải là tương đối, không trên không dưới, không hiện hữu cũng không không hiện hữu. Đó là một thực tại vượt ngoài mọi tính chất nhị nguyên, và tu tập là để nhận ra cái đó. Một trong những khó khăn trong việc tu Thiền là chúng ta thường dồn mọi chú tâm vào việc nhận ra nền tảng tuyệt đối của thực tại, và do đó không bao giờ hoàn tất. Một mặt chúng ta phải chứng nghiệm "không mặt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;" mặt khác, chúng ta có cả một vũ trụ rộng lớn. Chân lý phải được tìm thấy ở chỗ không vướn vào một cực đoan nào. Một mặt là hữu tình, một mặt là vô tình. Một mặt là trần tục, một mặt là thiêng liêng. Thánh thiện, phạm tục; tốt, xấu; nam, nữ; trời, đất; trên, dưới. Tất cả mọi thứ có tính nhị nguyên đều không thể nắm bắt được cái đó.

Một trong những đóng góp lớn của ngài Động Sơn là giáo lý "Thiên Chính Ngũ Vị" nói về những tập hợp nhị nguyên.

Vị thứ nhất là Chính Trung Thiên, là dụng ở trong thể, tương đối ở trong

tuyệt đối, là nói về không - không mặt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nhưng chúng ta sẽ không hiểu được điều đó nếu không bước vào vị thứ hai là Thiên Trung Chính, thể ở trong dụng, tuyệt đối ở trong tương đối, là sự thể nghiệm cái không đó. Đây là chỗ mà kinh nghiệm ngộ xảy ra. Nhưng vẫn còn sự phân ly. Tuyệt đối và tương đối, thể và dụng vẫn còn phân đôi.

Vị thứ ba là Chính Trung Lai, đến từ tuyệt đối, nương lý tu sự, thể nghiệm toàn thể vũ trụ cũng là chính mình. Khi đó, ngã là vạn pháp, hiện hữu trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Đó là lúc thể nghiệm rằng mỗi hành động của chúng ta đều có ảnh hưởng đến toàn bộ vũ trụ. Nếu chỉ hiểu thì chưa đủ, vì trong hiểu vẫn còn sự phân ly giữa người hiểu và đối tượng được hiểu. Lòng tin cũng như vậy - một hệ thống tín ngưỡng thường phải tùy thuộc vào thứ gì khác bên ngoài, và như vậy là bất toàn. Trái lại khi chúng ta nghiệm, chúng ta biến đổi cuộc sống của chúng ta và sự biến đổi đó thực sự có sức mạnh. Chúng ta không còn sống trong mơ hồ; toàn thể chất liệu trở thành cuộc sống, và từ đó tâm tử bị bắt đầu xuất hiện. Chúng ta đưa cuộc sống của chúng ta vào dòng. Và thực tế chúng ta vốn đã ở trong dòng.

Vị thứ tư là Thiên Trung Chí, đến từ cả tương đối và tuyệt đối, khi đó dụng hoàn toàn khế hợp với thể. Ở giai đoạn này vẫn còn hai thứ, giống như muối trộn với tiêu. Có sự hợp nhất, nhưng trong sự hợp nhất vẫn còn hai thứ. Điều này được diễn tả như hình ảnh của vị Bồ tát, mặt phủ đầy bụi, xuống núi và trở lại vào chợ.

Trong vị thứ năm, Kiên Trung Đáo, thể và dụng đều đủ, sự và lý cùng sánh, không còn sự hòa trộn. Nó là một - không tuyệt đối cũng không tương đối, không tăng không giảm, không dơ không sạch, không tốt không xấu, không nam không nữ.

Ngài Dogen (Đạo Nguyên) trình bày trong Kinh Núi Và Sông:

"Người nghi ngờ núi bước đi chưa hiểu bước đi của chính mình. Không phải là người đó không bước đi, nhưng người đó chưa hiểu, chưa rõ ràng về sự bước đi của mình. Người hiểu sự bước đi của chính mình cũng phải hiểu sự bước đi của núi xanh. Núi xanh không phải hữu tình cũng không phải vô tình. Cái ngã không phải hữu tình cũng không phải vô tình."

Thiền sư Keizan (Oánh Sơn) sau ngài Động Sơn 600 năm, bình:

"Hãy quan sát kỹ, các vị sẽ nhận được hoàn toàn cái bất bí ẩn này. Đó được gọi là vô tình hay vô sinh. Gọi là vô sinh vì không chạy theo âm thanh và hình tướng, không bị ràng buộc bởi cảm xúc hay phân biệt. Vị Quốc sư đã giải thích kỹ điều này, do đó khi nghe nói về loài vô tình, đừng hiểu lầm là rào hay tường. Bao lâu mà cảm giác và tư tưởng không bị đánh lừa và bám chặt vào tâm thức, và tâm thức không chạy tán loạn, khi đó cái biết này sẽ sáng rõ và rõ ràng. Nếu cố gắng nắm bắt thì không thể nắm bắt được; nó không có hình tướng, nó không hiện hữu. Cũng không thể tách rời khỏi nó vì nó luôn luôn ở với chúng ta; nó không phải không hiện hữu. Nó không phải là nhận thức, không phải là ý nghĩ, nó không dính liểu gì với những yếu tố tâm-vật lý."

Khi ngài Oánh Sơn nói: "không bị ràng buộc vào cảm xúc hay phân biệt" ngài không có ý nói không có cảm giác

GÓC PHỐ XƯA

Mã Nhược Mai

Góc phố nằm khuất lấp giữa những con đường lớn, phong quang, đường bệ với những tòa nhà cao tầng đồ sộ lẫn đóm dáng. Nó chỉ là một cái góc nhỏ của một con đường ngắn chạy tách khỏi đại lộ, ở một khu vực tương đối yên tĩnh vì thiếu sự chăm sóc của kinh tế thị trường.

Lâu rồi tôi mới có dịp về thăm lại thành phố này và ngẫu nhiên tôi đi ngang qua góc phố khiêm tốn và bình yên đấy. Tôi lại đi ngang qua hàng cây cổ thụ ở đầu đường, ngang qua cái quán bán hàng xén ngày xưa tôi đã nhiều lần ghé tạt vào mua gói thuốc lá với bao diêm. Vàng, để đã 20 năm rồi. Tôi lại nhìn thấy bà cụ già bán quán của ngày xưa vẫn đang đứng lom khom bên tủ thuốc lá, lập cập đưa tay mở nắp thẩu bánh kẹo, lấy ra vài cái trao cho mấy đứa nhỏ. Vàng, cũng là bà, 20 năm trước tóc muối tiêu mà giờ đã trắng xóa. Hai mươi năm trước tôi cũng đi qua và nhìn thấy hình ảnh bà mở nắp thẩu bánh để bán cho một em bé, bây giờ ắt hẳn là một thanh niên ngoài đời mười, đang phơi phóng tuổi trẻ và sinh lực trên con lộ tân trang hiện đại ngoài kia, rất sát gần bên góc phố. Hai mươi năm trước tóc tôi còn xanh, bây giờ nhuộm màu tiêu muối. Dường như khoảng cách 20 năm vẫn không làm thay đổi bao nhiêu không gian yên tĩnh của góc phố nghèo, có bà cụ tóc bạc như bông gòn vẫn đang đưa bàn tay run run ra với nắm lấy cái mực thời gian im lặng tuôn chảy giữa dòng đời náo nhiệt xô bồ của thời hiện đại.

Ồi, có những góc phố và những con đường dường như vẫn còn bất biến trong sự biến thiên vạn trạng của xã hội hôm nay.

Nhói lên trong tôi một niềm hoan lạc đầy kinh ngạc khi bắt gặp lại một hình ảnh thân quen, không thay đổi, không suy suyển của bà cụ bán hàng xén bên góc phố xưa nhỏ hẹp, từ lúc tôi còn là một thanh niên mạnh khỏe tươi nhuận đang lao đầu vào đời với bầu nhiệt huyết tuổi thanh xuân cho đến bây giờ đã là một tráng niên phương trưởng.



hay sự quan tâm. Ngài có ý nói là không bị bị ràng buộc, không bám víu. Không bị ràng buộc vào cảm xúc có nghĩa là: Khi khóc, hãy thực sự khóc. Khi cảm giác, hãy cảm giác bằng cả thân và tâm. Đừng phân ly. Phân ly tạo ra sự ràng buộc, phân ly ngăn cản và thu hẹp tự do của chúng ta.

Bài học bí mật này luôn luôn biểu lộ và truyền dạy một cách rõ ràng. Nó là cái làm cho chúng ta nhướng mày nheo mắt. Nó bao hàm trong sự đi, đứng, ngồi, nằm, tắm, rửa, hành động, chết, sinh, ăn khi đói, ngủ khi mệt. Tất cả những cái này đều là lời thuyết pháp, cho đến tiếng của côn trùng. Không có cái gì dấu diếm. Tất cả mọi sự vật đều đang thuyết pháp một cách rõ ràng và không ngừng.

Chúng ta hãy thấy và nghe những lời thuyết pháp này. Chúng ta hãy thấy và nghe tiếng của núi và sông, của những loài đang bị nguy hiểm và có nguy cơ tuyệt chủng. Chúng ta hãy thấy và nghe tiếng của nguyên tử, của những kẻ không nhà, của trẻ con; tiếng của những

lời dạy của vô số thể hệ trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nếu chúng ta cố gắng thấy với mắt và nghe với tai, chúng sẽ không khi nào thấy được. Chỉ khi nào chúng ta thấy với tai và nghe với mắt chúng ta sẽ thật sự thấy "cái đó" một cách rõ ràng. Làm thế nào để thấy bằng tai và nghe bằng mắt? - Tọa thiền. Tọa Thiền là con rồng vào nước, là sư tử vào rừng. Tọa Thiền là cái ngồi giác ngộ của đức Phật, là sự trao truyền chân thật của tâm thức thể kỷ hai mươi mốt, là tiếng của vạn pháp.

(*)

Thiết kỵ tông tha tịch
Điều điều dữ ngã sơ
Ngã kim độc tự vãng
Xứ xứ đắc phùng cử
Cử kim chính thị ngã
Ngã kim bất thị cử
Ứng tu nhĩm ma hội
Phương đắc khế như như.

KẸ GÁNH CỎ KHÔ TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Huệ Trân

Con đường ấy, khởi bước, ngỡ không mấy khó và chắc cũng chẳng có chi dài, vì nương theo sự chỉ bảo của các vị Đạo Sư, các bậc thiện tri thức giảng giải lời Phật dạy, thì sự



giải thoát, giác ngộ có bao xa! Tùy căn cơ người nghe, lời giảng dạy chỉ gom về một mối, là muôn kinh, vạn kệ, hằng hà pháp môn cũng chỉ để giúp ta nhận ra, rằng mỗi chúng sanh đều có Phật tánh sáng chói như nhau, nhưng nếu không thấy, chỉ bởi vô minh che lấp mà thôi. Nhận ra, và xóa sạch được bụi vô minh thì chúng sanh "sẽ thành Phật" đó, lập tức là "Phật đã thành".

Không phải vô cơ mà Đức Phật khai thị Hội Pháp Hoa bằng lời xác định một sự thật mới mẻ như thế. Sự thật này là kinh nghiệm của chính bản thân Đức Phật khi ánh sao mai canh ba hiện lên rực rỡ, chiếu sáng cả khu rừng mà sa môn Gotama đã ngồi thiền định dưới gốc cây bồ đề suốt bốn mươi chín ngày đêm.

Đó là phút giây kỳ diệu của sự chứng ngộ.

Cũng khu rừng đó, gốc cây đó, con người đó, ánh sao đó, nhưng tất cả đều hoàn toàn mới mẻ, vì con người đó vừa bứt phá được mọi công cụ xiềng xích phiền não bằng thanh gươm trí tuệ. Phải nhận ra cội rễ khổ đau mới có thể chặt đứt chúng để trở thành con người tự do, tự tại, vốn sẵn tiềm ẩn nơi mỗi chúng sanh.

Nhưng ở không gian và thời gian đó, sự thật này lại khó tin đến mức khiến hơn năm ngàn vị Thanh Văn Duyên Giác hết hoảng đứng dậy, rời Pháp Hội, xuống núi!

Làm sao tin nổi là mọi chúng sanh, bất kể sang hèn giàu nghèo, khi nhận ra được là trong hình hài phàm phu này, có một vị chân nhân, thì kẻ đó đang là Phật! Và, nếu chịu tin như thế rồi, việc còn lại chỉ là ân cần chăm sóc và quán sát cái thân tâm phàm phu này, hăng hái lau chùi bụi bặm đi, tẩy rửa uế nhiễm đi, sẽ thấy được vị chân nhân bên trong.

Nhưng vị chân nhân đó, dung mạo ra sao, già trẻ thế nào, để có thể thấy hay không thấy? Dùng cái thân tướng phàm phu giả tạm, do kết hợp từ đất, nước, gió, lửa, để đi tìm cái không hình không tướng, không biết từ đâu đến và chẳng biết sẽ về đâu thì có dễ không?

Chắc là không, vì cõi ta-bà, muôn "Phật sẽ thành" vẫn nổi trôi trong biển khổ, hoặc phó mặc trầm luân, hoặc nhọc nhằn cầu học. Kẻ phó mặc trầm luân, ví như đã an phận theo dòng sinh tử, còn người cầu học mới phải khổ công nhọc trí, bôn ba tìm thầy, nương pháp để chỉ cho cách tìm ra cái "đang ở trong ta".

Một vị giảng sư, mỗi lần đăng tòa thuyết pháp, đều nhắc nhở đại chúng: "Ngoài đời - thường, học vị nào, công việc nào cũng có lúc hoàn tất. Đạt kết quả rồi, người đó có thể nghỉ ngơi, hưởng thụ công trình của mình, bằng cách này hay cách khác. Nhưng với người cầu sự giác ngộ giải thoát thì không có phút nào được ngưng nghỉ, bởi phút nào giải đãi, phút đó mất ngày chánh niệm; mất chánh niệm thì thân, tâm, ý, theo vọng mà hành xử ngay!"

Đây là lời nhắc nhở rất quan trọng cho những ai thực tâm cầu đạo. Lời nhắc này cũng nói lên sự dễ, hoặc khó, trong việc lau bụi vô minh, hiển lộ Phật Tánh. Loại bụi này chẳng phải chỉ bám vào một nơi, một chốn, cũng chẳng phải chờ gió, chờ mưa nó mới di chuyển, lây lan. Để cho một ý bất thiện khởi lên mà không kịp nhận diện, nó có thể biến thành hành động, nhanh như tia chớp. Tác hại hơn, nếu nó còn mưu lược phác họa chương trình, rồi thân tâm ý cùng hỗ trợ nhau tích cực hành động thì chẳng bao lâu, giọt nước sẽ biến thành sóng thần, thành cuồng phong bão tố! Nhân vật Hitler chỉ không ngăn được thành kiến không ưa một chủng tộc, mà dẫn đến việc sát hại hơn sáu triệu dân Do Thái vô tội trong những lò hơi ngạt!

Lịch sử nhân loại từng chứng minh vô vàn sự bi thảm, mà Đức Phật đã cảnh giác: "Không tình thức nhận diện để kịp ngăn chặn những bất thiện ý, thì cũng như coi thường một con rắn nhỏ, có thể khiến ta mất mạng, coi thường một đốm lửa nhỏ, có thể thiêu rụi thôn làng".

Suy ra từ lời dạy này, cũng chớ coi nhẹ điều thiện nhỏ, mà không làm, vì dù sự việc điều thiện đó có nhỏ, nhưng khởi được ý-thiện và hành động theo ý-thiện đó thì kết quả có thể vô lượng.

Trong sáu căn, Ý là kẻ chỉ đạo, rồi với sự hợp lực và tuân theo của năm căn kia, Ý nào khởi lên cũng có thể thành hành động. Chính vì thế mà chúng ta tìm thấy trong Tập A Hàm, riêng sự quan trọng về việc hộ trì sáu căn đã được lồng vào câu chuyện về tỳ-kheo Vangisa, suốt mười ba kinh. Câu chuyện dẫn cho thấy những tiến trình nguy hiểm khi sáu căn được thả lỏng. Thầy Vangisa là vị tỳ-kheo xuất sắc trong nhiều lãnh vực nghệ thuật, từng được Đức Thế Tôn ngợi khen tài sáng tác thi kệ, nhưng vì không dành đủ sự quan tâm tới sáu Căn khiến khi chúng đối trước Trần, đã dễ nảy ra Thức ngã mạn, rồi mất chánh niệm đến nỗi suýt bị lụy vì nữ sắc. May nhờ có nội lực tu tập, thầy sớm nhận ra, bèn tìm tới Ngài Ananda, xin giúp đỡ.

Do việc này, một lần, Đức Thế Tôn đã nghiêm túc dạy rằng:

"Này các thầy tỳ-kheo, sáu căn của các thầy, mỗi căn là một đại dương mênh mênh, sâu thẳm. Trong mỗi đại dương đó đều có vô số loài thủy quái sống giữa những dòng xoáy ngầm vô cùng hung

TẶNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

LÁ THƯ THỨ BA KẾT THÚC NGÀY HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ (tức Ngày Về Nguồn lần thứ 5, tổ chức tại Âu Châu)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni
Kính gửi các Chùa, các Tự Viện, quý bà con Phật tử gần xa, Ban Hướng Dẫn và các Gia Đình Phật tử trong vùng Âu châu.
Kính thưa liệt quý vị.

Hôm nay, lá thư thứ ba, gửi đến Chư Tôn Đức Tăng Ni và bà con Phật tử xa gần, không ngoài mục đích: Tổng kết thành quả 4 ngày Đại Giới Đàn Quảng Đức và Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư 2011.

Trước hết, nói về Đại Giới Đàn trong 2 ngày 8 và 9/9/11. Kỳ này có tánh cách "liên châu" vì lễ Hội Đồng Thập Sư (Tam Sư Thất Chứng) đều được tuyển thỉnh từ các châu lục khác nhau:

Đàn Đầu: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (Mỹ châu); Yết Ma: Hòa Thượng Thích Như Huệ (Úc châu); Giáo Thọ 1: Hòa Thượng Thích Minh Tâm (Âu châu); Giáo Thọ 2: Hòa Thượng Thích Bảo Lạc (Úc châu).

Trong hàng Tôn Chứng Sư, có nhiều vị đến từ Úc châu, nhiều vị từ Hoa Kỳ, nhiều vị từ Canada, phần còn lại là Âu châu. Và giới tử của Đại Giới Đàn cũng thế. Tất cả gồm 25: 15 vị giới tử Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, 6 vị thọ Thức Xoa và 4 vị thọ Sa Di, Sa Di Ni.

Có 2 giới tử đến từ Úc châu, 3 giới tử đến từ Canada, còn lại là Âu châu. Tóm lại giới tử cũng "quốc tế". Đã vậy lại có một số giới tử ngoại quốc. Gồm 4 vị thọ Thức Xoa, và 3 vị thọ Tỳ Kheo giới. Cho nên khảo hạch và truyền giới cũng phải có những đoạn sử dụng thêm 2 thứ tiếng: Anh ngữ và Đức ngữ.

Đến Đàn Bồ tát giới gồm 2 hạng xuất gia và tại gia. Chánh Điện chùa Thiện Minh không còn chỗ để giới tử lễ lạy. Bởi lễ Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thọ Bồ tát giới đã có 15 vị rồi, cộng thêm 78 giới tử thọ tại gia Bồ tát giới nữa, vị chi tất cả là 93 vị cho nên Chánh Điện chùa Thiện Minh không còn chỗ trống là điều không có gì đáng ngạc nhiên.

Tóm lại, Đại Giới Đàn Quảng Đức kỳ này là một điểm son đáng được tán thán, từ Ban Kiến Đàn, Hội Đồng Thập Sư cho đến hàng giới tử xuất gia lẫn tại gia ai nấy đều thành tâm cố gắng, đem hết sức mình để tô bồi cho Đạo Tràng được thanh tịnh trang nghiêm, mặc dầu ở hải ngoại còn rất nhiều hạn chế.

Bước sang 2 ngày Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư.

Ngày thứ nhất 10/9/11 có 2 buổi thuyết trình về Bồ tát Quảng Đức và Cổ Hòa Thượng Thích Thiện Minh. Cứ sợ rằng đề tài khô khan, thính chúng thừa thớt, buồn ngủ. Nào ngờ 2 buổi thuyết trình và thảo luận rất sinh động. Hội trường đông đảo hết chỗ ngồi. Thảo luận sôi nổi đến mức chủ tọa phải lắc linh, đánh chuông nhiều lần, để kéo diển giả trở lại cho đúng nhịp kim đồng hồ. Nhiều lúc Hội trường quá cảm kích xúc động đến rơi nước mắt. Cả quý thầy, các bậc Trưởng lão cũng không ngăn được cảm xúc dâng trào.

Qua 2 buổi Hội thảo, tất cả thính chúng đều cảm nhận sâu sắc, tâm linh rung động theo từng lời, từng biến cố được lập lại, kể lại, mặc dầu đã ba bốn thập niên trôi qua.

hần. Các thầy chỉ là những chiếc thuyền nan, bập bềnh trên biển cả, nếu không cẩn trọng trong từng phút giây, thuyền sẽ bị sóng ngầm và thủy quái nhận chìm, tiêu diệt ngay!"

Quả là một thí dụ gợi hình, đầy linh động, khiến kẻ lơ mơ như tôi mà qua lời cảnh giác quý báu này, tôi đã bật nhớ, trong một lần giảng pháp, giảng sư đã viết lên bảng một câu, bằng Hán tự:

"Phù vi đạo giả, như thị càn thảo, hỏa lai tu ty"

Nghĩa nôm na, tôi hiểu đại ý là "Người cầu đạo, ví như kẻ đang gánh củ khô, thấy lửa, phải tránh xa."

Lửa ở đây, tạm nhận diện là những tư duy và hành động sai lầm, từ mười sử tiêu biểu, gồm tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Mười sử này khai triển thành tám vạn bốn ngàn trần lao,

cuốn ta trôi lăn trong dòng phiền não, sinh tử luân hồi.

Lửa tình vi và mênh mênh vô hình vô tướng như thế, lúc nào cũng vây quanh đời sống, ẩn hiện dưới muôn hình vạn trạng, làm sao mà sự chệnh mảng chẳng khiến ta dễ dàng bị đốt cháy!

Vừa chợt nhớ lại ví dụ này, tôi tưởng như gánh củ khô trên vai đang được ai đó chất cho đầy hơn, nặng hơn, vì nó mang theo một thông điệp không thể không đáng sợ: "Này, thân mạng đang vùi trong củ khô, hãy nhìn cho rõ, những gì là lửa nhé!"

Trên đường thiên lý hôm ấy, gió đi theo, và cùng cất tiếng hát với đoàn người gánh củ:

"Nhờ ơn Thầy chỉ dạy,
Cám ơn gánh củ khô
Vì có, ta tránh lửa,
Xa lửa, gần Chân Như..."



Đến ngày Chủ nhật 11/9/2011, Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư chính thức được cử hành trang nghiêm trọng thể tại lễ đài trước chùa Thiện Minh. Đi đầu, một đoàn rước Long vị Tổ Sư và đi ảnh nhị vị Bồ tát Thích Quảng Đức và Thích Thiện Minh được diễn ra rất trang nghiêm nhiều ấn tượng. Tiếp theo là 120 vị Tăng Ni và hàng ngàn Phật tử diễn hành.

Suốt 4 ngày Đại Hội Hiệp Kỳ, Về Nguồn lần thứ 5 đã để lại nhiều hình ảnh, nhiều kỷ niệm khó quên, nhất là hành trạng của Liệt vị Tổ Sư hy sinh cho Đạo Pháp đã âm thầm khắc ghi vào lòng người con Phật...

Ngày nay, đất nước lâm nguy, đạo pháp chao đảo, hình ảnh Liệt vị Tổ Sư khiến cho người Phật tử không thể nào nhắm mắt xuôi tay cho số phận an bài... Tất cả phải nghĩ đến nên làm gì, đóng góp gì trước tình thế an nguy của Đạo Pháp và Dân tộc. Đó là cảm tưởng sâu đậm nhất nổi bật nhất đúc kết lại sau 4 ngày Hiệp Kỳ và Đại Giới Đàn Quảng Đức năm nay tại chùa Thiện Minh (Lyon - Pháp quốc).

Bên cạnh những thành đạt đáng kể vừa nêu trên chúng ta không thể không nói đến sự hỗ trợ đắc lực của Ban Tổ Chức địa phương của chùa Thiện Minh, của đồng bào Phật tử toàn vùng Rhône-Alpes. Đặc biệt nhất là Ban Trai Soạn hỗn hợp từ nhiều quốc gia đến góp sức như Đan Mạch, Hòa Lan, Đức quốc, Thụy Sĩ...

Bốn ngày Đại Lễ trôi qua mà không có xảy ra một sự cố nào đáng tiếc. Lại thêm thời tiết không mưa, không nóng quá là Phật lực độ trì, Chư Thiên Thánh Chúng che chở cho tất cả được tuần tự xuôi thuận, nhẹ nhàng. Thật là quý hóa vô cùng.

Một hình ảnh đặc biệt nữa, xin nói luôn để Chư Tôn Đức và bà con Phật tử ở xa không về dự lễ được, vui mừng thêm. Đó là lễ trao biểu tượng Lịch Đại Tổ Sư (Bình bát) cho phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hải ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan nhận lãnh để Tổ Chức Ngày Hiệp Kỳ Chư Tổ 2012 tức Ngày Về Nguồn lần thứ 6 tại Úc châu năm tới. Hòa Thượng Hội Chủ Úc châu Thích Như Huệ, và tất cả Chư Tôn Đức trong phái đoàn đều tỏ vẻ hoan hỉ nhận lãnh để cho ngọn đuốc soi đường của Chư Tổ được luân lưu truyền đi khắp năm châu 4 biển. Thế thì còn gì vui mừng hơn.

Vậy ngay từ bây giờ, chúng ta nên chuẩn bị một chuyến hành hương Úc châu vừa dự lễ Hiệp Kỳ và viếng thăm các danh lam Phật tích mà 3 thập niên qua, Chư Tôn Đức Tăng già và bà con Phật tử Việt Nam tại Úc đã dày công xây dựng trên xứ sở các đạo hữu Kangaroo. Hòa Thượng Hội Chủ Giáo Hội Úc Châu có "bật mí" rằng: Có lẽ sẽ tổ chức vào khoảng tháng 10 hay tháng 11 (dương lịch) năm tới và địa điểm đầu tiên để "Bình Bát của Tổ Sư" hạ xuống sẽ là chùa Pháp Hoa ở Adelaide tiểu bang Nam Úc. Xin Chư Tôn Đức Tăng Ni và bà con Phật tử xa gần sửa soạn vali đi là vừa.

Kết thúc lá thư thứ ba này, xin cần nguyện Hồng Ân Tam Bảo Lịch Đại Tổ Sư, Chư Thánh Tử Đại luôn luôn chứng minh gia bị và soi đường dẫn bước cho chúng ta vững tâm, bền chí trên con đường quang phục quê hương và chấn hưng Đạo Pháp.

Bagneux 15/09/2011

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu



Bức bích họa mô tả sự giảng lâm của Đức Phật

PHẬT GIÁO LÀ TÔN GIÁO PHÁT TRIỂN NHANH NHẤT TRONG CÁC NHÀ TÙ Ở ANH QUỐC TRONG THẬP NIÊN QUA

Đào Văn Bình

Mặc dù những người tôn sùng giáo lý của Đông Phương, tin tưởng vào sự an tĩnh của tâm hồn và sự linh thiêng của đời sống, hầu hết những tù nhân Phật tử đang bị giam giữ tại đây đều là những người có bản án dài hạn vì phạm phải những tội nghiêm trọng như bạo động và xâm phạm tiết hạnh.

Một vài nhà tù hoặc các bệnh viện có canh phòng nghiêm ngặt, kể cả Broadmoor đã cho thiết lập bàn thờ Phật gọi là Khu Vườn Cửa Phật (Buddha Groves) trong khuôn viên trại giam, và còn có cả một hệ thống tuyên úy trên quy mô toàn quốc để phục vụ cho số lượng Phật tử (mới theo) mỗi ngày mỗi gia tăng.

Các báo cáo cho biết phần lớn các phạm nhân trong nhà tù đã xin cải đạo sang Phật Giáo sau khi bị kết án, một sự lựa chọn hơn hẳn (vượt qua) các tôn giáo khác chỉ vì Phật Giáo nhấn mạnh vào Thiện Định giúp cho họ trực diện với hoàn cảnh tù đày của họ. Những người ủng hộ những phạm nhân Phật tử này nói rằng sự phát triển tâm linh của họ trong trại giam sẽ giúp họ không tái phạm sau khi được phóng thích.

Lord Averbury, Thượng Nghị Sĩ của Đảng Dân Chủ Cấp Tiến là người đỡ đầu của cơ quan Angulimala - Tổ Chức Tuyên Úy Các Trại Cải Huấn - đã nói với tờ Telegraph như sau: "Số lượng thật đáng kể. Tôi nghĩ rằng lý do mà họ theo Đạo Phật là vì họ thích thú với giá trị định hợp lý (reasonable hypothesis) trong lúc bị giam giữ. Tôi nghĩ rằng điều đó giúp họ hiểu biết và ứng phó với hoàn cảnh hiện tại. Phật Giáo giúp người ta xa lánh tham vọng vật chất, dĩ nhiên nếu họ ở trong tù thì dù có ham muốn họ cũng không thể nào đạt được. Quả vậy, bạn có nhiều thời giờ để phân quang hồi chiếu và hành Thiện trong lúc ngồi tù và từ bỏ ý nghĩ bồi đắp tự kỷ." Ông nói tiếp: "Thiên hướng của tôi muốn nói là cần phải giúp đỡ họ sau thời hạn ở tù. Toàn bộ ý tưởng của Phật Giáo là không làm tổn hại tới bất cứ một người nào, và những ai tin tưởng vào điều này chắc chắn sẽ coi lại (làm lại) cuộc đời mình và khả năng tái phạm rất ít." Lord Averbury nói rằng sự lo lắng cho các phạm nhân của hệ thống tuyên úy Phật Giáo trong nhà tù được Sở Cải Huấn hỗ trợ, khuyến khích nhiều phạm nhân cải đạo, cộng thêm với sự hiện diện của bàn thờ Phật tại khuôn viên trại giam. Lord Averbury nói thêm, "Mỗi năm chúng ta có một lễ kỷ niệm tại Spring Hill - một nhà tù không có hàng rào - open prison- tại Buckinghamshire là nơi mà Khu Vườn Cửa Phật được thiết lập lần đầu tiên. Đó là nơi thật tuyệt diệu, thật an tĩnh. Cả ban giám thị và phạm nhân cùng tới đó để hành Thiện."

Những con số chính thức cho biết 149,157 Phật tử người Anh - là những người tin rằng đã đạt được sự giác ngộ (hiểu biết) về bản thể của cuộc sống và không tôn thờ Thượng Đế (God) chiếm khoảng 0.26% dân số. Vào năm 1997 chỉ có khoảng 226 Phật tử ở trong trại giam ở Anh và Xứ Wales, nhưng chỉ cuối năm 2008, tăng 669% tức lên tới con số 1,737 tức 2% của tổng số phạm nhân là 79,734.

Trong số phạm nhân Phật tử này thì 1,194 là Da Trắng trên 30 tuổi. Chỉ có 78 là nữ phạm nhân.

Con số thống kê chi tiết do Bộ Tư Pháp công bố cho biết phạm nhân phần lớn bị án dài hạn. Trong tổng số đó, 621 người bị án từ bốn năm hoặc nhiều hơn, trong khi 521 người mang bản án vô thời hạn.

Tỷ suất phát triển của Phật Giáo trong các trại giam vượt xa Hồi Giáo mà con số chỉ tăng gấp đôi từ 3,681 lên tới 9,795 trong 11 năm qua.

Ky-tô Giáo vẫn duy trì số phạm nhân cao nhất với 41,839 tín đồ, trong khi đó tổng số phạm nhân bao gồm không theo tôn giáo nào hoặc tự nhận mình vô thần không tin vào thần linh Thượng Đế là 27,710.

Con số 1% phạm nhân lần đầu tiên được thống kê năm nay là 570 - là những người tuyệt đối không tin có sự hiện hữu của Thượng Đế. (there is definitely no God)

Chỉ có 220 phạm nhân là Do Thái Giáo - ít hơn con số theo Pagans (*) ghi nhận là 366, còn 340 phạm nhân là Rastafarian (**), 230 phạm nhân là Nhân Chứng Jehovah. Chỉ có 37 phạm nhân theo Đạo Bình Cứu Tế (Salvation Army)

Phát ngôn viên của Nha Cải Huấn nói rằng "Nha Cải Huấn ghi nhận vai trò tích cực của tôn giáo có thể giúp cho đời sống (tâm linh) của phạm nhân và sự hồi phục (sau này) và Nha Cải Huấn cam kết giúp phạm nhân theo đuổi tín ngưỡng đó. Mọi phạm nhân đều có toán tuyên úy đáp ứng nhu cầu tôn giáo riêng của họ và cả ban giám thị. Toán tuyên úy bao gồm các tuyên úy và những người tình nguyện của rất nhiều tôn giáo và giáo phái."

Sau đây là con số thống kê số phạm nhân phân chia theo tôn giáo tại Anh Quốc và Xứ Wales năm 2008:

- Không tôn giáo 26,626.
- Giáo Hội Anh 23,039.
- Công Giáo La Mã 14,296.
- Hồi Giáo 9,795.
- Phật Giáo 1,737.
- Đạo Sikh 570.
- Vô Thần 514.
- Ấn Độ Giáo 434.
- Pagan 366.
- Rastafarian 340.
- Nhân Chứng Jehovah 230.
- Do Thái Giáo 220.
- Scientology 3.

(Nguồn cung cấp: Bộ Tư Pháp)

Bản dịch của Đào Văn Bình

(Buddhism is fastest-growing religion in English jails over past decade by **Martin Beckford**, Religious Affairs Correspondent 6:38PM BST 05 Aug 2009 - The Telegraph)

Cước chú:

(*) Một nhóm Đa Thần Giáo

(**) Một đạo mới nổi lên và thờ vị cự Hoàng Đế của Ethiopia

Quý độc giả muốn đọc những bài viết khác của tác giả có thể viếng weblog & website: <http://www.cattien.us> <http://daovanbinh.cattien.us>



LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ – NGÀY VỀ NGUỒN 5 TẠI CHÙA THIÊN MINH, LYON, PHÁP QUỐC (TỪ NGÀY 08 ĐẾN 11 THÁNG 9 NĂM 2011)

Photos: chuathienminh



LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ – NGÀY VỀ NGUỒN 5 TẠI CHÙA THIÊN MINH, LYON, PHÁP QUỐC (TỪ NGÀY 08 ĐẾN 11 THÁNG 9 NĂM 2011)

Photos: chuathienminh



ĂN MÀY CỬA PHẬT

Lam Khê

Ngôi chùa Ni ba tầng uy nghi bề thế vừa được trùng tu đã thu hút nhiều khách thập phương tìm đến vãng cảnh chùa lễ Phật.

Chùa xây theo lối kiến trúc vừa cổ kính vừa hiện đại, có sân trồng hoa kiểng, có Đông lang Tây lang làm nhà chuông và có cả tầng hầm làm nhà kho nhà bếp và nơi để xe của quý cô. Chùa khánh thành xong, mở nhiều khóa tu nên Phật tử lui tới đông đúc. Buổi sáng khi công việc bếp núc thu dọn xong là quý cô rút hết lên lầu. Lúc này khu tầng hầm là nơi vắng vẻ yên tịnh hơn cả.

Chùa to Phật lớn nên bọn trộm vặt thường thừa cơ len vào. Để đối phó, nhà chùa buộc phải nuôi chó. Thế là mấy chú chó ta, chó Nhật có mặt trong tầng hầm đủ để hình thành một đội quân hùng mạnh trấn áp kẻ gian. Lại có cả một đàn mèo ung dung chiếm giữ một góc an toàn nơi xó bếp. Lũ mèo này bị bỏ rơi trước cổng chùa lúc mới chào đời, quý cô thương tình đem vào nuôi cho làm bạn với bầy chó. Đáng ngại nhất là lũ chuột cống kéo tới trú ngụ khắp mọi góc ngách nơi tầng hầm. Mèo trở thành khắc tinh, là mối đe dọa trực tiếp làm giảm bớt sự sanh sản thái quá của bầy đoàn nhà chuột chuyên nghề phá phách này.

Mấy chú chó cứng được nuôi nặng đàng hoàng nên đối xử cũng có phần biệt đãi hơn. Và lại nhiệm vụ giữ chùa coi xe của chó cũng rất nặng nề. Thường thì chúng ở tầng hầm và được một cô quản gia chăm sóc tận tình chu đáo. Cách vài ngày, bầy chó được tắm rửa sạch sẽ, xúc dầu thơm. Đêm ngủ được lót chăn, được mặc áo khi trời trở lạnh. Thức ăn ngoài cơm rau, còn có thịt cá. Thịnh thoàng chúng lại được no nê một bữa với xương heo giò chả của Phật tử chùa mang đến. Nhiệm vụ của chó là canh giữ kẻ gian. Nhưng thường thì chúng sủa toáng lên khi nghe tiếng xe máy của quý cô ra vào. Xem ra chúng không phân biệt được người quen kẻ lạ. Nhưng có lẽ mấy chú cầu nhà ta cho mình là chủ nhân ở đây, nên thích quấy quá đôi chút cho đỡ phần vắng vẻ cô quạnh.

Quý cô trong chùa thường bảo nhau "Thong dong như mây o mèo." Quả là mây à mèo suốt ngày chỉ quanh quẩn bên bếp lửa hoặc nằm dài trên đồng tro tàn hết sức hồn nhiên tự tại. Chúng chẳng bận tâm đến điều gì ngoài việc

ăn rồi ngủ, nên chẳng làm nên tích sự gì, ngay cả việc thị uy với lũ chuột cũng không thể. Mèo vốn là loài bắt chuột. Nhưng đám mèo của chùa quá nhu mì lại gầy ốm. Còn lũ chuột tinh quái thì to béo như những chàng lực sĩ đang sung sức. Mèo không thể làm gì chuột nên lâu ngày nó cũng mất dần bản năng rình mồi. Quý cô bảo mèo ở chùa ăn chay nên không thích sát sanh. Mà quả vậy. Cả ngày mèo cứ nằm lim dim ra chiều tư lự, mặc cho lũ chuột có chạy ngang trước mũi, mèo cũng đứng đờ đẫn chẳng thèm để mắt tới.

Tầng hầm là nơi ở lý tưởng và an toàn nhất cho cả bầy đoàn thể tử nhà chuột. Ở đây chúng mặc sức lộng hành quậy phá mà chẳng sợ một thể lực nào đe dọa. Chúng không sợ đánh bả, dính keo, không sợ bẫy... vì nhà chùa từ bi có bao giờ sử dụng những món ấy. Còn mấy chị mèo dù có nhớn nhợ qua lại trong bếp, chuột cũng chỉ xem đó là những hình nộm biết đi, chẳng đáng quan ngại. Ở đây chúng lại có cả một kho lương thực dồi dào nên không sợ đói khát. Kho gạo và thức ăn rau cải lúc nào cũng đầy ắp. Dù quý cô cất giữ cẩn thận cách nào, chuột cũng đánh hơi đục khoét moi ra cho bằng được. Ngay cả mấy thùng rác to tướng cũng được chúng chiếu cố tha hồ tìm kiếm những thức ăn khoái khẩu.

... Có nhà văn tu sĩ thích ngao du đây đó để tìm ý tưởng. Một lần viếng chùa, tình cờ nhà văn nhận ra sự chung sống hòa bình thân thiện của bầy gia súc với lũ chuột cống đã phải ngạc nhiên thốt lên:

- Quả là khung cảnh yên bình tịnh lạc.

Nhà văn thích thú khi trông thấy chú chó Bắc Kinh trắng trẻo đang vuốt ve à mèo tam thể xinh xắn. Xưa nay mèo chó vốn chẳng ưa gì nhau, dù sống chung mái nhà, chúng cũng làm mặt lạnh xa cách, có khi còn ẩu đá loạn xạ cả lên. Ấy vậy mà, cả bầy chó mèo ở chùa lại tỏ ra hết sức thân mật. Lũ chuột dù không nhận được sự thịnh tình này, song cũng mặc nhiên chơi đùa rượt đuổi lẫn la chí chèo.

Nhưng xem kìa. Nhà văn đồng hai tai lắng nghe cuộc đấu khẩu giữa ba nhân vật chính đang có mặt tại tầng hầm. Nhà văn vốn có giác quan thứ sáu, nên nghe được cả tiếng nói của loài vật. Mấy chú chó đánh chén no nê những đĩa thức ăn đầy thịt thì ưỡn bụng đi nằm. Một cô mèo từ nhà bếp đi ra. Mèo ta cảm thấy đói bụng. Trong đĩa chỉ còn cơm trộn lẫn với rau xanh. Quý cô vẫn trộn rau vào thức ăn chó để chúng tập quen với việc chay lạt. Mèo vốn ăn chay, nên chẳng lấy gì làm phiền lòng. Cô à ăn chậm rãi từ tốn vài miếng rồi cũng đi nằm. Lúc này một bầy chuột nổi đuôi nhau ra tiếp nhận bàn tiệc. Thật là một lũ háu ăn vô trật tự. Chúng tranh ăn tranh nói làm cơm vương vãi tứ tung. Thịnh thoàng có bước chân quý cô xuống cầu thang, đàn chuột giựt mình chạy biến một lúc

rồi lại trở ra. Chúng cũng phát hiện có người lạ mặt đang dõi nhìn từ xa.

Bữa tiệc đã xong. Cơm trắng vãi đầy trên nền gạch. Lũ chuột no nê, nên bắt đầu dờ trờ ranh mãnh, cần đuôi rượt đuổi chạy quanh bếp. Cô mèo bị quấy rối liền mở to mắt ra quát tháo:

- Này cái lũ chuột gớm ghiết kia. Tổ tiên ba đời nhà mi trông thấy ta còn phải sợ chết khiếp, chứ đâu có cái hạng nghề ngang vô lại chẳng xem trời đất ra gì. Ta đã không thèm đếm xỉa tới mà còn không biết thân biết phận. Coi chừng có ngày ta cũng sẽ tóm cổ tiêu diệt bằng hết cái đồ thôi tha phách lối đó.

Gã chuột cống to lớn có vẻ bất ngờ trước mấy lời gay gắt của chị mèo, nhưng hẳn ta vốn lém lỉnh già đời, biết mèo chỉ mạnh miệng nói chứ không làm gì nên điềm tĩnh trả lời:

- Ái chà! Chúng tôi chỉ đùa chơi chọc lát cho vui thôi, chị mèo ạ. Họ hàng chuột nhà tôi vốn mang tiếng là bọn sống chui rúc, phá phách quen rồi. Bản chất của chuột là vậy, biết làm thế nào. Chúng tôi cũng biết thân biết phận chứ nào dám đầu nghênh ngang xem thường chị.

Mèo càng tức khí:

- Hừ! Đùng là một lũ leo mếp láo xược. Hãy cút mau, đừng để ta nổi giận...

Chuột lại chu mỏ:

- Ôi! Chị làm gì mà dữ thế. Chúng tôi chỉ ăn ít cơm thừa rồi đi ngay, chẳng cần chị phải xua đuổi. Chị bảo tôi là thứ ăn hại. Còn chị suốt ngày cũng chỉ ăn rồi ngủ.

Mèo vọt đứng lên, vươn móng vuốt ra hăm dọa:

- Á! Mi còn dám lên giọng với ta nữa. Cái lũ chuột già mồm này...

Lũ chuột con bỏ chạy hết vào kho củi. Chỉ còn gã chuột đầu đàn gương mặt nhìn mèo thách thức:

- À! Chị đừng cho là tôi ưa lý sự nhé. Tôi cũng đâu muốn chọc giận chị làm gì để chuốc họa vào thân. Dòng họ chuột tôi với nhà mèo chị vốn có mối thù truyền kiếp, đời thừa nào mèo lại dung thứ cho chuột. Nhưng ở đây, dưới mái chùa từ bi độ lượng, chúng tôi được sống yên ổn, no đủ. Chuột tôi dù là loài vật cũng biết nghĩ đến ân đức hiểu sanh của mấy chị mèo...

Chú chó xám to lớn vạm vỡ nãy giờ vểnh tai nghe chán thì bực mình vọt lên tiếng bảo mèo:

- Này cô mèo, nói làm chi cho nhọc sức. Cứ dạy cho tên nhài ranh đó một trận là xong chuyện.

Thấy mèo làm thinh, chó lại chường mắt nói khích:

- Cái lũ mèo nhà cô quả là biếng nhác vô tích sự. Ăn bao nhiêu là cơm chùa mà chẳng bắt nổi một tên chuột nhất...

Mèo vốn tánh hiền lành nên chẳng hứng thú gì ba cái chuyện đấu đá tranh cãi, song chị ta vẫn đáp trả:

- Ô! Thì cũng như bác suốt ngày chỉ biết sủa vang để hù mèo dọa chuột cho có lệ chứ được gì nào.

Chuột lúc này quay sang nhìn chó với cặp mắt láo liên:

- Anh chó xám ăn ngon vô sự bây giờ lại muốn gây chuyện với tui nữa à?

Chó trợn mắt:

- Ta mà thèm gây chuyện với lũ chuột hôi hám nhà mày. Ở đây ta là chủ. Cút ngay cho rảnh mắt ta, cái đồ súc sanh ăn hại...

Chuột cười khinh:

- Tụi tui và giống nòi nhà anh cùng một loài súc sanh như nhau cả thôi. Mấy anh được ăn trên ngồi trước, cậy thế hồng hách ra oai, rồi cuộc cũng chỉ là những con vật, là một bọn ăn mày nơi cửa Phật...

Chó trợn mắt nạt:

- Cái gì là ăn mày cửa Phật. Ta được ăn cơm thịt cá ngon lành, chứ có ăn đồ cặn bã cống rãnh như bọn mày.

Chuột gật gật đầu:

- Là tui nói theo lý nhà Phật. Người nương cửa chùa, ăn cơm chùa người ta gọi là những kẻ ăn mày cửa Phật. Loài vật cũng vậy thôi. Nhưng xét ra thì chúng tôi vẫn có ích hơn mấy anh nhiều. Chúng tôi chỉ ăn cơm cùng thức ăn dư thừa. Còn anh, nhà chùa nuôi tồn biết bao cơm thịt của đàn na mà cứ để xảy ra trộm cắp. Mấy anh chỉ ăn lấy phần ngon, cơm thiu cơm dơ thì chừa lại, lũ chuột tui phải lượm ăn cho hết. Như vậy chẳng phải là gánh bớt tội lỗi cho các anh sao?

Chị mèo nghe vậy thì cười gằn:

- Giống chuột nhà mi thì có làm trò ma mánh quỷ quái. Ngay đến bàn Phật, mi cũng dám lên đó cắn phá, ăn sạch trái cây chưng cúng. Vậy mà còn dám đến tội lỗi, dạy đời kẻ khác...

Chuột vẫn vênh vao:

- Ấy! Chị mèo ơi! Chị thừa hiểu bọn chuột là giống vật ưa phá bình lại tinh quái vào bậc nhất thiên hạ mà. Đến con người còn kiêng nể không dám gọi tên tục của bọn tui ra nữa đây. Nhờ đi lại khắp nơi nên tui cũng hiểu biết nhiều điều thú vị. Tôi leo lên tới chánh điện nhà Tổ ở tầng ba, nơi chưng cúng toàn trái cây tươi ngon. Và tôi đâu thể bỏ qua cơ hội được hưởng chút lộc Phật. Tui còn được nghe quý thầy giảng pháp. Còn mấy anh chị tối ngày chỉ quanh quẩn nơi xó bếp tầng hầm thì làm sao thấy được trời đất bao la đến nhường nào...

Chú chó phốc từ bên ngoài chạy vào, nghe chuột đang khua môi múa mõ với vẻ dương dương đắc ý liền nổi xung nhảy bổ tới chụp bắt. Chuột thất kinh hồn vía vội chạy biến vào nhà kho. Nhiều tiếng chí chèo kêu inh ỏi một hồi mới im bắt.

Nhà văn tu sĩ lúc này như người vừa ra khỏi giấc mơ, ngơ ngẩn nhìn gian nhà bếp vắng lặng trong giờ chỉ tịnh. Thật thú vị. Nhà văn lẩm bẩm: "Mình sẽ viết lại cuộc đấu khẩu lạ lùng giữa ba con vật khắc tinh này. Chúng chung sống hòa bình dưới mái chùa, nhưng thịnh thoàng cũng xảy ra những cuộc cãi vã to tiếng đấy chứ. Ừ! Chén bát trong chạn còn khua vang nữa là. Mà cái anh chàng Tí thật ranh mãnh, dám múa môi ngay trước miệng mèo. Quả là bọn tếu táo. Hẳn ta lại cho mình nằm trong đoàn thể những kẻ ăn mày cửa Phật, có quyền hưởng lộc Phật. Ý tưởng này mới lạ lắm làm sao.

Tâm tư cảm kích, nguồn cảm hứng dâng trào, nhà văn yên lặng suy nghĩ ra chiều tâm đắc. Ở! Ta cũng là kẻ ăn mày nương nhờ cửa Phật. Kẻ ăn mày tự cho mình có thân tướng tượng phư, có đầy đủ phước đức, có niềm tin và tuệ giác hơn người nên có quyền thụ hưởng tài lộc của người mang tới. Và ta trả nợ người bằng những bài thuyết pháp thao thao bất tận, bằng những lời kinh tụng thuộc lòng như ăn cháo và bằng những bài viết thăm đẫm giáo điển sâu xa. Ta mở tung mọi cánh cửa tu tập giải thoát cho người bước vào, còn mình thì mãi mê theo đuổi những chân trời ào mông, nắm bắt hư danh.

Đến một lúc nào đó, kẻ ăn mày cửa Phật cũng sẽ sớm nhận ra hạt viên minh châu tỏa sáng nơi tự tâm, chấm dứt một đời cùng tử lang thang vào ra cõi tạm.



PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

Ý NGHĨA ĂN CHAY

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn



Vegetarianism

I. Definition:

Eat only fruits, vegetables and grains, avoid eating any meat products.

II. Why Buddha teaches us to be a vegetarian:

Buddha loves all living creatures; therefore, he teaches us to avoid killing animals for food. He only eats vegetables and wants everyone to do the same.

III. The benefits of being a vegetarian:

1. Fruits and vegetables have more vitamins than meats, and also easier to digest. Fruits, vegetables, and cereals provide a well-balanced diet for the human body.
2. When one's body is healthy, one's mind functions better. Therefore, one can learn everything faster.
3. By not eating meats, one has taken a step towards reaching enlightenment. By realizing that animals have the same right to live as humans, one develops a compassion for all living creatures.
4. By controlling your diet of not eat-

ing meats, you learn to live a more simple and meaningful life. This lifestyle shows the code of compassion of a Buddhist.

IV. Different Vegetarian Diets:

1. Permanent diet: Never eating meat.
2. Periodic diet: Not eating meats on certain days in a month or on certain months in a year.
3. Most common diet: Not eating meats on the 1st and 15th (Lunar calendar) of each month.

V. When you make the resolution of following a vegetarian diet:

1. Try to follow the diet consistently. Do not skip it for any reason, unless it is an emergency situation.
2. Eat simple; do not be extravagant in preparations of these meals.
3. Follow the vegetarian diet on Buddhist holidays and on the camp trips of the youth association.

VI. Conclusion:

One of Buddha's teachings is to love all living creatures by being a vegetarian. Therefore, this will make one closer to Buddha.

I. Ý Nghĩa Ăn Chay:

Ăn chay để tránh sát sanh, ăn các món không có mạng sống như rau, đậu, trái cây, sữa v.v...

II. Vì sao Đức Phật dạy các em ăn chay:

Đức Phật là một vị có lòng thương mọi loài, vì vậy Ngài dạy em ăn chay để tăng trưởng lòng từ-bi khỏi giết hại súc vật, bỏ dần tánh độc ác.

III. Lợi ích của sự ăn chay:

1. Thân thể được khỏe mạnh, tránh được bệnh tật và làm việc được dai sức: Trong hoa quả, rau, sữa có nhiều chất bổ rất cần cho sức khỏe của thân thể. Khác với các món thịt có rất nhiều chất độc, nhất là thịt của các loài chim hay thịt để lâu ngày. Các món ăn chay sạch sẽ nhẹ nhàng, dễ tiêu hóa nên trong người được khỏe.
2. Trí não em được sáng suốt, tánh tình được thuần hậu: Khi các em ăn nhiều thịt, trí não nặng nề mệt nhọc, khó nhớ, vì các món thịt cá khó tiêu và kích thích tâm trí, tánh tình gắt gỏng khó chịu, nhiều lòng tham, dễ nhiễm tánh ác. Trái lại ăn chay trí não được nhẹ nhàng, điềm tĩnh, sáng suốt, tánh tình thuần hậu, vui vẻ, biết thương yêu người và vật.
3. Em đi dần trên đường đạo, em được mọi người thương kính: Em ăn chay là em vâng lời Phật dạy, là tưởng nhớ đến hạnh từ-bi cao cả của Đức Phật và em sẽ gần Đức Phật. Đức Phật thương nhớ tới em, an ủi và hộ trì cho em.
4. Em ăn chay tức là em tập sống giản-dị, thể hiện đúng với hạnh thanh bạch của một Phật-tử.

IV. Cách thức ăn chay:

- Có nhiều cách ăn chay:
1. Ăn chay trường: Tức là ăn chay trọn đời, không bao giờ ăn mặn.
 2. Ăn chay kỳ: Tức là trong một năm nguyện ăn vài ba tháng hay trong một tháng nguyện ăn vài ngày.
 3. Ăn chay thông thường: là Ăn chay mỗi tháng.
- Nhị trai: Ăn chay hai ngày: mùng một và rằm.
 Tứ trai: Ăn chay 4 ngày: mùng 1, 14, rằm, và 30.
 Lục trai: Ăn chay 6 ngày: mùng 1, mùng 8, 14, rằm, 23 và 30.
 Thập trai: Ăn chay 10 ngày: mùng 1, mùng 8, 14, rằm, 18, 23, 24, 28, 29 và 30.

*** Tính theo âm lịch, nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày thì ăn chay ngày 27 (27, 28, 29) thay vì 28, 29 và 30.

V. Những điều nên nhớ:

- Khi đã phát nguyện ăn chay em phải nhớ những điều sau đây:
1. Đã phát nguyện ăn chay thì trọn đời giữ theo không vì trường hợp gì mà bỏ qua, trừ khi đau bệnh có thể khỏi giữ.
 2. Dùng các món ăn chay đạm bạc, đừng có quá sang trọng.
 3. Những ngày Vía và những ngày đi trại nên ăn chay.

VI. Kết luận:

Ăn chay là một phương pháp Phật dạy cho các em thực hành. Các em là Phật-tử, làm theo lời Phật dạy, tức là các em tiến tới gần Đức Phật, theo đúng mục đích của Đoàn.

Bình minh mở cửa

Đêm qua tôi bỗng nhìn tôi
 Ơ! sao lạ quá ta
 người hay ma?
 Tò mò đi hỏi người qua
 Ta là ai? Ở cõi xa hay gần?

Đêm qua tôi hỏi vầng trăng
 Trăng ơi trăng thấy ta gần hay xa?
 Ơ! sao không hỏi đóa hoa
 Lặng yên thiên tọa nhận ra chính mình

Đêm qua tôi gọi bóng mình
 Bóng ơi bóng, lặng thinh chẳng lời
 Hư không tịch tĩnh mù khơi
 Thấp lên ngọn nến chưa với bóng về

Đêm qua nhìn thấy sao khuê
 Không gian vắng lặng bốn bề tĩnh yên
 Chợt nghe chim hót huyền thuyên
 Bình minh mở cửa, xa thiên rong chơi.

KIỀU MỘNG HÀ

Desoto - Dallas

Duyên Nghiệp Mong Manh

Em và Tôi như là hai hạt bụi,
 Trôi lạc loài qua bao kiếp khổ đau
 Nay có phải từ muôn trùng duyên nghiệp
 Rất tình cờ...
 Ta lại gặp được nhau.

Tâm chúng ta vốn đã cùng một thể,
 Chỉ khác nhau với biệt nghiệp quanh co
 Cộng nghiệp xoay vần...
 (Muôn đời vẫn thế...)
 Đủ nhân duyên phụng khởi rất tình cờ

Sau khoá tu
 Cánh cửa thiền khép lại,
 Tựa như làn gió thoảng phớt qua vai
 Trở về đời với muôn ngàn lối ngõ
 Hạt-Bụi-Tôi lưu luyến gót chân ai

CHIỀU HOÀNG

(Vipassana June 2011)

Tóc xua

Tóc mây gợi vẻ kiêu sa
 Màn đêm óng ả la đà tóc em
 Mưa rơi gió hú bên thềm
 Giọt thương giọt nhớ êm đềm hư vô

Phù sinh có bến có bờ
 Có chung có thủy có về có đi
 Tình ai mới có xuân thi
 Vô thường cho mỗi tình si thuở nào.

BẠCH XUÂN PHÊ



thơ





Khoá Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ Thứ 23

tại WIESELBURG - Áo Quốc từ ngày 22-07-2011 đến ngày 31-07-2011

KHO BÁU THI KỆ CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

Nguyên Giác – Phan Tấn Hải

Kho Báu

Ở trần vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.

TRẦN NHÂN TÔNG – Bản dịch HT Thanh Từ.

(BÌNH: Hãy sống với nước, chứ đừng sống với các đợt sóng sinh rồi diệt; hãy sống với tánh sáng của gương, chứ đừng sống với các ảnh đến rồi đi; và hãy sống với tự tánh của tâm, chứ đừng sống với các niệm sinh diệt. Khi bạn thấy tánh của tâm, lúc đó bạn thấy lóe một tia của Niết Bàn – trạng thái của an tĩnh bất sinh, vô tác, vô vi. Làm sao bạn có thể thấy tánh của tâm? Xin hãy nhớ: Bạn chưa từng bao giờ rời xa nó, y hệt như nước là toàn bộ các sóng và chưa hề xa lìa đợt sóng nào, y hệt như tánh không của gương bao trùm toàn bộ các ảnh và chưa hề xa lìa ảnh nào. Tánh của tâm là vô ngã, nên nó hiển lộ như một nhà đại ảo thuật: tâm của bạn không có hình tướng, nên nó lấy mọi hình tướng mà bạn thấy làm như hình tướng của nó; tâm bạn không màu sắc, nên nó lấy mọi màu sắc bạn thấy làm màu sắc của nó... Bây giờ, hãy nhìn ra cửa sổ. Khi bạn thấy một con chim, tâm của bạn bấy giờ có hình tướng một con chim; và khi con chim bay lên, tâm của bạn cũng bay lên. Tâm của bạn là toàn bộ những gì bạn thấy, toàn bộ những gì bạn nghe, toàn bộ những gì bạn cảm thọ; người quan sát là toàn bộ những gì được quan sát. Lục Tổ Huệ Năng đã nói với hai vị sư đang tranh cãi về chuyện lá cờ bay, rằng không phải lá cờ động, và cũng không phải gió động, nhưng thực sự là tâm của họ động.)

The Treasure

Living in the world, happy with the Way,
you should let all things take their course.
When hungry, just eat; when tired, just sleep.

The treasure is in your house; don't search any more.

*Face the scenes, and have no thoughts;
then you don't need to ask for Zen.*

TRAN NHAN TONG (1258-1308)

(COMMENT: Live with the water, not with the waves rising and falling; live with the nature of mirror to reflect, not with the images appearing and disappearing; and live with the essence of the mind, not with the thoughts arising and vanishing. When you see the essence of the mind, then you catch a glimpse of Nirvana – the state of unborn, uncreated, unconditioned peace. After that moment, you know how to live with the mind unmoved while walking, standing, lying and sitting. How can you see the essence of the mind? Please, remember: You are never away from it, just like the water holds all the waves and is never away from the waves, just like the emptiness of the mirror hold all the images and is never away from the images. The essence of the mind is non-self, so it manifest as a great magician: your mind has no form, so it takes all forms you see as its forms; your mind has no color, so it takes all colors you see as its colors... Now look out the window. When you see a bird, your mind now has the form of a bird; and when the bird flies, your mind flies too. Your mind is all things you see, all things you hear, all things you feel; the observer is all things observed. The Sixth Patriarch Hu Neng told two monks arguing over the banner flying that that was not the banner moving, and also not the wind moving, but just their minds moving.)

(trích từ tác phẩm "Những Lời Dạy Từ Các Thiền Sư Việt Nam Xưa" của Cư sĩ Nguyên Giác – Phan Tấn Hải)

THOÁNG NHÌN NGỌN LỬA RỪNG LIỀN BỪNG LÊN THÁNH ĐẠO

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thử nọ có một Sa-môn lãnh thọ yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn rồi lui về rừng sâu tu tập. Mặc dù sự chuyên tâm cần mẫn, nỗ lực tiến tu, phấn đấu hàng phục mọi trở ngại, nhưng sư vẫn chưa đạt đạo quả. Do đó, sư tự nhủ:

- Ta sẽ về thỉnh Đức Thế Tôn cho ta một chủ đề thiền quán khác, hay hơn, cụ thể hơn, hợp với khả năng và nhu cầu của ta hơn.

Tạm biệt núi rừng, sư trở về Trúc Lâm để bày tỏ công phu tu tập của mình chưa được thành tựu và xin Ngài một công án khác. Trên đường về, sư bắt gặp một cảnh cháy rừng khủng khiếp: những ngọn lửa phừng phừng cứ mỗi lúc một lên cao, rồi trải dài, lan rộng như một biển lửa. Thầy vội chạy lên ngồi trên một đỉnh đồi trọc để tránh nạn. Thấy cây cối thảo mộc cứ dần dần bị thiêu hủy bởi muôn ngàn ngọn lửa hung tàn, sư nhận ra yếu chỉ và nhập định quán tưởng:

- Như đám cháy cứ mỗi lúc một lan dần và thiêu sạch mọi chướng ngại lớn nhỏ. Ta cũng vậy, phải dũng mãnh đi tới, bởi

vì hồng nào hồng chẳng có gai, thành công nào lại không dài gian lao. Ta phải quyết chí vươn lên, đoạn diệt mọi nghịch duyên vướng mắc bằng ngọn lửa trí tuệ và thánh đạo.

Đang thiền định trong tịnh xá, Đức Thế Tôn nhìn thấy dòng tư tưởng hưng phấn, quyết liệt của vị Sa-môn tinh cần, Ngài cất lời tán thán:

- Đúng thay! Đúng thay! Sa-môn. Như ngọn lửa thiêu hủy mọi chướng ngại lớn nhỏ. Cũng vậy, cần có ngọn lửa trí tuệ để thiêu sạch mọi ràng buộc vi tế hay thô lậu trong mỗi chúng sanh.

Ngài phóng quang rực rỡ, phân thân đến ngồi trước mặt vị Sa-môn trí tuệ và kiên định kia, ngỏ lời tán thán và đọc kệ:

Tỳ-kheo sợ phóng dật,
Thích nỗ lực tinh cần,
Như ngọn lửa lan dần,
Thiêu sạch mọi kiết sử.
(PC. 31)

Ngài vừa dứt lời thì vị Sa-môn liền chứng quả A-la-hán, đầy đủ phước trí trang nghiêm, sung mãn thần thông diệu lực. Sư xả thiền, lên đường trở về Trúc Lâm hầu thăm Đức Thế Tôn.

Cảm ơn

*Thương ai cả đời hy hiến
Tuổi thơ - đến cả 'tình riêng'
Hiên ngang giữa đời vô lối
'Tình chung' chẳng ngại lụy phiền!*

Lá rụng

*Bình minh đã thức dậy
Nắng lên rồi có hay
Gió reo ngoài song cửa
Lá rụng nét với đây!*

HUYỀN VŨ



10-01-2010 14:57



PHÁP UYÊN CHÂU LÂM

Thiên Trụ Trì

Sa môn Đạo Thế, Chùa Tây Minh soạn

Thích Chúc Hiền dịch

1. Thuật ý

Pháp không tự hoằng, hoằng pháp do người. Người thì có kẻ tà người chánh. Pháp tùy theo người mà được hoằng hóa. Người muốn trụ trì Tam Bảo cần phải có đầy đủ đức hạnh, trước hết phải am hiểu luật tạng, không sợ lao khổ, không thích tiếng khen, khiến cho tăng tục xa gần sanh tâm hoan hỷ, làm nơi nương cậy. Trong việc tu hành, tôn sùng chánh pháp, tiến tu đạo nghiệp, thì Tăng tục nương cậy nhau, khiến cho giáo pháp được tồn tại lâu dài. Cho nên, Luật Tứ Phần có chép: Điều không cần chế thì không chế, điều gì đã chế thì nên thi hành, được như thế, thì khiến cho giáo pháp được tồn tại lâu dài.

Nếu thuyết pháp nói ra lời thường tình, không có gì làm mô phạm, đồng với thế tục, thì làm sao làm khuôn mẫu, phép tắc cho mọi người? Nên tự xét lại mình! Cho nên luật chép: Điều không cần chế mà chế, thì nên liền đoạn, không như thế, thì dần dần khiến cho pháp chóng hoại diệt. Thường thấy nơi cửa những người quyền quý hay trong cung đình có nhiều tăng ni hành nghề chữa bệnh, hoặc có người châm cứu, bốc thuốc, hoặc thì ham cầu danh lợi, có người thì đờn ca, đờn cười không giữ oai nghi, hoặc có người làm mai mối cho nam nữ, hoặc có người ngang nhiên nhóm họp ăn thịt uống rượu, hoặc có người ăn mặc y phục xa hoa, sống đời phóng túng, hoặc có người tay bắt mắt mừng giống bọn thế tục, hoặc có người kết cấu với bạn ác, có người cậy người thô lỗ, dẫn đến tiếng dơ đầy ngập, tình dục nhiễm ô, đầu đến triều đình, vua quan đều biết.

Nói thế nhưng không phải hầu hết Tăng Ni đều không nương vào Thánh giáo, cũng vì một phần do người tục không biết các bậc hiền lương, do vì một vài vị phạm Tăng mà chê bai cả số đông Tăng Ni đức hạnh, chúng ta đâu biết rằng trong chốn tông lâm đó, có nhiều người siêng năng học hỏi, biết khắp ba Tạng Kinh Luật Luận, có lắm vị giảng kinh thuyết pháp dẫn dắt bao người làm lợi lạc quần sanh, hoặc có người chuyên ở nơi thiền quán, thường ngồi không nằm, có người đọc tụng kinh luận siêng năng cần mẫn, có người sáu thời lễ sám ngày đêm hành đạo, có người mặc y bá nạp, khổ thực tận tiện, gìn pháp vô vi, có người tu hạnh đầu đà ở nơi rừng sâu Lan Nhã, có người chuyên tâm làm phước, cúng dường Tam Bảo, có người kiến lập đạo tràng chay tịnh, giảng dạy giáo hóa kẻ tục vào đạo, có người khắc kinh tạo tượng, dựng lập chùa chiền. Trên đây lược ghi hết những trường hợp mà các bậc danh đức thường nương đạo tràng, chuyên tu hành phước trí, một tất thời gian cũng không bỏ qua, không để tâm mình nhàn rỗi, nhiễm dục. Vì thế, thật

đáng trân quý mà người học không biết nương gần, chỉ biết kết bạn thăm tình với bọn thô bỉ, nhiễm tạp, lâu ngày lấy quấy làm phải. Dầu gặp Thánh Tăng cũng cho là chúng phạm, sanh lòng sân hận, tự cao tự đại, nào biết cung kính! Suy gẫm việc này há không răn dè ư!

2. Trị Phạt

Từ khi Phật Niết-bàn, chánh giáo truyền về Đông. Phật Pháp phó chúc cho Quốc Vương khiến họ hộ trì thêm. Nhưng vương pháp xâm nhập, khi này khác, sa sút kém suy, hiển chương trị phạm mất dần, nếu có người hay biết, nói ra, thì trái lại bị lăng nhục. Vì Tăng tục đầy dẫy ác tâm, sai trái lâu ngày. Giả sử muốn trị phạt, cải ác làm lành, thì cậy nhờ vào thế lực quan lại ép uống người thanh tịnh. Còn Tăng chúng thì vô lực, trái lại làm ô nhiễm tịnh tâm, mong chuyển hóa ác gian thật là khó khăn trắc trở, khiến cho đại pháp đình chỉ, áp dụng đi phong sai lầm, cho nên kinh Đại Tập chép: Nếu các vị Quốc Vương trong thiên hạ ở đời sau vì hộ pháp nên có thể xả bỏ thân mạng, thà hộ cho một Tỳ kheo như pháp, chứ không hộ cho vô lượng các ác Tỳ kheo. Vị Quốc Vương đó khi lâm chung sẽ được sanh về Tịnh độ. Nếu vị Quốc Vương đó theo ủng hộ cho các ác tỳ kheo thì trong vô lượng kiếp không được làm thân người. Nếu Quốc Vương không trị phạt các ác Tỳ kheo, thì sẽ làm đoạn diệt Tam Bảo. Đó là cướp mất con mắt của chúng sanh, dầu vô lượng đời tu bổ thí, trì giới, trí tuệ thì cũng bị mất.

Và lại, Tỳ kheo phạm lỗi cần phải trị một tháng, hai tháng làm việc khổ sai, hoặc không cùng nói, không cùng ngồi, hoặc trục xuất ra khỏi một nước cho đến bốn nước, chỗ có Phật pháp. Trị các ác Tỳ kheo như thế, các thiện tỳ kheo an lạc thọ pháp, cho nên khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài không bị đoạn diệt.

Luận Tát-bà-đa chép: Trái phép Vua thì phạm tội Đột-cát-la.

Kinh Thăng Man chép: Thưa Đức Thế tôn! Người cần chiếc phục thì chiếc phục, người cần nhiếp thọ thì nhiếp thọ. Vì sao? Vì chiếc phục và nhiếp thọ sẽ khiến cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, trừ người thêm nhiều, ác đạo giảm bớt, bánh xe pháp của Đức Như Lai cũng nhờ đó được luân chuyển.

Kinh Niết-bàn chép: Thiện nam tử! Hãy lắng nghe! ta sẽ nói cho người thọ nghiệp dài lâu của Đức Như Lai. Bồ-tát vì nhân duyên đạo nghiệp này mà được sống lâu: Muốn được sống lâu cần phải thương tưởng tất cả chúng sanh giống như con đẻ của mình. Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, thọ trì giới không giết hại, dạy tu pháp lành, cũng nên dạy cho tất cả chúng sanh năm giới, mười lành, lại nguyện vào tất cả các ác thú như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la v.v... để cứu vớt khổ não cho chúng sanh, giải thoát cho người

chưa được giải thoát, độ cho người chưa được độ, người chưa Niết-bàn khiến được Niết-bàn, an ủi cho những ai còn khổ đau, sợ hãi. Nhờ các nhân duyên đạo nghiệp đó mà Bồ-tát được thọ mạng dài lâu, được trí tuệ tự tại, tùy theo thọ mạng, khi lâm chung được sanh về cõi Phật.

Ca-diếp cung kính thưa Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Trong Phật Pháp, có người phá giới, tạo tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp thì làm sao có thể coi như con đẻ của mình được?

Phật bảo Ca-diếp: Nay thiện nam tử! Ví như quần thần của các vua có người phạm Vương pháp thì theo đó mà giết chứ nhất định không bỏ qua. Như Lai Thế Tôn thì không như thế, đối với người hủy hoại pháp, thì có yết ma đuổi đi, yết ma quở trách, yết ma bỏ đi, yết ma cử tội, yết ma diệt tận, yết ma chưa xả bỏ ác kiến.

Nay thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn đối với người chê bai chánh pháp, thì làm các yết ma hàng phục, vì muốn dạy cho người làm ác biết quả báo mà họ phải thọ nhận. Sau khi ta Niết-bàn, tùy theo phương tiện mà xử trí.

Tỳ kheo có trì giới oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp thấy người hoại pháp liền có thể đuổi đi, hoặc quở trách, hoặc trừng trị, nên biết Tỳ kheo đó được phước báu vô lượng không thể tính kể. Còn, nếu thiện Tỳ kheo thấy người hoại pháp mà không quở trách, cử tội, đuổi đi, nên biết vị đó là kẻ oán trong Phật pháp. Nếu có thể đuổi đi, quở trách, cử tội thì là đệ tử Thanh Văn chơn thật của ta.

Lại nói, Nay chánh pháp vô thương của Đức Như Lai phó chúc cho các Quốc Vương, đại thần, tể tướng, tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Các Quốc Vương và bốn chúng ấy cần phải khích lệ người học, khiến cho họ tăng thêm giới định tuệ. Nếu có người không học ba pháp này, giải đãi, phá giới, hủy hoại chánh pháp thì Vua, đại thần, bốn chúng nên trừng trị gắt gao.

Lại như kinh nói: Nếu có Tỳ kheo thì nên cúng dường đầy đủ vật dụng, lại có thể rống lên tiếng rống sư tử, rồi rờ pháp mâu như Kinh, Luật, đem chín thể loại kinh điển như thế mà giảng rõ cho người khác, vì sự lợi ích, an lạc cho các chúng sanh mà nói lời ra điều đó. Trong kinh Niết Bàn ngăn cấm các Tỳ kheo không nên nuôi nô tỳ, trâu, dê, và các vật phi pháp. Nếu có Tỳ kheo nuôi các vật bất tịnh như thế, thì hãy trừng trị. Trong kinh khác trước đó Đức Như Lai nói: Có tỳ kheo nuôi các vật phi pháp, thì Quốc

Wang sẽ như pháp mà trị, khiến họ hoàn tục. Nếu có tỳ kheo có thể rống tiếng rống Sư tử như thế, khi đó, có những người phá giới, nghe lời này đều sanh lòng sân hận đến hại pháp sư đó. Người nói pháp ấy giả sử mạng chung đi nữa cũng nên nói. Cho nên gọi trì giới là lợi mình, lợi người, vì duyên đó ta chấp nhận cho Vua, Quần thần, Tể tướng, nam cư sĩ, nữ cư sĩ hộ trì người nói pháp.

Kinh chép: Khi Tỳ kheo Giác Đức hộ trì chánh pháp ngăn cấm các tỳ kheo không được phá giới, nuôi vật phi pháp. Đồ chúng phá giới nghe lời ấy rồi liền đến hại Tỳ kheo đó.

Bấy giờ, có vị Quốc Vương tên là Hữu Đức thà mất mạng để bảo vệ tỳ kheo Giác Đức, nên cùng chiến đấu, để cứu Pháp sư. Từ đó về sau, Quốc Vương Hữu Đức và tỳ kheo Giác Đức thường được gặp Phật, cho đến khi hai người đều được thành Phật. Đức Phật chỉ vào mình nói: Vị Quốc Vương thuở đó chính là ta đây, còn vị tỳ kheo nói pháp chính là Đức Phật Ca-diếp, do vì hộ trì pháp nên đều thành tựu được thân Kim Cang.

Lại nói: Sau khi Ta Niết-bàn, vào đời ác trước, cõi nước hoang loạn, cướp đoạt lẫn nhau, nhân dân đói khát. Bấy giờ, có nhiều người bị đói khát nên phát tâm xuất gia. Bọn người như thế gọi là bọn đầu trọc. Bọn đầu trọc đó thấy có tỳ kheo trì giới, đầy đủ oai nghi, thanh tịnh, hộ trì chánh pháp thì liền trụ xuất, hoặc giết hoặc hại.

Ca-diếp Bồ-tát cung kính thưa Phật: Kính thưa Đức Thế Tôn! Người trì giới, hộ trì chánh pháp làm sao vào được thôn xóm, thành ấp giáo hoá?

Nay thiện nam tử! Thế nên, nay ta chấp nhận cho người trì giới nương hàng cư sĩ để làm bạn. Nếu các Quốc Vương, đại thần, trưởng giả, nam cư sĩ v.v... do vì hộ pháp, cho nên, dầu cầm dao gậy, nhưng ta cho là trì giới. Tuy cầm dao gậy, nhưng đừng giết hại, nếu được như thế (tr-16) thì được gọi là trì giới bậc nhất.

Ta có đề cập đến các trường hợp: Có người phạm bốn Ba-la-di cho đến các tội Đột-cát-la nhỏ cũng nên trừng trị nghiêm khắc. Chúng sanh nếu không hộ trì giới cấm thì đâu thể nào thấy Phật tánh. Tất cả chúng sanh dù có Phật tánh nhưng cần nhờ trì giới, sau đó mới thấy. Nhờ thấy Phật tánh mới được thành tựu Vô Thương Bồ-đề, lại nói kệ rằng:

Nếu Tỳ kheo tu tập
Giới định và trí tuệ
Nên biết chẳng bao lâu



Khoá Tu Học Phật Pháp Âu Châu Kỳ Thứ 23
tại WIESELBURG - Áo Quốc từ ngày 22-07-2011



*Thân gần Đại Niết-bàn.
Lại nói Nguyệt Đẳng kệ rằng:
Đầu đọc khắp các kinh
Cậy nghe nhiều, phá giới
Nghe nhiều không thể cứu
Phá giới chịu khổ ngục.*

Kinh Thập Luân Phật nói kệ rằng:
*Có chân thiện Sát lợi
Cúng dường nơi chánh pháp
Ba thừa được lớn mạnh
Sẽ được biến công đức
Đầy đủ cả bảy báu
Đầy khắp Diêm-phù-đề
Dâng cúng dường chư Phật
Phước đó còn hạn lượng
Cho đến bốn thiên hạ
Tạo Tăng phòng cúng dường (tr-18)
Việc đó được phước lớn
Không bằng hộ chánh pháp
Giả sử vì chư Phật
Khắp nơi xây chùa tháp
Dù có được phước lớn
Không bằng hộ chánh pháp
Ví năm mặt trời hiện
Làm khô cạn đại dương
Người hộ pháp của Ta
Được sạch gút phiền não
Ví như gió bão thổi
Tất cả núi đều đổ
Người hộ trì chánh pháp
Cũng diệt các phiền não
Thí như lụt lội lớn
Ngập hư các đại địa
Người hộ trì chánh pháp
Cũng tiêu sạch phiền não. (tr-20)*

3. Thận trọng tư duy

Muốn thành vị đại lượng y hoằng truyền ba tạng, trước hết cần phải hợp cơ, tự trị bệnh của mình, sau trị bệnh cho người, khiến chánh pháp được tồn tại lâu dài, chẳng được vì danh lợi mà đàm luận suông, không tu một hạnh thì đồng với kẻ cuồng say. Cho nên, Luận Đại Trang Nghiêm chép: Có hai hạng người say: Một là say khi thành tựu tài sản.

Hai là say khi được người tánh dưỡng.

Hai hạng người say đó, một là đa số khi họ được giàu sang, trở nên đam mê, đắm ra sống phóng túng, tạo nhân địa ngục, hai là đa số người xuất gia ham theo danh lợi, coi rẻ tự thân, mong được người khác ca ngợi, đắm ra khởi tâm kiêu mạn, làm mê mờ chí thú, đánh mất Phật tâm, mù mờ không thấy biết, lặn hụp trong tam đồ.

Cho nên, Kinh Niết Bàn chép: Phật bảo Ca-diếp: Sau khi ta Niết Bàn trong khoảng bảy trăm năm, Ma Ba Tuần sẽ dần dần hủy hoại chánh pháp ta. Thí như kẻ thợ săn mà thân mặc pháp phục. Ma Vương Ba Tuần cũng thế, hóa làm thân tướng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, cũng hóa làm thân Tu-đà-hoàn cho đến làm thân A-la-hán, cho đến sắc thân Phật, ma vương dùng thân hữu lậu đó làm thân vô lậu để hủy hoại chánh pháp ta.

Kinh chép: Nếu có Tỳ kheo vì lợi dưỡng mà thuyết pháp cho người, đồ chúng quyến thuộc của vị ấy cũng bắt chước thầy của họ, ham cầu lợi dưỡng. Những người như thế tự phá hoại chúng.

Lại chép: Nếu có Tỳ kheo dù thọ trì giới cấm nhưng vì lợi dưỡng cùng với người phá giới ngồi, đứng, qua lại, thân gần, cùng làm việc thì đó gọi là phá giới, cũng gọi là tạp Tăng.

Lại chép: Lại có vị Thường Một, không phải là hạng Nhất-xiển-đề. Vì sao gọi như vậy? Vì người đó có tu bố thí, trì giới, nên gọi là Thường Một. Cho

nhên kinh chép: Nay thiện nam tử! Có bốn việc thiện phải chịu quả báo:

Một là vì muốn hơn người mà đọc tụng kinh điển.

Hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì tịnh giới.

Ba là vì muốn làm quyến thuộc của người khác mà hành bố thí.

Bốn là vì phi tướng, phi phi tướng xử mà buộc niệm tư duy.

Bốn việc thiện này phải chịu quả báo ác.

Lại nói: Nhất-xiển-đề đó diệt các căn lành, chẳng phải bậc pháp khí.

Giả sử người đó trăm ngàn vạn năm, chịu nghe kinh Đại Niết Bàn như thể nhưng không bao giờ phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm họ không tốt.

Kinh chép: Nay thiện nam tử! Sau khi ta Niết Bàn vô lượng trăm ngàn bốn đạo thánh nhân cũng đều Niết Bàn, sau khi chánh pháp diệt, trong thời tượng pháp sẽ có tỳ kheo ra về trì luật, ít đọc tụng kinh, ham ăn uống, trường dưỡng thân mình, thân mặc y phục thô xấu, dáng dấp tiêu tụy, không có oai đức, tự ý nuôi trâu dê, mang vác củi cỏ, râu tóc bờm xồm, móng vuốt bén nhọn. Kẻ đó tuy mặc cà sa nhưng chẳng khác gì kẻ thợ săn, bước đi từ tốn như mèo rình chuột, thường nói lời này: Ta đặc A-la-hán. Kẻ đó bị nhiều bệnh hoạn, nằm ngù trên phân uế, ngoài hiện hiền lành, trong lòng đầy dẫy tham lam tật đố. Như các Bà-la-môn ngọng, thật chẳng phải Sa môn mà hiện tướng Sa môn. Tà kiến lấy lừa, chẻ bai chánh pháp. Bọn người như thế, hủy hoại cấm giới, oai nghi chánh hạnh của Đức Như Lai, mà tự nói quả giải thoát là pháp bất tịnh cho đến hủy hoại thánh giáo sâu mầu, tự ý nói trái kinh luật mà nói lời rằng: Như Lai đều chấp nhận cho chúng tôi ăn thịt uống rượu. Tự làm ra luận này rồi nói đó là Phật thuyết, cùng nhau tranh tụng tự xưng là Sa môn thích tử.

Này thiện nam tử! Khi đó, lại có các Sa môn cắt giữ lúa thóc, nhận lấy cá thịt, tự tay làm thức ăn, cầm nắm đầu bình, lộng bầu, giầy da, thân gần Quốc vương, đại thần, trưởng giả, coi tướng, đoán sao, siêng tu y đạo, nuôi dưỡng nô tỳ, cất giữ vàng bạc châu báu, học các nghề nghiệp, họa sư, viết sách, dạy học, chạy theo tà đạo, bùa chú, hoà hợp các thuốc, tác xương kỳ nhạc hương hoa bôi thân, sư bồ vi mổ, các thứ nghề thợ.

Nếu có Tỳ kheo có thể lìa các việc ác như thế, nên nói người ấy là đệ tử chơn thật của Ta. Trái lại, nếu học theo các việc ấy, thân gần Quốc Vương, vương tử, đại thần và nữ giới, lớn tiếng, cười đùa, hoặc lại im lặng, đối với các pháp phần nhiều sanh nghi ngờ, nhiều lời, nói dối, dài ngắn, tốt xấu, hoặc thiện hoặc bất thiện, ham đắm y đẹp, các vật bất tịnh như thế. Ở trước thí chủ, cúi mình tự khen, ra vào, dạo chơi chỗ bất tịnh như mua bán bia rượu, dâm nữ, cờ bạc. Hạng người như thế, nay ta không chấp nhận ở trong chúng tỳ kheo, hãy nên khiến họ bỏ đạo hoàn tục, thí như diệt sạch lúa tẻ.

Nên biết các kinh luật đều do Đức Như Lai nói. Nếu có người thuận theo ma nói thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo Phật nói tức là Bồ-tát.

Thậm chí kinh chép: Tỳ kheo phá giới sẽ ở trong trăm ngàn ức vạn kiếp số chẻ cắt thân thịt của mình để trả nợ cho thí chủ, hoặc sanh làm thân súc sanh, thường mang vác nặng. Vì sao? Như chẻ sợi tóc làm ngàn ức phần. Tỳ

keo phá giới không thể tiêu một phần cúng dường, huống gì có thể tiêu dùng áo mặc, cơm nước, đồ nằm, thuốc men!

Lại nói: Ufa nhìn phụ nữ, không cậy người nam, cho đến ghét người trì giới, thân cận người phá giới, thường khen bố thí, không khen trì giới, nhẩn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, không khen tịch diệt, xa lìa lối sống độc cư, thường ưa chê bai lỗi người trì giới. Không ngợi ca người tu hạnh đầu đà, hoặc chỉ trích việc ấy lại thêm mẫn chửi ngang xương.

Kinh chép: Nay thiện nam tử! Chánh pháp Như Lai sắp muốn diệt tận. Bảy giờ, có nhiều Tỳ kheo làm ác, không biết kho tàng bí mật sâu mầu của Như Lai, giải đãi, biến lười, không thể đọc tụng, tuyên dương, giảng giải chánh pháp Như Lai, kẻ đó thí như bọn giặc si mê bỏ đi trần bào, gánh lấy cỏ khô, không thấu hiểu kho tàng bí mật mầu nhiệm của Như Lai. Bởi vậy, trong kinh nói giải đãi, không siêng là hiểm hóc lớn thật đáng thương thay! Chúng sanh ở đời tương lai rất đáng kinh sợ. Khổ thay chúng sanh không siêng năng nghe nhận kinh điển Đại thừa!

Kinh Đại Niết Bàn chỉ các Bồ-tát-maha-tát có thể ở nơi kinh ấy chọn lấy nghĩa chơn thật mà không vướng mắc vào văn tự, tùy thuận, không trái nghịch, giảng nói cho chúng sanh.

Lại nữa, Này thiện nam tử! Như người mục nữ vì muốn bán sữa, nhưng do ham lợi cho nhiều, nên pha thêm hai phần nước, đem bán cho mục nữ khác. Người kia được sữa lại pha thêm hai phần nước nữa, đem bán cho người nữ gần thành thị. Người này được sữa lại pha thêm hai phần nước nữa, rồi đem bán cho người nữ trong thành. Người nữ trong thành mua được sữa lại pha thêm hai phần nước nữa rồi đem ra chợ bán. Khi đó có một người cưới vợ cho con trai, nên cần sữa tốt để đãi khách, ra chợ mua sữa. Khi đó người bán sữa đòi giá cao. Người đó đáp rằng: Sữa của cô pha nhiều nước không đáng giá như thế, hãy nói đúng giá, nay ta cần đãi khách nên

nói giá cả thỏa đáng thì mua. Mua sữa về nhà chưng làm đề hồ thì hoàn toàn không còn mùi vị sữa. Mặc dù sữa không có vị nhưng vẫn hơn ngàn lần vị đắng vì vị của sữa hơn cả trong các vị.

Này thiện nam tử! Sau khi Ta Niết Bàn hơn tám mươi năm, chánh pháp chưa diệt hết. Bảy giờ, kinh này mới được lưu hành rộng rãi ở nơi Diêm-phù-đề. Khi đó, có nhiều ác Tỳ kheo sao chép, chia chẻ kinh này ra làm nhiều phần khiến cho sắc hương mùi vị của chánh pháp hoại diệt. Các ác Tỳ kheo đó dù vẫn đọc tụng kinh điển này, nhưng bỏ nghĩa lý cốt yếu thâm sâu của Như Lai, trao chuốt lời văn bóng bẩy nhưng vô nghĩa. Chép đoạn trước để đoạn sau, chép đoạn sau để đoạn trước, chép đoạn trước, đoạn sau để vào giữa, đem đoạn giữa chép ra trước, sau. Nên biết các ác Tỳ kheo như thế là bè bạn của ma, nhận nuôi cất tất cả các vật bất tịnh, rồi cho rằng Đức Như Lai đều chấp nhận cho tôi nuôi, giống như mục nữ kia pha thêm nhiều nước vào sữa. Các ác Tỳ kheo cũng lại như thế, chỉ dùng lời lẽ thế gian làm cho là kinh này, khiến cho nhiều chúng sanh không nói đúng, viết đúng, thọ nhận đúng, ngợi khen cung kính cúng dường, các ác Tỳ kheo đó vì lợi dưỡng, không thể hoằng truyền rộng rãi kinh này. Nếu có lưu truyền cũng không đầy đủ, như mục nữ nghèo cùng kia, càng làm cho sữa lợt lạt không có mùi vị. Dầu sữa không có mùi vị nhưng vẫn hơn vị khác gấp ngàn lần, bởi vì vị của sữa kia hơn hẳn các vị đắng ngàn lần. Vì sao? Vì Kinh Đại Niết Bàn thuộc kinh điển Đại thừa nên hơn cả các kinh Tiểu thừa. Giống như vị sữa bò là hơn cả. Vì nghĩa này nên gọi là Đại Niết bàn.

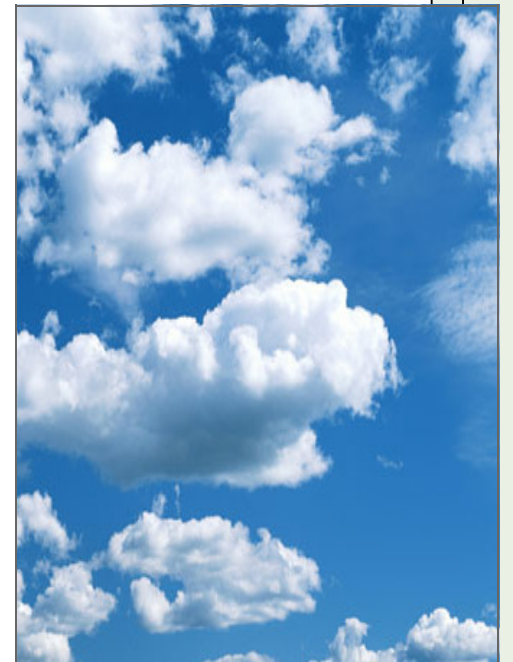
(Trích từ *Pháp Uyển Châu Lâm*, quyển 30, Đại Tạng Kinh, No.2210)

Phù Vân

*Trời mây lụng lụng bao la
Tâm vị tha dung chứa đại sơn hà
Vị Phật pháp gần vượt qua
Ta bà là chốn tịch tịch phong ba
Kiếp người khổ lụy trầm kha
Làm sao ly được mới là chơn như
Tu là tích đức hiển tử
Tu là tịnh nhiếp vạn trừ sâu bi.*

Mùa thu-Linh Mục-Hải ngoại

TỊNH HẠNH



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

ẤN ĐỘ: Triển lãm tranh của họa sĩ Sohan Qadri tại New Delhi

New Delhi, Ấn Độ - Sohan Qadri là một trong những họa sĩ tâm linh hàng đầu của Ấn Độ. Ông từ trần tại Canada vào tháng 3-2011.

Vào ngày 1-9-2011, một cuộc triển lãm hiếm có 70 trong số các tranh trừu tượng sáng tác từ năm 1960 đến 2010 của ông đã được tổ chức tại New Delhi. Cuộc triển lãm đầu tiên xuyên suốt 50 năm sáng tác của cuộc đời họa sĩ Qadri, được trưng bày tại Phòng triển lãm Visual Arts trong một tuần, đã được khai mạc bởi Bộ trưởng Du lịch Liên bang Subodh Kant Sahay.

Nghệ thuật trừu tượng của Qadri lấy cảm hứng từ yoga Kudalini, kinh Vệ đà Rig và Phật giáo Mật tông Kim cang thừa.

Ông đã làm việc với phòng triển lãm Kumar tại New Delhi từ năm 1965 với danh vị một họa sĩ nổi tiếng.

(Mangalorean.Com - September 3, 2011)



Đại đức Yuki Sugahara đứng trước bàn thờ chính ở Giáo hội Phật giáo Florin, Sacramento - Photo: Myoho Pulai

CAM BỐT: Lịch sử Phật giáo của cố đô Angkor

Nằm ở tỉnh Siem Reap, thành phố Angkor (Angkor Wat) từng là kinh đô của đế chế Khmer. Phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ 13 như là mối liên hệ nổi bật của nền văn minh Khmer, kỳ quan vũ trụ học Angkor Wat trải rộng 200 km vuông, lưu dấu một lịch sử phong phú và kỳ lạ của Ấn Độ giáo đa sắc và Phật giáo trầm mặc.

Các vị vua đã trị vì và Angkor đã phát triển rực rỡ trong 500 năm. Tuy nhiên, sức mạnh của đế chế Khmer không tồn tại lâu dài. Thành phố Angkor đã bị quân đội Thái chiếm đóng vào năm 1431, bị bỏ hoang và quên lãng trong gần 4 thế kỷ, cho đến khi được tái khám phá vào thế kỷ thứ 19 bởi nhà tự nhiên học người Pháp Henri Mouhot. Kể từ đó, linh địa này được các tu sĩ Phật giáo bảo quản và giờ đây thu hút người hành hương và du khách từ khắp thế giới, đến để tìm sự tĩnh tâm và chiêm ngưỡng nền kiến trúc Khmer tuyệt đẹp này.

Ngày nay, lịch sử Phật giáo của thành phố cổ Angkor tạo được tiếng vang mạnh mẽ - được minh chứng qua các pho tượng và các đền thờ Phật, và qua rất nhiều người hành hương cầu khẩn với nhang thơm tỏa nhẹ khắp những hàng hiên.

(Brunei Press - September 4, 2011)



Thành phố cổ Angkor tại Siem Reap, Cam Bốt - Photos: NYL

BẮC HÀN: Chư tăng 2 miền Nam - Bắc Hàn đồng tổ chức lễ kỷ niệm 1.000 năm bản khắc kinh

Bình Nhưỡng, Bắc Hàn - Vào ngày 5-9-2011, các tăng sĩ từ Nam và Bắc Hàn đồng tổ chức một nghi lễ tôn giáo hiếm có tại miền Bắc, giữa lúc có những dấu hiệu đầy hy vọng gần đây cho thấy tình trạng thù địch của 2 bên đang giảm nhẹ.

Các nhà sư Nam Hàn đã đến Bắc Hàn vào ngày 3-9-2011.

Hình ảnh từ Tin Truyền hình của hãng AP cho thấy chư tăng cùng chấp tay và cúi đầu trước một tượng Phật tại ngôi chùa cổ Pohyon.

Buổi lễ tại tây bắc Bình Nhưỡng này diễn ra nhân kỷ niệm 1.000 năm một bản khắc kinh sách Phật giáo quan trọng, được xem là linh thiêng đối với Phật tử của cả 2 miền Nam-Bắc Hàn.

(AP - September 5, 2011)

LIÊN BANG NGA: Phái đoàn Phật giáo từ Ấn Độ thăm Phật tử Nga

Cuối tháng 8 năm nay đánh dấu một sự kiện được nhiều mong đợi: một phái đoàn từ Tu viện Phật giáo Tây Tạng Drepung Gomang của Ấn Độ đến nước cộng hòa Tuva vào ngày 24-8-2011. Trong 2 tuần, các vị Lạt ma của trung tâm Phật giáo này đi khắp nước cộng hòa để giao lưu với tín đồ bản địa và thực hiện các nghi lễ tôn giáo.

Sau đó, các nhà sư Drepung Gomang đi thăm Phật tử tại vùng Irkutsk, Buryatia và vùng Xuyên-Baikal, trước khi hoàn thành sứ mệnh của họ tại cộng đồng Phật giáo Moscow.

Sư trưởng Tăng đoàn Phật giáo Truyền thống của Nga là Lạt ma Pandito Hambro nói rằng: Drepung Gomang rất có ý nghĩa đối với Phật tử Nga, vì đó không chỉ là một tu viện và đền thờ, mà còn là một trung tâm giác ngộ tinh thần của Phật giáo. Nhiều vị Lạt ma Nga đã học tập ở đó, và một số vị thậm chí đã trở thành các trụ trì tu viện. Có khoảng 90 người Nga hiện đang học tại Drepung Gomang và con số này có thể tăng trong tương lai.

(The Indus - September 6, 2011)

HÀN QUỐC: Lễ hội quốc tế kỷ niệm 1.000 năm bộ kinh Tam tạng Triều Tiên

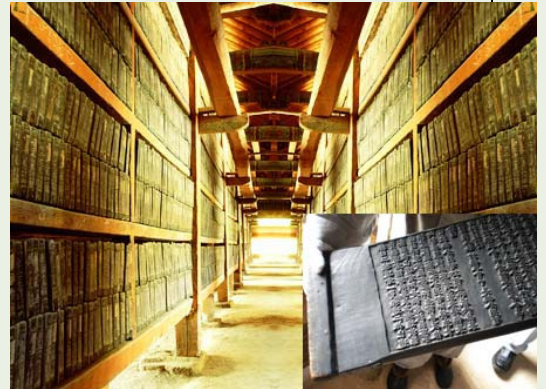
Chính quyền hạt Hapcheon và tỉnh Nam Gyeongsang sẽ tổ chức một lễ hội quốc tế lớn từ ngày 23-9 đến 1-11-2011 để chào mừng kỷ niệm 1.000 năm bộ kinh gần đây ở thủ đô New Delhi, Đức Đạt lai Lạt ma đã khánh thành Trung tâm Nghiên cứu Tây Tạng ở trường Đại học Mở Quốc gia Indira Gandhi (IGNOU). Ngài cũng được trường đại học này tặng bằng tiến sĩ văn khoa.

Mục đích của trung tâm là bảo tồn nền văn hóa Tây Tạng tại Ấn Độ và Nepal. Trung tâm đã đưa ra 3 chương trình - giấy chứng chỉ, bằng Cử nhân và bằng Thạc sĩ tương ứng về Nghiên cứu Phật giáo và Tây Tạng. Các chương trình này sẽ được dạy tại các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng khu vực ở Dharamshala,

sĩ quốc tế từ 30 nước.

Chùa Haein được thành lập vào năm 802, tọa lạc tại vườn quốc gia Gaya. Chùa là nơi lưu giữ bộ kinh Tam tạng Triều Tiên kể từ năm 1398.

(The Korea Times - September 9, 2011)



Kinh Tam tạng Triều Tiên bản khắc gỗ trong tầng kinh các của chùa Haein

TÍCH LAN + MIỄN ĐIỆN: Thúc đẩy du lịch hành hương giữa 2 nước

Trong một cuộc họp báo vào ngày 9-9-2011 tại Hội đồng Phát triển Du lịch Tích Lan, ông Aye Kyaw - Giám đốc Dịch vụ Du lịch Ruby Lanka của Miến Điện phát biểu rằng: Sau Ấn Độ, trong tương lai Tích Lan sẽ là lựa chọn thứ 2 của Miến Điện cho các cuộc tham quan hành hương.

Là trưởng phái đoàn Miến Điện, ông Kyaw cùng các thành viên đã đến Tích Lan theo lời mời của ngành du lịch Travelon Tích Lan để thúc đẩy du lịch hành hương giữa 2 nước.

Ông nói rằng trung bình hàng năm có 6.000 người Miến Điện viếng Bodhgaya ở Ấn Độ. Nhưng trong tương lai sẽ có ít nhất 1.000 người trong số đó đến Tích Lan, vì người dân Miến Điện rất mong muốn được viếng những nơi Đức Phật đã đến thăm.

Ông Kyaw nói có 320 nhà sư Miến Điện đang sống tại Tích Lan, và điều này giúp phát triển mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân dân 2 nước.

Ông nói rằng một lợi thế khác cho họ là Tích Lan không chỉ là một điểm đến hành hương, mà còn có những bãi biển và núi non rất đẹp cũng như những trung tâm mua sắm.

(dailynews.lk - September 12, 2011)

ẤN ĐỘ: Khánh thành Trung tâm Nghiên cứu mới tại trường IGNOU

New Delhi, Ấn Độ - Tại một buổi lễ được tổ chức gần đây ở thủ đô New Delhi, Đức Đạt lai Lạt ma đã khánh thành Trung tâm Nghiên cứu Tây Tạng ở trường Đại học Mở Quốc gia Indira Gandhi (IGNOU). Ngài cũng được trường đại học này tặng bằng tiến sĩ văn khoa.

Mục đích của trung tâm là bảo tồn nền văn hóa Tây Tạng tại Ấn Độ và Nepal. Trung tâm đã đưa ra 3 chương trình - giấy chứng chỉ, bằng Cử nhân và bằng Thạc sĩ tương ứng về Nghiên cứu Phật giáo và Tây Tạng. Các chương trình này sẽ được dạy tại các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng khu vực ở Dharamshala,



Họa sĩ Qadri và một số tác phẩm của ông - Photos: Raman Iyer và Google

HOA KỲ: Sư trưởng mới của Giáo hội Phật giáo Florin ở Sacramento

Sacramento, California - Đại đức Yuki Sugahara, 31 tuổi, đã trở thành sư trưởng mới của giáo hội Phật giáo Florin thuộc Tịnh Độ Chân Tông ở thành phố Sacramento. Đại đức Sugahara từ Tokyo, Nhật Bản đến Hoa Kỳ vào ngày 19-7-2011, để đáp ứng sự khai thông quan trọng trong cấu trúc tổ chức của giáo hội này.

Trong 3 năm rưỡi qua, 200 hội viên giáo hội Phật giáo Florin không có vị sư trưởng, do vị tiền nhiệm đã rời giáo hội để giảng dạy môn Phật giáo tại trường đại học Evergreen ở bang Washington.

Trong khi kiên nhẫn chờ đợi Đại đức Yuki Sugahara đến Hoa Kỳ để nhậm chức, các hội viên ở Florin đã được Giáo hội Phật giáo Sacramento bảo trợ trong việc hướng dẫn lễ nghi vào Chủ nhật và các nhu cầu khác của họ.

(examiner.com - September 2, 2011)



trường Đại học Nghiên cứu Phật giáo Trung ương ở Sarnath và Nhà Tây Tạng ở Delhi.

IGNOU sẽ cung cấp tư liệu học tập, và sẽ cùng với trường Đại học Nghiên cứu Phật giáo Trung ương Sarnath cấp phát các văn bằng.

(TNN - September 12, 2011)



Biểu trưng của Trung tâm Nghiên cứu Tây Tạng tại IGNOU, New Delhi - Photo: UNPO

TRUNG QUỐC: Bảo tồn tu viện Trangu của Phật giáo Tây Tạng

Ngày 12-9-2011, chính phủ Trung quốc đã phê duyệt việc bảo tồn tu viện 750 năm tuổi Trangu, và công việc sẽ bắt đầu trong thời gian tới.

Tu viện Trangu ở vùng núi gần thị trấn Gyegu, là một trong 3 tu viện quan trọng nhất của huyện Yushu, tỉnh Thanh Hải. Đây là vùng có người Tây Tạng chiếm đa số, trong đó phần lớn là tín đồ Phật giáo Tây Tạng.

Tu viện Trangu đã bị trận động đất cách đây hơn một năm tàn phá, khiến hầu hết các tòa nhà bị san bằng. Hàng nghìn tác phẩm và quyển kinh bị chôn vùi dưới đống đổ nát.

Chính phủ đã cam kết khoản đầu tư ban đầu là 4 triệu nhân dân tệ (640.000 usd) cho việc bảo tồn, trong khi tu viện sẽ làm công việc gây quỹ để xây dựng địa điểm bị tàn phá này thành một công viên tưởng niệm tổng hợp.

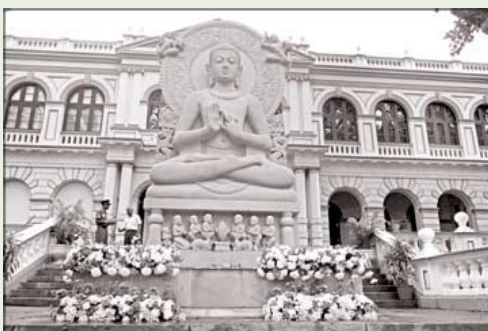
(Xinhua - September 13, 2011)

TÍCH LAN: Khánh thành tượng Phật cao 16 feet tại thành phố Kandy

Ngày 10-9-2011, một tượng Phật cao 16 feet đã được khánh thành tại lối vào của khu Bảo tàng Phật giáo Quốc tế ở Sri Dalada Maligawa.

Đây là một tác phẩm điêu khắc tinh tế và là một bản sao của pho tượng gốc nổi tiếng thuộc thế kỷ thứ 5 (vào Thời đại Gupta) từ Sarnath, Ấn Độ - nơi Đức Phật giảng bài thuyết pháp đầu tiên của Ngài sau khi giác ngộ. Bệ của pho tượng chuyển pháp luân này được các nghệ nhân bậc thầy chạm khắc đặc biệt tại Ấn Độ, từ một khối đá sa thạch Chunar có màu beige, được tìm thấy gần Sarnath.

(dailynews.lk - September 13, 2011)



Tượng Phật cao 16 feet vừa được khánh thành tại Kandy, Tích Lan - Photo: dailynews.lk

INDONESIA: Hội nghị toàn cầu về Phật giáo (GCB) lần thứ 7

Hội nghị Toàn cầu về Phật giáo (GCB) lần thứ 7 sẽ được tổ chức tại Jakarta, Indonesia từ ngày 10 đến 11-12-2011.

Chủ đề của GCB này là "Các giải pháp Phật giáo cho Thời Hiện đại Khó khăn", bao gồm 8 chủ đề khác nhau về các vấn đề bất tận và tái diễn và sự bất mãn cuộc sống.

11 vị thầy và học giả Phật giáo nổi tiếng từ khắp thế giới sẽ tham dự hội nghị và thuyết pháp. Trong số các diễn giả nổi tiếng được mời dự GCB lần thứ 7 bao gồm Ajahn Brahmavamso, Đại đức Ringu Tulku, Hòa thượng Guo Jun Fashi, Hòa thượng Hueiguang, Angie Monksfield và Tiến sĩ Wong Yin Onn.

Ban tổ chức là Hội Phật giáo Indonesia nói rằng GCB lần thứ 7 sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng Phật giáo của đất nước này.

(The Buddhist Channel - September 17, 2011)



Biểu trưng của GCB lần thứ 7 - Photo: The Buddhist Channel

HÀN QUỐC: Số liệu về bộ Tam tạng Triều Tiên

Seoul, Hàn Quốc - Với chủ đề "Hơi thở của người Cao Ly với 1.000 năm của trí tuệ", lễ hội văn hóa năm 2011 chào mừng bộ Tam tạng Triều Tiên 1.000 năm tuổi sẽ được tổ chức từ ngày 23-9 đến 6-11-2011 tại hạt Hapcheon, tỉnh Nam Gyeongsang.

Tam tạng Triều Tiên được xem là những mộc bản có chất lượng cao nhất thế giới và do đó được UNESCO công nhận là di sản kỷ lục thế giới.

Hoàn thành vào năm 1251, Tam tạng Triều Tiên là mộc bản cổ xưa nhất thế giới. Người ta ước tính rằng phải mất 20 năm để tạo ra 81.258 mộc bản có trọng lượng gần 280 tấn này. Chiều cao của các mộc bản là khoảng 3.200 mét tính theo chiều dọc, và chiều dài là khoảng 60 km khi xếp thành hàng dài. Có khoảng 5.200 ký tự được khắc để ghi lại 1.538 loại kinh điển Phật giáo.

Từ 1.000 năm nay, mộc bản Tam tạng Triều Tiên được lưu giữ an toàn tại Janggyeong Panjeon - tàng kinh các bằng gỗ của chùa Haein ở hạt Hapcheon này. Ngôi chùa Haein và tòa nhà Janggyeong Panjeon cũng là những di sản văn hóa thế giới của UNESCO.

(The Buddhist Channel - September 15, 2011)



ẤN ĐỘ: Phát hiện bảo tháp Phật giáo tại huyện Krishna của bang Andhra Pradesh

Một Phật tháp hình bán cầu thuộc thời đại Kim cang thừa của Phật giáo (có niên đại thế kỷ thứ 6 và thứ 7 sau Công nguyên) được Sở Khảo cổ học của bang Andhra Pradesh tình cờ khai quật, sau khi họ thấy một viên gạch lớn ở vùng gần một ngọn đồi tại làng Munjuluru ở huyện Krishna của bang này.

Năm rải rác trong khu vực cần cỗi rộng nhiều mẫu Anh gần bảo tháp này là những di tích văn hóa Phật giáo.

Bảo tháp được xây bằng gạch trấu, mỗi viên có bề ngang 23 cm, cao 7 cm và dài 28 cm - vật liệu xây dựng tiêu biểu thuộc Phật giáo giai đoạn cuối (thời kỳ Phật giáo Kim cang thừa được tu tập tại Tây Tạng và Mông Cổ).

Bảo tháp có đường kính 10 mét, nay đang trong tình trạng đổ nát, tuy vậy sẽ là một di tích Phật giáo nữa được thêm vào với 4 di tích chính trong huyện.

(The Hindu - September 19, 2011)

HOA KỲ: Pakistan tuyên bố chủ quyền một tượng Phật được nhà Christie (New York) bán đấu giá

Pakistan đã xác định chủ quyền đối với một tượng Phật được nhà Christie đưa ra để bán đấu giá. Giá khởi điểm cho pho tượng đã được nêu ở mức 4,45 triệu usd.

Một viên chức UNESCO có trụ sở tại Paris đã theo dõi cuộc bán đấu giá pho tượng và lên tiếng báo động. Qua sự can thiệp của UNESCO, cuộc đấu giá bị đình chỉ, và Pakistan đã được yêu cầu phải chứng minh chủ quyền của mình.

Pho tượng Phật Bồ Sa Tha bằng phiến thạch xám này được một mục quảng cáo mô tả là tác phẩm Gandhara thế kỷ thứ 3 hoặc thứ 4 hấp dẫn nhất trong toàn bộ sưu tập của nhà Christie.

Một nhà sưu tập tư nhân đã mua pho tượng tại Đức vào năm 1981 và giao cho nhà Christie. Một viên chức Bộ Khảo cổ và Bảo tàng Pakistan nói rằng tài sản văn hóa này đã bị khai quật trái phép từ các di tích ở vùng Gandhara và buôn lậu khỏi Pakistan vào đầu thập kỷ 1980.

(IANS - September 19- 2011)

THÁI LAN: Chùa Wat Lak Muang được quân đội bảo vệ

TIN ANH: Photos: France 24



1/ Một binh sĩ Thái cùng các nhà sư bên trong chùa Wat Lak Muang, cách trung tâm thành phố Pattani ở miền nam vài cây số. Với dây thép gai, hầm bao cát và đội bảo vệ vũ trang, Wat Lak Muang trông giống một tiền đồn quân sự hơn là một đền thờ Phật giáo tiêu biểu.



2/ Các binh sĩ Thái đang nhận chỉ thị buổi tối tại căn cứ của họ bên trong chùa Wat Lak Muang. Do cuộc bạo động chết chóc bùng phát tại khu vực Hồi giáo chiếm ưu thế cách đây 7 năm, quân đội đã trở thành không thể tách rời với các nghi lễ tôn giáo trong khu vực này.



3/ Hàng ngày, binh sĩ Thái giữ an ninh cho các tu sĩ Phật giáo trong suốt cuộc khất thực buổi sáng của họ trong làng Leamnok ở ngoại ô thành phố Pattani. Thịnh thoảng tại chùa Wat Lak Muang, binh sĩ vũ trang trở về sau khi tuần tra bằng xe tải.

(France 24 - September 20, 2011)





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ, xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:**

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "*Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận.*"

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ VÀ CANADA

BAN TỔ CHỨC

Tu Viện An Lạc - 981 E. San Jose Ave, Ventura, CA 93004 - Tel. (805) 638-8843 / (805) 816-8799

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I

5 Ngày

Từ Thứ Năm 27-10 đến Thứ Hai 31-10-2011

Embassy Suites Mandalay Beach Hotel & Resort
2101 Mandalay Beach Road, Oxnard, CA 93035.

LỆ PHÍ: \$300.

Bao gồm: khách sạn, ăn uống

Hạn chót ghi danh và hồi báo: 27/9/2011

Chi tiết hoặc ghi danh:

Hoa Kỳ: (805) 304-6259, (808) 222-0909,
(408) 828-5707, (714) 510-4980, (714) 548-4148.

Canada: (905) 712-8809, (613) 231-2516,
(514) 735-9425.

E-mail: missionanlac@yahoo.com

BAN GIÁO THỌ SƯ:

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan
Hòa Thượng Thích Thái Siêu
Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu
Hòa Thượng Thích Phước Tịnh
Hòa Thượng Thích Thông Hải
Hòa Thượng Thích Bồn Đạt
Thượng Tọa Thích Tâm Hòa.

Hành Hương và Du Lịch

(Option/không bắt buộc)

2 Ngày Hành Hương và Du Lịch
Miền Nam California Sau Khóa Tu
từ 31/10/2011 - 2/11/2011

Lệ Phí \$150 bao gồm Hotel và Tour Bus

Mọi chi tiết xin liên lạc Hải Đức
điện thoại: (805) 816-8799.



Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP

803 S. Sullivan Street

Santa Ana, CA 92704

Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp Số 30, tháng 10 năm 2011, do Tu Viện An Lạc (California) và Chân Không (Hawaii) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.